

DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ HỦY HỌC PHẦN DO KHÔNG HOÀN THÀNH HỌC PHÍ HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2023 - 2024

Chú ý: - Sinh viên đã đóng tiền qua ngân hàng mà vẫn có tên trong danh sách này cần khẩn trương liên hệ phòng Tài chính để kiểm tra, đối chiếu.
Phòng Đào tạo sẽ tiến hành hủy học phần vào ngày 03/04/2024.

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	010100008104	An toàn hàng không	2	
2	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	22ĐHQTTH	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3	2331510035	Trần Minh	Thư	23ĐHĐT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
4	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
5	2331510074	Nguyễn Cao	Cường	23ĐHĐT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
6	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
7	2331720023	Đinh Thị Phương	Hậu	23ĐHNA01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
8	2331720077	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	23ĐHNA02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
9	2331720262	Lê Bảo	Châu	23ĐHNA02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
10	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
11	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
12	2331720294	Lê Thị Tuyết	San	23ĐHNA06	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
13	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	23ĐHNA06	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
14	2331310021	Trần Thiên Linh	Nguyên	23ĐHQT01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
15	2331310106	Đào Công	Hậu	23ĐHQT02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
16	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHQT03	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
17	2331310122	Nguyễn Phạm Hoài	Anh	23ĐHQT03	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
18	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQT03	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
19	2331310533	Phan Thị Thanh	Hằng	23ĐHQT04	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
20	2331310304	Trương Bảo	Hân	23ĐHQT06	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
21	2331310307	Đặng Thanh	Nguyên	23ĐHQT06	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
22	2331310310	Nguyễn Thị Thu	Phương	23ĐHQT06	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
23	2331310333	Thái Nhật	Vy	23ĐHQT06	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
24	2331530015	Võ Thiên	Phú	23ĐHTĐ01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
25	2331530096	Võ Phạm Hồng	Phúc	23ĐHTĐ01	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
26	2331530051	Đoàn Nhật	Thy	23ĐHTĐ02	010100000101	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
27	2152210039	Nguyễn Trần Anh	Thư	21ĐHNATM	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
28	2258130005	Lê Nhựt	Huỳnh	22ĐHDL01	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
29	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
30	2331730078	Nguyễn Hồng Thủy	Tiên	23ĐHDL02	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
31	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
32	2331520136	Phạm Nguyên	Vũ	23ĐHKT03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
33	2331720112	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	23ĐHNA03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
34	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	23ĐHNA07	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
35	2331310596	Nguyễn Minh	Phúc	23ĐHQT03	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
36	2331310205	Nguyễn Diệu	Linh	23ĐHQT04	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
37	2331530084	Mai Thành	Đạt	23ĐHTĐ02	010100000103	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
38	1953020089	Nguyễn	Tiên	19ĐHĐT02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
39	2331730017	Đoàn Ngọc Thảo	Chi	23ĐHDL01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
40	2331720028	Võ Hoàng Khánh	Ngọc	23ĐHNA01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
41	2331720397	Lê Thị	Phương	23ĐHNA01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
42	2331720424	Trần Cẩm	Nhung	23ĐHNA01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
43	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	23ĐHNA02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
44	2331720430	Đào Thiên	Mỹ	23ĐHNA02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
45	2331720115	Lê Phương	Nguyên	23ĐHNA03	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
46	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
47	2331720172	Nguyễn Thị Hồng	Lan	23ĐHNA04	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
48	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
49	2331720223	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
50	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
51	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
52	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
53	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
54	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
55	2331720411	Hoàng Kim Mỹ	Thạch	23ĐHNA05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
56	2331310048	Nguyễn Vương Yên	Như	23ĐHQT01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
57	2331310288	Trịnh Nguyễn Xuân	Nhi	23ĐHQT05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
58	2331310560	Nguyễn Huỳnh Nhã	Phương	23ĐHQT05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
59	2331310605	La Kim	Thư	23ĐHQT05	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
60	2331310451	Đinh Ngọc Bảo	Vy	23ĐHQT08	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
61	2331530010	Trầm Hữu	Thoại	23ĐHTĐ01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
62	2331530023	Trần Anh	Tuấn	23ĐHTĐ01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
63	2331530031	Lâm Duy	Anh	23ĐHTĐ01	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
64	2331530056	Vũ Minh	Triết	23ĐHTĐ02	010100000104	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
65	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
66	2331730060	Bùi Duy	Khải	23ĐHDL01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
67	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	23ĐHĐT01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
68	2331510072	Phan Hoàng	Vũ	23ĐHĐT01	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
69	2331720089	Phạm Nguyễn Ngọc	Nhi	23ĐHNA02	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
70	2331720229	Lê Thị Anh	Thư	23ĐHNA05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
71	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
72	2331720302	Đặng Trần Gia	Hân	23ĐHNA06	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
73	2331720392	Bành Quốc	Hưng	23ĐHNA06	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
74	2331720354	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
75	2331720383	Lê Nhó	Hoài	23ĐHNA07	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
76	2331310197	Nguyễn Trần Phương	Vy	23ĐHQT04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
77	2331310573	Đặng Khánh	Nhi	23ĐHQT04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
78	2331310613	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	23ĐHQT04	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
79	2331310293	Võ Thị Khánh	Quyên	23ĐHQT05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
80	2331310322	Nguyễn Trần Song	Nguyên	23ĐHQT06	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
81	2331310323	Âu Nguyễn Hoàng Thiê	Kim	23ĐHQT06	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
82	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQT08	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
83	2331310436	Hồ Văn	Mạnh	23ĐHQT08	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
84	2331310450	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23ĐHQT08	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
85	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
86	2331310519	Mai Phương	Anh	23ĐHQT09	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
87	2331310544	Nguyễn Hữu	Phúc	23ĐHQT09	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
88	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100000105	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
89	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
90	2331720113	Vũ Đình Minh	Trí	23ĐHNA03	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
91	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQT02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
92	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
93	2331310294	Võ Thị Khánh	Phương	23ĐHQT05	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
94	2331310388	Trịnh Hải	Đặng	23ĐHQT07	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
95	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQT09	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
96	2331530069	Nguyễn Minh	Đạt	23ĐHTĐ02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
97	2331530091	Đặng Trần Đăng	Khoa	23ĐHTĐ02	010100000106	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
98	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
99	2331730113	Hoàng Lê Bình	An	23ĐHDL02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
100	2331720222	Nguyễn Phạm Phương	Vi	23ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
101	2331720225	Bùi Thiên	Tài	23ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
102	2331720241	Võ Ngọc	Tú	23ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
103	2331720245	Đỗ Như	Ý	23ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
104	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
105	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
106	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	23ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
107	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	23ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
108	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	23ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
109	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
110	2331310130	Trần Thị Diệu	Linh	23ĐHQT03	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
111	2331310156	Hoàng Uyên	Thanh	23ĐHQT03	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
112	2331310167	Đinh Hữu Thái	Thịnh	23ĐHQT03	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
113	2331310355	Hoàng Châu Bảo	Di	23ĐHQT07	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
114	2331310479	Châu Hải	My	23ĐHQT09	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
115	2331310502	Lê Ngọc Vân	Nhi	23ĐHQT09	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
116	2331310512	Phạm Quốc	Nguyên	23ĐHQT09	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
117	2331310515	Lê Anh	Quân	23ĐHQT09	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
118	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	23ĐHTĐ01	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
119	2331530060	Nguyễn Công Quốc	Đạt	23ĐHTĐ02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
120	2331530081	Phan Duy	Tân	23ĐHTĐ02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
121	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	010100000107	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
122	2331720405	Trần Hồng	Hân	23ĐHNA03	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
123	2331720192	Vũ Thúy Uyên	Nhi	23ĐHNA04	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
124	2331720249	Nguyễn Lý Thanh	Tiên	23ĐHNA05	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
125	2331720285	Lê Nguyễn Hiền	Vy	23ĐHNA06	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
126	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
127	2331720376	Nguyễn Trần Minh	Anh	23ĐHNA07	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
128	2331310529	Lê Phương	Uyên	23ĐHQT02	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
129	2331310144	Dương Hà	Bảo	23ĐHQT03	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
130	2331310556	Nguyễn Trần Quế	Trân	23ĐHQT03	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
131	2331310192	Nguyễn Minh	Quang	23ĐHQT04	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
132	2331310249	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHQT05	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
133	2331310324	Trần Ngọc Bảo	Anh	23ĐHQT06	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
134	2331310351	Vũ Kim	Huyền	23ĐHQT06	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
135	2331310578	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	23ĐHQT06	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
136	2331310448	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	23ĐHQT08	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
137	2331530078	Lâm Chấn	Khang	23ĐHTĐ02	010100000109	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
138	2255200022	Nguyễn Hữu	Đạt	22ĐHKT01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
139	2331730122	Mai Nguyễn Bảo	Nhi	23ĐHDL03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
140	2331730132	Phạm Huỳnh Thuý	Vy	23ĐHDL03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
141	2331730135	Hoàng Thị Minh	Thư	23ĐHDL03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
142	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
143	2331730151	Võ Thị Ngọc	Tú	23ĐHDL03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
144	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
145	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
146	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	23ĐHĐT01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
147	2331740114	Nguyễn Trần Ngân	Khánh	23ĐHKV03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
148	2331720009	Nguyễn Kim	Ngân	23ĐHNA01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
149	2331720030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	23ĐHNA01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
150	2331720031	Nguyễn Thành	Nhân	23ĐHNA01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
151	2331720395	Trần Vũ Yên	Nhi	23ĐHNA01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
152	2331720408	Nguyễn Phương Thanh	Vy	23ĐHNA04	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
153	2331720442	Nguyễn Phúc Bảo	Trân	23ĐHNA04	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
154	2331720226	Bùi Tường	Vy	23ĐHNA05	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
155	2331720274	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23ĐHNA05	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
156	2331720413	Lý Nguyễn Minh	Huy	23ĐHNA05	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
157	2331720415	Bùi Thảo	Nhi	23ĐHNA06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
158	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
159	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
160	2331310250	Nguyễn Tiến	Đạt	23ĐHQT05	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
161	2331310309	Nguyễn Thị	Hoàn	23ĐHQT06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
162	2331310330	Nguyễn Thị Thu	Hương	23ĐHQT06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
163	2331310331	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHQT06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
164	2331310332	Cao Thị	Phương	23ĐHQT06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
165	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	23ĐHQT06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
166	2331310452	Nguyễn Minh	Mẫn	23ĐHQT08	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
167	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQT08	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
168	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQT09	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
169	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
170	2331530030	Trịnh Trần Công	Hậu	23ĐHTĐ01	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
171	2331530085	Nguyễn Văn	Long	23ĐHTĐ02	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
172	2331540310	Phan Minh	Nhật	23ĐHTT03	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
173	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100000110	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
174	2331510044	Nguyễn Thanh	Hải	23ĐHĐT01	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
175	2331720070	Vưu Thư	Huệ	23ĐHNA02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
176	2331720084	Phạm Mai	Hân	23ĐHNA02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
177	2331720085	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHNA02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
178	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
179	2331720398	Bùi Nhật Hoàng	Thơ	23ĐHNA02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
180	2331720400	Lê Thanh	Quang	23ĐHNA02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
181	2331720132	Nguyễn Minh	Hưng	23ĐHNA03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
182	2331720204	Phan Thanh	Vân	23ĐHNA04	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
183	2331720210	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA04	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
184	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
185	2331720240	Touwest	Sara	23ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
186	2331720278	Nguyễn Sanh Anh	Tài	23ĐHNA05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
187	2331720287	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	23ĐHNA06	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
188	2331720389	Trần Anh	Kỳ	23ĐHNA07	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
189	2331310153	Hà Thị Tường	Vy	23ĐHQT03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
190	2331310159	Phan Nhật	Khôi	23ĐHQT03	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
191	2331310214	Nguyễn Khắc	Cương	23ĐHQT04	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
192	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
193	2331310280	Đàm Xuân	Trang	23ĐHQT05	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
194	2331310305	Bùi Ngọc	Thảo	23ĐHQT06	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
195	2331310343	Nguyễn Hoàng Phương	Trâm	23ĐHQT06	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
196	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
197	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
198	2331310485	Đoàn Thị Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
199	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
200	2331310516	Mạch Trúc	Huỳnh	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
201	2331310527	Hồ Lê Huyền	Trang	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
202	2331310587	Phan Thị Ngọc	Giàu	23ĐHQT09	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
203	2331530034	Đoàn Gia	Bảo	23ĐHTĐ01	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
204	2331530082	Võ Tân	Thịnh	23ĐHTĐ02	010100000114	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
205	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
206	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
207	2331730070	Nguyễn Đỗ Yên	Chi	23ĐHDL01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
208	2331730079	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	23ĐHDL01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
209	2331730090	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	23ĐHDL02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
210	2331510034	Trần Võ Minh	Quân	23ĐHĐT01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
211	2331510038	Lê Xuân Thái	Son	23ĐHĐT01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
212	2331720025	Trần Trung	Đạt	23ĐHNA01	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
213	2331720074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23ĐHNA02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
214	2331720215	Lê Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHNA04	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
215	2331720235	Nguyễn Thị Thu	Ngân	23ĐHNA05	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
216	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
217	2331720307	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHNA06	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
218	2331310252	Võ Nguyễn Thị Minh	Trang	23ĐHQT05	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
219	2331310312	Lê Trần Mỹ	Quyên	23ĐHQT06	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
220	2331310407	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23ĐHQT07	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
221	2331310481	Nguyễn Thị Trúc	Ly	23ĐHQT09	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
222	2331310496	Võ Đặng Minh	Phượng	23ĐHQT09	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
223	2331530080	Trần Minh	Khôi	23ĐHTĐ02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
224	2331530090	Võ Bá	Hồ	23ĐHTĐ02	010100000115	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
225	2331720396	Trương Thị Hồng	Hạnh	23ĐHNA01	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
226	2331720458	Trần Đức	Hỷ	23ĐHNA01	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
227	2331720080	Trần Thị Lan	Anh	23ĐHNA02	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
228	2331720123	Cao Thị Hồng	Nhung	23ĐHNA03	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
229	2331720141	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	23ĐHNA03	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
230	2331720404	Võ Thị Thanh	Hằng	23ĐHNA03	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
231	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	23ĐHNA04	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
232	2331720313	Huỳnh Trung	Nghĩa	23ĐHNA06	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
233	2331310142	Nguyễn Hương	Giang	23ĐHQT03	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
234	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
235	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
236	2331310523	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT09	010100000118	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
237	2153410059	Trần Nguyễn Trúc	Thy	21ĐHQTC1	010100001301	Pháp luật hàng không	3	
238	2153410009	Phan Thanh	Cao	21ĐHQTVT1	010100001301	Pháp luật hàng không	3	
239	2153410349	Lâm Khả	Nhi	21ĐHQTVT2	010100001301	Pháp luật hàng không	3	
240	2154810020	Nguyễn Dương	Băng	21ĐHTT01	010100001301	Pháp luật hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
241	2154810092	Võ Hoàng	Danh	21ĐHTT02	010100001301	Pháp luật hàng không	3	
242	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật hàng không	3	
243	2250000074	Đinh Thị Như	Ý	22ĐHKVKH	010100001301	Pháp luật hàng không	3	
244	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
245	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
246	2331540031	Chu Văn	Mùa	23ĐHTT01	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
247	2331540281	Võ Nguyễn Mạnh	Sơn	23ĐHTT01	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
248	2331540088	Lê Anh	Hào	23ĐHTT02	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
249	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	23ĐHTT03	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
250	2331540222	Lê	Duy	23ĐHTT04	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
251	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
252	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
253	2331540235	Tô Nguyễn Thiên	Trường	23ĐHTT06	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
254	2331540333	Đặng Hải	Khương	23ĐHTT06	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
255	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	23ĐHTT06	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
256	2331540347	Lê Minh	Hy	23ĐHTT06	010100001701	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
257	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	23ĐHTT01	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
258	2331540043	Dương Minh	Huy	23ĐHTT01	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
259	2331540049	Lê Anh	Duy	23ĐHTT01	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
260	2331540092	Phan Quốc	Huy	23ĐHTT02	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
261	2331540129	Hồ	Huy	23ĐHTT03	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
262	2331540142	Trần Thế	Phúc	23ĐHTT03	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
263	2331540151	Vũ Đức	Mạnh	23ĐHTT03	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
264	2331540158	Đoàn Thanh	Tuyền	23ĐHTT03	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
265	2331540311	Trần Lê HạNh	PhúC	23ĐHTT03	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
266	2331540176	Lê Vũ Hải	Bằng	23ĐHTT04	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
267	2331540182	Nguyễn Trung	Kiên	23ĐHTT04	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
268	2331540223	Nguyễn Trọng Ngọc	Sơn	23ĐHTT04	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
269	2331540198	Trần Ngọc Anh	Tú	23ĐHTT06	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
270	2331540335	Dương Hoàng	Phát	23ĐHTT06	010100001702	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
271	2254810319	Nguyễn Khánh	Hoàng	22ĐHTT03	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
272	2331540004	Nguyễn Minh	Sang	23ĐHTT01	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
273	2331540037	Hà Anh	Khoa	23ĐHTT01	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
274	2331540084	Đoàn Ngọc Minh	Châu	23ĐHTT02	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
275	2331540112	Lê Trần Nhật	Tâm	23ĐHTT02	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
276	2331540287	Phan Nguyên	An	23ĐHTT02	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
277	2331540308	Trần Gia	Khang	23ĐHTT02	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
278	2331540114	Lê Phạm Ngọc	Bình	23ĐHTT03	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
279	2331540145	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23ĐHTT03	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
280	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
281	2331540312	Bùi Khắc Minh	Tuyên	23ĐHTT03	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
282	2331540172	Nguyễn Duy	Đức	23ĐHTT04	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
283	2331540201	Cao Văn	Quang	23ĐHTT04	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
284	2331540213	Phạm Đăng	Khiêm	23ĐHTT04	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
285	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
286	2331540218	Vũ Huy	Hoàng	23ĐHTT04	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
287	2331540296	Lại Gia	Hào	23ĐHTT04	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
288	2331540238	Đỗ Nhật	Trường	23ĐHTT05	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
289	2331540262	Nguyễn Trọng	Trường	23ĐHTT05	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
290	2331540279	Đào Đức	Anh	23ĐHTT05	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
291	2331540297	Lại Gia	Kiệt	23ĐHTT05	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
292	2331540286	Cao Anh	Tuân	23ĐHTT06	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
293	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	23ĐHTT06	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
294	2331540358	Nguyễn Văn	Chính	23ĐHTT06	010100001703	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
295	2331540007	Phạm Nguyễn Phước	Trình	23ĐHTT01	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
296	2331540082	Hồ Hiếu	Thịnh	23ĐHTT02	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
297	2331540285	Nguyễn Trương Minh	Khôi	23ĐHTT02	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
298	2331540117	Đàm Quang	Huy	23ĐHTT03	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
299	2331540150	Vũ Nguyên	Long	23ĐHTT03	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
300	2331540196	Vũ Văn	Đức	23ĐHTT04	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
301	2331540242	Nguyễn Sinh	Cầu	23ĐHTT05	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
302	2331540261	Nguyễn Tuấn	Đạt	23ĐHTT05	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
303	2331540302	Lê Trọng Tấn	Phát	23ĐHTT05	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
304	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
305	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
306	2331540328	Đỗ Duy	Tài	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
307	2331540342	Nguyễn Cảnh	Thọ	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
308	2331540345	Bùi Nguyễn Minh	Quân	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
309	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
310	2331540352	Lưu Xuân	Dũng	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
311	2331540355	Trần Quốc	An	23ĐHTT06	010100001705	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
312	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
313	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
314	2331540027	Vô Thiên	Phước	23ĐHTT01	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
315	2331540053	Nguyễn Huỳnh Đăng	Dương	23ĐHTT01	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
316	2331540107	Trương Như	Quỳnh	23ĐHTT02	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
317	2331540305	Lê Quang	Huy	23ĐHTT02	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
318	2331540363	Dương Đức	Dương	23ĐHTT02	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
319	2331540185	Nguyễn Minh	Phát	23ĐHTT04	010100001706	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	
320	2051010234	Nguyễn Bảo Quốc	Khánh	20ĐHQTC1	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
321	2153410400	Nguyễn Thế	Vinh	21ĐHQTC4	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
322	2153410381	Quách Thị Hoàng	Oanh	21ĐHQTDL	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
323	2153410391	Trần Nguyễn Gia	Thi	21ĐHQTDL	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
324	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
325	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
326	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
327	2334330044	Vô Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
328	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
329	2331730017	Đoàn Ngọc Thảo	Chi	23ĐHDL01	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
330	2331510050	Nguyễn Phước	Thịnh	23ĐHĐT01	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
331	2331510071	Hoàng Thị Kiều	Trinh	23ĐHĐT01	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
332	2331720274	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23ĐHNA05	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
333	2331720354	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
334	2331320162	Huỳnh Gia	Hân	23ĐHNL03	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
335	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	23ĐHNL03	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
336	2331320161	Nguyễn Thị Kiều	My	23ĐHNL04	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
337	2331310153	Hà Thị Tường	Vy	23ĐHQT03	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
338	2331310245	Trần Thế	Quý	23ĐHQT05	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
339	2331310536	Nguyễn Gia	Huy	23ĐHQT05	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
340	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQT08	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
341	2331310451	Đinh Ngọc Bảo	Vy	23ĐHQT08	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
342	2331540308	Trần Gia	Khang	23ĐHTT02	010100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
343	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
344	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
345	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
346	2331320108	Đỗ Ngọc	Hân	23ĐHNL02	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
347	2331320153	Phạm Thanh	Huyền	23ĐHNL03	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
348	2331320164	Nguyễn Khánh	Ly	23ĐHNL03	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
349	2331310021	Trần Thiên Linh	Nguyễn	23ĐHQT01	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
350	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
351	2331310406	Võ Đức Anh	Nam	23ĐHQT07	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
352	2331310436	Hồ Văn	Mạnh	23ĐHQT08	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
353	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQT09	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
354	2331540037	Hà Anh	Khoa	23ĐHTT01	010100002003	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
355	2255120093	Dương Hoàng Minh	Quân	22ĐHĐT02	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
356	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	23ĐHNA05	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
357	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
358	2331310042	Trần Tú	Quyên	23ĐHQT01	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
359	2331310568	Lê Thị Mai	Phương	23ĐHQT02	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
360	2331310217	Lê Thị Cẩm	Nhi	23ĐHQT04	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
361	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
362	2331310613	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	23ĐHQT04	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
363	2331310307	Đặng Thanh	Nguyễn	23ĐHQT06	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
364	2331310310	Nguyễn Thị Thu	Phương	23ĐHQT06	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
365	2331310312	Lê Trần Mỹ	Quyên	23ĐHQT06	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
366	2331310561	Trần Như Phong	Lan	23ĐHQT06	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
367	2331310541	Đặng Ngọc	Chinh	23ĐHQT08	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
368	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	23ĐHQT09	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
369	2331310481	Nguyễn Thị Trúc	Ly	23ĐHQT09	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
370	2331310485	Đoàn Thị Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
371	2331310496	Võ Đặng Minh	Phượng	23ĐHQT09	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
372	2331310516	Mạch Trúc	Huỳnh	23ĐHQT09	010100002004	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
373	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
374	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	22ĐHTT02	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
375	2254810120	Phạm Quốc	Dũng	22ĐHTT03	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
376	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
377	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
378	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	23ĐHĐT01	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
379	2331310106	Đào Công	Hậu	23ĐHQT02	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
380	2331310127	Vũ Nguyễn	Phúc	23ĐHQT03	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
381	2331310389	Phạm Tuấn	Khoa	23ĐHQT07	010100002005	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
382	2053020070	Đoàn Phước	Lợi	20ĐHĐT02	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
383	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
384	2331510034	Trần Võ Minh	Quân	23ĐHĐT01	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
385	2331510038	Lê Xuân Thái	Sơn	23ĐHĐT01	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
386	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
387	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	23ĐHQT01	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
388	2331310305	Bùi Ngọc	Thảo	23ĐHQT06	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
389	2331310450	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23ĐHQT08	010100002007	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
390	2331510036	Nguyễn Thanh	Xuân	23ĐHĐT01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
391	2331510039	Thái Thiên	Phúc	23ĐHĐT01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
392	2331720201	Hà Tường	Vy	23ĐHNA04	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
393	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
394	2331320021	Phạm Hồng	Ngọc	23ĐHNL01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
395	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
396	2331310605	La Kim	Thư	23ĐHQT05	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
397	2331310331	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHQT06	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
398	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
399	2331310523	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT09	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
400	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	23ĐHTĐ01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
401	2331540284	Lê Quang	Nguyên	23ĐHTT01	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
402	2331540279	Đào Đức	Anh	23ĐHTT05	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
403	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100002008	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	
404	2105120094	Bùi Xuân	Sơn	21ĐHĐT02	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
405	2153410433	Mai Phi	Yến	21ĐHQTC3	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
406	2253410233	Vũ Nhật	Tân	22ĐHQTC3	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
407	2254810063	Lê Minh	Đăng	22ĐHTT02	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
408	2254810075	Phạm Duy	Lưu	22ĐHTT02	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
409	2331740044	Trần Đức	Huy	23ĐHKV01	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
410	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
411	2331720229	Lê Thị Anh	Thư	23ĐHNA05	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
412	2331720238	Phạm Trần Minh	Thư	23ĐHNA05	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
413	2331720345	Văn Bảo	Trần	23ĐHNA07	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
414	2331720356	Lê Thị Phương	Trình	23ĐHNA07	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
415	2331540131	Tạ Hoàng Gia	Hiếu	23ĐHTT03	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
416	2331540358	Nguyễn Văn	Chính	23ĐHTT06	010100002201	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
417	2152210056	Lê Nguyễn Phụng	Nhi	21ĐHNATM	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
418	2253410231	Trần Ngọc Hoàng	Trình	22ĐHQTC3	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
419	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
420	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
421	2331720052	Hồ Mai	Duyên	23ĐHNA01	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
422	2331720084	Phạm Mai	Hân	23ĐHNA02	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
423	2331720411	Hoàng Kim Mỹ	Thạch	23ĐHNA05	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
424	2331720287	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	23ĐHNA06	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
425	2331720379	Nguyễn Đình	Bảo	23ĐHNA07	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
426	2152210060	Nguyễn Thị Tố	Vi	21ĐHNAHK	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
427	2152210090	Nguyễn Thiện	Thảo	21ĐHNATM	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
428	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
429	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
430	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
431	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
432	2331710023	Nguyễn Thanh	Dương	23ĐHKL01	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
433	2331740289	Vương Thu	Tâm	23ĐHKV03	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
434	2331740291	Nguyễn Nhã	Uyên	23ĐHKV03	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
435	2331720023	Đinh Thị Phương	Hậu	23ĐHNA01	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
436	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	23ĐHNA05	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
437	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	23ĐHNA05	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
438	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
439	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	23ĐHNA07	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
440	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
441	2331540084	Đoàn Ngọc Minh	Châu	23ĐHTT02	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
442	2331540150	Vũ Nguyên	Long	23ĐHTT03	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
443	2331540172	Nguyễn Duy	Đức	23ĐHTT04	010100002203	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
444	2105130089	Đinh Gia	Huy	21ĐHTĐ02	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
445	2105130099	Phạm Bảo	Ngọc	21ĐHTĐ02	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
446	2253440073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHNL02	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
447	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
448	2254810122	Phạm Dương	Hưng	22ĐHTT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
449	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
450	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
451	2254810272	Nguyễn Hải	Đăng	22ĐHTT06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
452	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
453	2334330007	Nguyễn Ngọc Uyển	Như	23ĐAQT01	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
454	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
455	2331720436	Võ Mai	Thi	23ĐHNA03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
456	2331720302	Đặng Trần Gia	Hân	23ĐHNA06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
457	2331720392	Bành Quốc	Hưng	23ĐHNA06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
458	2331540049	Lê Anh	Duy	23ĐHTT01	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
459	2331540158	Đoàn Thanh	Tuyền	23ĐHTT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
460	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
461	2253410347	Trần Ngọc Thanh	Thảo	22ĐHQTC4	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
462	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trân	22ĐHQTVT2	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
463	2331740268	Nguyễn Ngọc Trà	An	23ĐHKV04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
464	2331720428	Trương Đình	Sang	23ĐHNA02	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
465	2331720172	Nguyễn Thị Hồng	Lan	23ĐHNA04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
466	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
467	2331720260	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	23ĐHNA04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
468	2331720222	Nguyễn Phạm Phương	Vi	23ĐHNA05	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
469	2331720245	Đỗ Như	Ý	23ĐHNA05	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
470	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
471	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
472	2331310389	Phạm Tuấn	Khoa	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
473	2331310523	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT09	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
474	2331540287	Phan Nguyên	An	23ĐHTT02	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
475	2331540179	Nguyễn Ngọc Anh	Dương	23ĐHTT04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
476	2331540201	Cao Văn	Quang	23ĐHTT04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
477	2331540218	Vũ Huy	Hoàng	23ĐHTT04	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
478	2331540198	Trần Ngọc Anh	Tú	23ĐHTT06	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
479	2331540235	Tô Nguyễn Thiên	Trường	23ĐHTT06	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
480	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
481	2253410244	Trần Vũ Ý	Nhi	22ĐHQTC3	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
482	2253410322	Vũ Thị Xuân	Mai	22ĐHQTC3	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
483	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
484	2331740218	Trần Ngọc Thảo	Sương	23ĐHKV04	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
485	2331740227	Nguyễn Thị Minh	Trang	23ĐHKV05	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
486	2331720074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23ĐHNA02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
487	2331720085	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHNA02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
488	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
489	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
490	2331720404	Võ Thị Thanh	Hằng	23ĐHNA03	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
491	2331720177	Võ Kim Trúc	Huỳnh	23ĐHNA04	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
492	2331720210	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA04	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
493	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
494	2331540311	Trần Lê HạNh	PhúC	23ĐHTT03	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
495	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
496	2331720215	Lê Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHNA04	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
497	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
498	2331720224	Trần Nguyễn Ngọc Chi	Na	23ĐHNA05	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
499	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23ĐHNA05	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
500	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
501	2331320158	Nguyễn Thị Hồng	Hương	23ĐHNL03	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
502	2331540043	Dương Minh	Huy	23ĐHTT01	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
503	2331540347	Lê Minh	Hy	23ĐHTT06	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
504	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
505	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
506	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
507	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
508	2331740206	Vũ Thị Minh	Hiếu	23ĐHKV04	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
509	2331740256	Nguyễn Công	Chính	23ĐHKV05	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
510	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
511	2331720395	Trần Vũ Yến	Nhi	23ĐHNA01	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
512	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	23ĐHNA04	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
513	2331720192	Vũ Thúy Uyên	Nhi	23ĐHNA04	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
514	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
515	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
516	2331720446	Nguyễn Vũ Triệu	Vy	23ĐHNA05	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
517	2331720339	Thái Văn	Bảo	23ĐHNA07	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
518	2331310429	Nguyễn Hà An	Thái	23ĐHQT08	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
519	2331310515	Lê Anh	Quân	23ĐHQT09	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
520	2331540070	Bùi Doanh	Nghiep	23ĐHTT02	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
521	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	23ĐHTT03	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
522	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
523	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	1	
524	2253410077	Tổng Ngọc	Đức	22ĐHQTC1	010100008101	An toàn hàng không	2	
525	2253410135	Trần Cao	Vàng	22ĐHQTC2	010100008101	An toàn hàng không	2	
526	2253410216	Nguyễn Hoài Nhã	Uyên	22ĐHQTC2	010100008101	An toàn hàng không	2	
527	2253410233	Vũ Nhật	Tân	22ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không	2	
528	2253410263	Nguyễn Thùy	Duyên	22ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không	2	
529	2253410322	Vũ Thị Xuân	Mai	22ĐHQTC3	010100008101	An toàn hàng không	2	
530	2253410294	Trần Đức	Anh	22ĐHQTC4	010100008101	An toàn hàng không	2	
531	2253410333	Dương Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC4	010100008101	An toàn hàng không	2	
532	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trân	22ĐHQTVT2	010100008101	An toàn hàng không	2	
533	2253410274	Hồ Ngọc	Trình	22ĐHQTVT2	010100008101	An toàn hàng không	2	
534	2153410444	Huỳnh Ngọc	Thương	21ĐHQTC3	010100008102	An toàn hàng không	2	
535	2253410215	Ngụy Huỳnh Cẩm	Uyên	22ĐHQTC2	010100008102	An toàn hàng không	2	
536	2253410244	Trần Vũ Ý	Nhi	22ĐHQTC3	010100008102	An toàn hàng không	2	
537	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	22ĐHQTC3	010100008102	An toàn hàng không	2	
538	2253410357	Phạm Ngọc	Huyền	22ĐHQTC3	010100008102	An toàn hàng không	2	
539	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100008102	An toàn hàng không	2	
540	2253410239	Hoàng Thị Nhật	Thu	22ĐHQTVT2	010100008102	An toàn hàng không	2	
541	2253410281	Nguyễn Thùy	Linh	22ĐHQTVT2	010100008102	An toàn hàng không	2	
542	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100008102	An toàn hàng không	2	
543	2258420104	Nguyễn Thuỳ	Dung	22ĐHKL02	010100008103	An toàn hàng không	2	
544	2253410017	Võ Quỳnh	Anh	22ĐHQTC1	010100008103	An toàn hàng không	2	
545	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100008103	An toàn hàng không	2	
546	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100008103	An toàn hàng không	2	
547	2253410125	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	22ĐHQTC2	010100008103	An toàn hàng không	2	
548	2253410311	Nguyễn Thị Hà	Uyên	22ĐHQTC3	010100008103	An toàn hàng không	2	
549	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100008103	An toàn hàng không	2	
550	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100008103	An toàn hàng không	2	
551	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100008103	An toàn hàng không	2	
552	2253410045	Nguyễn Nhựt	Minh	22ĐHQTC1	010100008104	An toàn hàng không	2	
553	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100008104	An toàn hàng không	2	
554	2253410160	Nguyễn Võ Ánh	Nguyệt	22ĐHQTC2	010100008104	An toàn hàng không	2	
555	2253410231	Trần Ngọc Hoàng	Trình	22ĐHQTC3	010100008104	An toàn hàng không	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
556	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100008104	An toàn hàng không	2	
557	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100008104	An toàn hàng không	2	
558	2253410168	Hồ Thị Thùy	Trang	22ĐHQTVT2	010100008104	An toàn hàng không	2	
559	2051010442	Nguyễn Kỳ Anh	Kiên	20ĐHQTC1	010100008106	An toàn hàng không	2	
560	2153410157	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	21ĐHQTC2	010100008106	An toàn hàng không	2	
561	2153410195	Lý Thành	Đạt	21ĐHQTC2	010100008106	An toàn hàng không	2	
562	2153410200	Phan Khánh	Huy	21ĐHQTC2	010100008106	An toàn hàng không	2	
563	2153410237	Nguyễn Ngọc	Đạt	21ĐHQTC2	010100008106	An toàn hàng không	2	
564	2153410341	Vũ Thị Thanh	Trúc	21ĐHQTC3	010100008106	An toàn hàng không	2	
565	2258420007	Mai Thục	Quyên	22ĐHKL01	010100008106	An toàn hàng không	2	
566	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	010100008106	An toàn hàng không	2	
567	2258420087	Lê Mỹ	Hiền	22ĐHKL02	010100008106	An toàn hàng không	2	
568	2253410165	Vũ Thị Hoài	Thu	22ĐHQTC2	010100008106	An toàn hàng không	2	
569	2253410260	Nguyễn Quốc	Quân	22ĐHQTC3	010100008106	An toàn hàng không	2	
570	2253410096	Huỳnh Anh	Thư	22ĐHQTC4	010100008106	An toàn hàng không	2	
571	2253410286	Nguyễn Hoàng	Luận	22ĐHQTVT2	010100008106	An toàn hàng không	2	
572	2253440051	Võ Hà	Anh	22ĐHNL02	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
573	2331310021	Trần Thiên Linh	Nguyên	23ĐHQT01	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
574	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	23ĐHQT01	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
575	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
576	2331310117	Phạm Huỳnh Hà	Anh	23ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
577	2331310529	Lê Phương	Uyên	23ĐHQT02	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
578	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
579	2331310122	Nguyễn Phạm Hoài	Anh	23ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
580	2331310153	Hà Thị Tường	Vy	23ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
581	2331310159	Phan Nhật	Khôi	23ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
582	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
583	2331310533	Phan Thị Thanh	Hằng	23ĐHQT04	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
584	2331310308	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	23ĐHQT06	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
585	2331310309	Nguyễn Thị	Hoàn	23ĐHQT06	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
586	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	23ĐHQT06	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
587	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
588	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
589	2331310450	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23ĐHQT08	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
590	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100008201	Quản trị nhân lực	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
591	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQT09	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
592	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	010100008201	Quản trị nhân lực	3	
593	2331310130	Trần Thị Diệu	Linh	23ĐHQT03	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
594	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
595	2331310144	Dương Hà	Bảo	23ĐHQT03	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
596	2331310241	Đặng Hoàng Vân	Anh	23ĐHQT05	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
597	2331310312	Lê Trần Mỹ	Quyên	23ĐHQT06	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
598	2331310358	Nguyễn Vũ Thái	Thảo	23ĐHQT07	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
599	2331310388	Trịnh Hải	Đăng	23ĐHQT07	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
600	2331310541	Đặng Ngọc	Chinh	23ĐHQT08	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
601	2331310501	Lưu Thanh	Tú	23ĐHQT09	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
602	2331310512	Phạm Quốc	Nguyên	23ĐHQT09	010100008202	Quản trị nhân lực	3	
603	2331310098	Vũ Nhật	Hạ	23ĐHQT02	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
604	2331310106	Đào Công	Hậu	23ĐHQT02	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
605	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQT03	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
606	2331310613	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	23ĐHQT04	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
607	2331310280	Đàm Xuân	Trang	23ĐHQT05	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
608	2331310293	Võ Thị Khánh	Quyên	23ĐHQT05	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
609	2331310294	Võ Thị Khánh	Phương	23ĐHQT05	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
610	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
611	2331310310	Nguyễn Thị Thu	Phương	23ĐHQT06	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
612	2331310448	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	23ĐHQT08	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
613	2331310481	Nguyễn Thị Trúc	Ly	23ĐHQT09	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
614	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
615	2331310496	Võ Đặng Minh	Phượng	23ĐHQT09	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
616	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100008203	Quản trị nhân lực	3	
617	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
618	2331310156	Hoàng Uyên	Thanh	23ĐHQT03	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
619	2331310305	Bùi Ngọc	Thảo	23ĐHQT06	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
620	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	23ĐHQT06	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
621	2331310343	Nguyễn Hoàng Phương	Trâm	23ĐHQT06	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
622	2331310355	Hoàng Châu Bảo	Di	23ĐHQT07	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
623	2331310502	Lê Ngọc Vân	Nhi	23ĐHQT09	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
624	2331310527	Hồ Lê Huyền	Trang	23ĐHQT09	010100008204	Quản trị nhân lực	3	
625	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	010100008207	Quản trị nhân lực	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
626	2331310048	Nguyễn Vương Yến	Như	23ĐHQT01	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
627	2331310167	Đinh Hữu Thái	Thịnh	23ĐHQT03	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
628	2331310192	Nguyễn Minh	Quang	23ĐHQT04	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
629	2331310250	Nguyễn Tiến	Đạt	23ĐHQT05	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
630	2331310252	Võ Nguyễn Thị Minh	Trang	23ĐHQT05	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
631	2331310331	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHQT06	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
632	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	23ĐHQT06	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
633	2331310351	Vũ Kim	Huyền	23ĐHQT06	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
634	2331310578	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	23ĐHQT06	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
635	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	23ĐHQT06	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
636	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQT08	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
637	2331310524	Đinh Công	Ngọc	23ĐHQT09	010100008207	Quản trị nhân lực	3	
638	2331310197	Nguyễn Trần Phương	Vy	23ĐHQT04	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
639	2331310214	Nguyễn Khắc	Cương	23ĐHQT04	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
640	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
641	2331310573	Đặng Khánh	Nhi	23ĐHQT04	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
642	2331310304	Trương Bảo	Hân	23ĐHQT06	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
643	2331310324	Trần Ngọc Bảo	Anh	23ĐHQT06	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
644	2331310333	Thái Nhật	Vy	23ĐHQT06	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
645	2331310436	Hồ Văn	Mạnh	23ĐHQT08	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
646	2331310451	Đinh Ngọc Bảo	Vy	23ĐHQT08	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
647	2331310452	Nguyễn Minh	Mẫn	23ĐHQT08	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
648	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQT08	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
649	2331310519	Mai Phương	Anh	23ĐHQT09	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
650	2331310544	Nguyễn Hữu	Phúc	23ĐHQT09	010100008208	Quản trị nhân lực	3	
651	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQT02	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
652	2331310568	Lê Thị Mai	Phương	23ĐHQT02	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
653	2331310125	Phan Diên Kỳ	Bội	23ĐHQT03	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
654	2331310148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23ĐHQT03	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
655	2331310249	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHQT05	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
656	2331310605	La Kim	Thư	23ĐHQT05	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
657	2331310407	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23ĐHQT07	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
658	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	23ĐHQT09	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
659	2331310485	Đoàn Thị Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
660	2331310506	Nguyễn Thụy Uyên	Khuê	23ĐHQT09	010100008209	Quản trị nhân lực	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
661	2331310516	Mạch Trúc	Huỳnh	23ĐHQT09	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
662	2331310587	Phan Thị Ngọc	Giàu	23ĐHQT09	010100008209	Quản trị nhân lực	3	
663	2153410168	Ngô Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21ĐHQTC2	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
664	2331510072	Phan Hoàng	Vũ	23ĐHĐT01	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
665	2331740114	Nguyễn Trần Ngân	Khánh	23ĐHKV03	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
666	2331740135	Phan Thị Thúy	Anh	23ĐHKV03	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
667	2331740171	Phạm Thúy	Anh	23ĐHKV04	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
668	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
669	2331720031	Nguyễn Thành	Nhân	23ĐHNA01	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
670	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
671	2331320154	Dương Thị Thu	Trang	23ĐHNL03	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
672	2331320196	Nguyễn Thị Xuân	Thu	23ĐHNL04	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
673	2331310144	Dương Hà	Bảo	23ĐHQT03	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
674	2331540032	Đỗ Đăng Bảo	Nguyên	23ĐHTT01	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
675	2331540145	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23ĐHTT03	010100008306	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
676	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
677	2331740155	Ngô Trí	Tín	23ĐHKV03	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
678	2331720412	Ngô Trần Hạnh	Dung	23ĐHNA05	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
679	2331720339	Thái Văn	Bảo	23ĐHNA07	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
680	2331320005	Trần Thái	Dương	23ĐHNL01	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
681	2331320039	Nguyễn Bảo	Vi	23ĐHNL01	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
682	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	23ĐHTT01	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
683	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	23ĐHTT03	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
684	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
685	2331540333	Đặng Hải	Khương	23ĐHTT06	010100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
686	2331740005	Nguyễn Bích	Quyên	23ĐHKV01	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
687	2331720195	Lê Thị Mai	Linh	23ĐHNA04	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
688	2331720222	Nguyễn Phạm Phương	Vi	23ĐHNA05	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
689	2331720245	Đỗ Như	Ý	23ĐHNA05	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
690	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	23ĐHNA07	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
691	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
692	2331320070	Võ Đàm Minh	Thư	23ĐHNL02	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
693	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	23ĐHNL04	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
694	2331320216	Lê Thị Trà	Vy	23ĐHNL04	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
695	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
696	2331540054	Trang Thảo	Phuong	23ĐHTT01	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
697	2331540281	Võ Nguyễn Mạnh	Son	23ĐHTT01	010100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
698	2153410171	Lê Đức Doãn	Lệnh	21ĐHQTTTH1	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
699	2331740060	Nguyễn Thị Hương	Mơ	23ĐHKV02	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
700	2331740077	Ngô Nguyễn Thanh	Diễm	23ĐHKV02	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
701	2331740238	Nguyễn	Hoàng	23ĐHKV05	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
702	2331720223	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	23ĐHNA05	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
703	2331320022	Hồ Lê	An	23ĐHNL01	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
704	2331320035	Lưu Ngọc	Minh	23ĐHNL01	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
705	2331320137	Nguyễn Thành	Lộc	23ĐHNL03	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
706	2331320145	Lê Quỳnh	Chi	23ĐHNL03	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
707	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQTT09	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
708	2331540027	Võ Thiên	Phước	23ĐHTT01	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
709	2331540053	Nguyễn Huỳnh Đăng	Dương	23ĐHTT01	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
710	2331540310	Phan Minh	Nhật	23ĐHTT03	010100008309	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
711	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
712	2331720278	Nguyễn Sanh Anh	Tài	23ĐHNA05	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
713	2331320194	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23ĐHNL04	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
714	2331320200	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	23ĐHNL04	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
715	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
716	2331530010	Trần Hữu	Thoại	23ĐHTĐ01	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
717	2331530023	Trần Anh	Tuấn	23ĐHTĐ01	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
718	2331540088	Lê Anh	Hào	23ĐHTT02	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
719	2331540222	Lê	Duy	23ĐHTT04	010100008310	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
720	1953020056	Hoàng Hải	Đăng	19ĐHĐT02	010100008701	Toán chuyên đề	3	
721	2105120072	Nguyễn Đăng Duy	Nhật	21ĐHĐT02	010100008701	Toán chuyên đề	3	
722	2105120094	Bùi Xuân	Son	21ĐHĐT02	010100008701	Toán chuyên đề	3	
723	2255200070	Mai Hiếu	Phong	22ĐHKT02	010100008701	Toán chuyên đề	3	
724	2331510034	Trần Võ Minh	Quân	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
725	2331510035	Trần Minh	Thư	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
726	2331510038	Lê Xuân Thái	Son	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
727	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
728	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
729	2331510072	Phan Hoàng	Vũ	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
730	2331510074	Nguyễn Cao	Cường	23ĐHĐT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
731	2331540281	Võ Nguyễn Mạnh	Sơn	23ĐHTT01	010100008701	Toán chuyên đề	3	
732	2331540107	Trương Như	Quỳnh	23ĐHTT02	010100008701	Toán chuyên đề	3	
733	2331540159	Huỳnh Chí	Danh	23ĐHTT03	010100008701	Toán chuyên đề	3	
734	2331540179	Nguyễn Ngọc Anh	Dương	23ĐHTT04	010100008701	Toán chuyên đề	3	
735	2331540209	Lê Hoàng Thiện	Nhân	23ĐHTT04	010100008701	Toán chuyên đề	3	
736	2331540293	Nguyễn Đức	Anh	23ĐHTT04	010100008701	Toán chuyên đề	3	
737	2331540333	Đặng Hải	Khuong	23ĐHTT06	010100008701	Toán chuyên đề	3	
738	2053020005	Hoàng Đăng	Tâm	20ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
739	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
740	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
741	2331510016	Võ Lê Hồng	Trúc	23ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
742	2331510031	Nguyễn Văn	Thịnh	23ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
743	2331510037	Hồ Sĩ	Hoàng	23ĐHĐT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
744	2331540007	Phạm Nguyễn Phước	Trình	23ĐHTT01	010100008702	Toán chuyên đề	3	
745	2331540097	Nguyễn Tấn	Đạt	23ĐHTT02	010100008702	Toán chuyên đề	3	
746	2331540103	Dương Quang	Minh	23ĐHTT02	010100008702	Toán chuyên đề	3	
747	2331540112	Lê Trần Nhật	Tâm	23ĐHTT02	010100008702	Toán chuyên đề	3	
748	2331540285	Nguyễn Trương Minh	Khôi	23ĐHTT02	010100008702	Toán chuyên đề	3	
749	2331540308	Trần Gia	Khang	23ĐHTT02	010100008702	Toán chuyên đề	3	
750	2331540114	Lê Phạm Ngọc	Bình	23ĐHTT03	010100008702	Toán chuyên đề	3	
751	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100008702	Toán chuyên đề	3	
752	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100008702	Toán chuyên đề	3	
753	2331540335	Dương Hoàng	Phát	23ĐHTT06	010100008702	Toán chuyên đề	3	
754	2331540345	Bùi Nguyễn Minh	Quân	23ĐHTT06	010100008702	Toán chuyên đề	3	
755	2331540347	Lê Minh	Hy	23ĐHTT06	010100008702	Toán chuyên đề	3	
756	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100008702	Toán chuyên đề	3	
757	2331510044	Nguyễn Thanh	Hải	23ĐHĐT01	010100008703	Toán chuyên đề	3	
758	2331540029	Hồ Thị Ánh	Ngọc	23ĐHTT01	010100008703	Toán chuyên đề	3	
759	2331540031	Chu Văn	Mùa	23ĐHTT01	010100008703	Toán chuyên đề	3	
760	2331540082	Hồ Hiếu	Thịnh	23ĐHTT02	010100008703	Toán chuyên đề	3	
761	2331540363	Dương Đức	Dương	23ĐHTT02	010100008703	Toán chuyên đề	3	
762	2331540142	Trần Thế	Phúc	23ĐHTT03	010100008703	Toán chuyên đề	3	
763	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	010100008703	Toán chuyên đề	3	
764	2331540311	Trần Lê HạNh	Phúc	23ĐHTT03	010100008703	Toán chuyên đề	3	
765	2331540182	Nguyễn Trung	Kiên	23ĐHTT04	010100008703	Toán chuyên đề	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
766	2331540185	Nguyễn Minh	Phát	23ĐHTT04	010100008703	Toán chuyên đề	3	
767	2331540201	Cao Văn	Quang	23ĐHTT04	010100008703	Toán chuyên đề	3	
768	2331540238	Đỗ Nhật	Trường	23ĐHTT05	010100008703	Toán chuyên đề	3	
769	2331540279	Đào Đức	Anh	23ĐHTT05	010100008703	Toán chuyên đề	3	
770	2331540198	Trần Ngọc Anh	Tú	23ĐHTT06	010100008703	Toán chuyên đề	3	
771	2331540358	Nguyễn Văn	Chính	23ĐHTT06	010100008703	Toán chuyên đề	3	
772	2331510058	Lê Duy	Anh	23ĐHĐT01	010100008704	Toán chuyên đề	3	
773	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	23ĐHTT01	010100008704	Toán chuyên đề	3	
774	2331540037	Hà Anh	Khoa	23ĐHTT01	010100008704	Toán chuyên đề	3	
775	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	23ĐHTT01	010100008704	Toán chuyên đề	3	
776	2331540043	Dương Minh	Huy	23ĐHTT01	010100008704	Toán chuyên đề	3	
777	2331540361	Hoàng Diệu	Linh	23ĐHTT01	010100008704	Toán chuyên đề	3	
778	2331540092	Phan Quốc	Huy	23ĐHTT02	010100008704	Toán chuyên đề	3	
779	2331540305	Lê Quang	Huy	23ĐHTT02	010100008704	Toán chuyên đề	3	
780	2331540117	Đàm Quang	Huy	23ĐHTT03	010100008704	Toán chuyên đề	3	
781	2331540129	Hồ	Huy	23ĐHTT03	010100008704	Toán chuyên đề	3	
782	2331540151	Vũ Đức	Mạnh	23ĐHTT03	010100008704	Toán chuyên đề	3	
783	2331540158	Đoàn Thanh	Tuyền	23ĐHTT03	010100008704	Toán chuyên đề	3	
784	2331540167	Lê Văn	Đức	23ĐHTT03	010100008704	Toán chuyên đề	3	
785	2331540222	Lê	Duy	23ĐHTT04	010100008704	Toán chuyên đề	3	
786	2331540223	Nguyễn Trọng Ngọc	Son	23ĐHTT04	010100008704	Toán chuyên đề	3	
787	2331540169	Huỳnh Nguyễn Công	Tú	23ĐHTT06	010100008704	Toán chuyên đề	3	
788	2255130016	Ngô Ngọc	Huy	22ĐHTĐ01	010100008705	Toán chuyên đề	3	
789	2331540049	Lê Anh	Duy	23ĐHTT01	010100008705	Toán chuyên đề	3	
790	2331540084	Đoàn Ngọc Minh	Châu	23ĐHTT02	010100008705	Toán chuyên đề	3	
791	2331540088	Lê Anh	Hào	23ĐHTT02	010100008705	Toán chuyên đề	3	
792	2331540137	Lê Hùng	Anh	23ĐHTT03	010100008705	Toán chuyên đề	3	
793	2331540145	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23ĐHTT03	010100008705	Toán chuyên đề	3	
794	2331540150	Vũ Nguyên	Long	23ĐHTT03	010100008705	Toán chuyên đề	3	
795	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	23ĐHTT03	010100008705	Toán chuyên đề	3	
796	2331540172	Nguyễn Duy	Đức	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	
797	2331540176	Lê Vũ Hải	Bằng	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	
798	2331540196	Vũ Văn	Đức	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	
799	2331540213	Phạm Đăng	Khiêm	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	
800	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
801	2331540218	Vũ Huy	Hoàng	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	
802	2331540296	Lại Gia	Hào	23ĐHTT04	010100008705	Toán chuyên đề	3	
803	2331540297	Lại Gia	Kiệt	23ĐHTT05	010100008705	Toán chuyên đề	3	
804	2331540302	Lê Trọng Tấn	Phát	23ĐHTT05	010100008705	Toán chuyên đề	3	
805	2331540235	Tô Nguyễn Thiên	Trường	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
806	2331540286	Cao Anh	Tuấn	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
807	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
808	2331540328	Đỗ Duy	Tài	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
809	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
810	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
811	2331540352	Lưu Xuân	Dũng	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
812	2331540355	Trần Quốc	An	23ĐHTT06	010100008705	Toán chuyên đề	3	
813	1953020067	Trang Hoàng	Gia	19ĐHĐT02	010100008706	Toán chuyên đề	3	
814	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	010100008706	Toán chuyên đề	3	
815	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	23ĐHĐT01	010100008706	Toán chuyên đề	3	
816	2331540027	Võ Thiên	Phước	23ĐHTT01	010100008706	Toán chuyên đề	3	
817	2331540053	Nguyễn Huỳnh Đăng	Dương	23ĐHTT01	010100008706	Toán chuyên đề	3	
818	2331540312	Bùi Khắc Minh	Tuyên	23ĐHTT03	010100008706	Toán chuyên đề	3	
819	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100008706	Toán chuyên đề	3	
820	2331540242	Nguyễn Sinh	Cầu	23ĐHTT05	010100008706	Toán chuyên đề	3	
821	2331540262	Nguyễn Trọng	Trường	23ĐHTT05	010100008706	Toán chuyên đề	3	
822	2031010012	Cáp Nam	Giang	20ĐVQT01	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
823	2253410347	Trần Ngọc Thanh	Thảo	22ĐHQTC4	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
824	2331730069	Đoàn Thái	Thanh	23ĐHDL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
825	2331730078	Nguyễn Hồng Thủy	Tiên	23ĐHDL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
826	2331730093	Nguyễn Thị Hương	Giang	23ĐHDL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
827	2331730105	Phạm Tuệ	Minh	23ĐHDL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
828	2331730108	Dương Thị Hồng	Yến	23ĐHDL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
829	2331730115	Nguyễn Văn Anh	Linh	23ĐHDL02	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
830	2331730126	Võ Thị Ngọc	Ngân	23ĐHDL03	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
831	2331730145	Phạm Ngọc	Thảo	23ĐHDL03	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
832	2331730151	Võ Thị Ngọc	Tú	23ĐHDL03	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
833	2331740209	Nguyễn Đăng Chí	Trung	23ĐHKV04	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
834	2331320182	Trần Nguyễn Vũ	Tài	23ĐHNL04	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	
835	2331310222	Lê Đoan	Trang	23ĐHQT04	010100010501	Kinh tế vĩ mô	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
836	2153410168	Ngô Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21ĐHQTC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
837	2153410200	Phan Khánh	Huy	21ĐHQTC2	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
838	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
839	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
840	2331730060	Bùi Duy	Khải	23ĐHDL01	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
841	2331730079	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	23ĐHDL01	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
842	2331320130	Phan Thị Thanh	Vy	23ĐHNL03	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
843	2331310193	Đặng Thanh	Tùng	23ĐHQT04	010100010502	Kinh tế vĩ mô	3	
844	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
845	2331730119	Đỗ Quốc	Việt	23ĐHDL02	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
846	2331730122	Mai Nguyễn Bảo	Nhi	23ĐHDL03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
847	2331730135	Hoàng Thị Minh	Thư	23ĐHDL03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
848	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
849	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
850	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
851	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
852	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
853	2331740160	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	23ĐHKV03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
854	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
855	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
856	2331310286	Trần Thanh	Tùng	23ĐHQT05	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
857	2331310524	Đinh Công	Ngọc	23ĐHQT09	010100010503	Kinh tế vĩ mô	3	
858	2051010169	Nguyễn Hữu	Phát	20ĐHQTC1	010100010901	Kinh tế lượng	3	
859	2051010442	Nguyễn Kỳ Anh	Kiên	20ĐHQTC1	010100010901	Kinh tế lượng	3	
860	2153410185	Lê Thị Trà	My	21ĐHQTC2	010100010901	Kinh tế lượng	3	
861	2153410200	Phan Khánh	Huy	21ĐHQTC2	010100010901	Kinh tế lượng	3	
862	2153410009	Phan Thanh	Cao	21ĐHQTVT1	010100010901	Kinh tế lượng	3	
863	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100010901	Kinh tế lượng	3	
864	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100010901	Kinh tế lượng	3	
865	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100010901	Kinh tế lượng	3	
866	2331740037	Nguyễn Lê Minh	Ngọc	23ĐHKV01	010100010901	Kinh tế lượng	3	
867	2331740055	Phan Bảo	Đạt	23ĐHKV01	010100010901	Kinh tế lượng	3	
868	2331740060	Nguyễn Thị Hương	Mơ	23ĐHKV02	010100010901	Kinh tế lượng	3	
869	2331740161	Phan Nguyễn Anh	Tuấn	23ĐHKV03	010100010901	Kinh tế lượng	3	
870	2331740257	Lê Thị Ánh	Tuyết	23ĐHKV05	010100010901	Kinh tế lượng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
871	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100010901	Kinh tế lượng	3	
872	2331310224	Trần Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT04	010100010901	Kinh tế lượng	3	
873	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100010901	Kinh tế lượng	3	
874	2331310527	Hồ Lê Huyền	Trang	23ĐHQT09	010100010901	Kinh tế lượng	3	
875	1851010078	Trịnh Anh	Kiên	18ĐHQTVT1	010100010903	Kinh tế lượng	3	
876	2253410291	Nhan Thụy Kim	Ngân	22ĐHQT04	010100010903	Kinh tế lượng	3	
877	2331740104	Phạm Ngọc Khánh	Hòa	23ĐHKV02	010100010903	Kinh tế lượng	3	
878	2331740140	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	23ĐHKV03	010100010903	Kinh tế lượng	3	
879	2331740145	Nguyễn Phạm Kiều	Ni	23ĐHKV03	010100010903	Kinh tế lượng	3	
880	2331740155	Ngô Trí	Tín	23ĐHKV03	010100010903	Kinh tế lượng	3	
881	2331740171	Phạm Thúy	Anh	23ĐHKV04	010100010903	Kinh tế lượng	3	
882	2331740183	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	23ĐHKV04	010100010903	Kinh tế lượng	3	
883	2331740202	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHKV04	010100010903	Kinh tế lượng	3	
884	2331740206	Vũ Thị Minh	Hiếu	23ĐHKV04	010100010903	Kinh tế lượng	3	
885	2331740218	Trần Ngọc Thảo	Sương	23ĐHKV04	010100010903	Kinh tế lượng	3	
886	2331740223	Trần Đặng Thanh	Huyền	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
887	2331740230	Sơn Triệu	Duy	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
888	2331740238	Nguyễn	Hoàng	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
889	2331740252	Trịnh Thu	Nga	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
890	2331740256	Nguyễn Công	Chính	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
891	2331740262	Lê Bùi Hạnh	Nguyên	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
892	2331740270	Trần Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
893	2331740271	Trịnh Thị	Quỳnh	23ĐHKV05	010100010903	Kinh tế lượng	3	
894	2331310125	Phan Diên Kỳ	Bội	23ĐHQT03	010100010903	Kinh tế lượng	3	
895	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100010903	Kinh tế lượng	3	
896	2153410151	Nguyễn Thị Kim	Huyền	21ĐHQT02	010100010905	Kinh tế lượng	3	
897	2105130013	Lưu Huỳnh Bảo	Như	21ĐHQTTH1	010100010905	Kinh tế lượng	3	
898	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100010905	Kinh tế lượng	3	
899	2331740005	Nguyễn Bích	Quyên	23ĐHKV01	010100010905	Kinh tế lượng	3	
900	2331740041	Từ Võ Minh	Thư	23ĐHKV01	010100010905	Kinh tế lượng	3	
901	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100010905	Kinh tế lượng	3	
902	2331740087	Phạm Thành	Trung	23ĐHKV02	010100010905	Kinh tế lượng	3	
903	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100010905	Kinh tế lượng	3	
904	2331740135	Phan Thị Thúy	Anh	23ĐHKV03	010100010905	Kinh tế lượng	3	
905	2331740203	Lê Gia	Hân	23ĐHKV04	010100010905	Kinh tế lượng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
906	2331740268	Nguyễn Ngọc Trà	An	23ĐHKV04	010100010905	Kinh tế lượng	3	
907	2331740224	Phan Quốc	Bảo	23ĐHKV05	010100010905	Kinh tế lượng	3	
908	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100010905	Kinh tế lượng	3	
909	2331740249	Lê Phạm Bằng	Thy	23ĐHKV05	010100010905	Kinh tế lượng	3	
910	2331310134	Nguyễn Hoàng	Huân	23ĐHQTC03	010100010905	Kinh tế lượng	3	
911	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQTC09	010100010905	Kinh tế lượng	3	
912	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
913	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
914	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
915	2250000052	Nguyễn Khắc Thành	Trung	22ĐHKVLQ2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
916	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
917	2253410135	Trần Cao	Vàng	22ĐHQTC2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
918	2253410244	Trần Vũ Ý	Nhi	22ĐHQTC3	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
919	2253410357	Phạm Ngọc	Huyền	22ĐHQTC3	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
920	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
921	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
922	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trần	22ĐHQTVT2	010100011701	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
923	2051010231	Vũ Thị Phương	Quỳnh	20ĐHQTVT2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
924	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
925	2250000070	Nguyễn Trường	Sơn	22ĐHKVLĐ	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
926	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
927	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
928	2253410233	Vũ Nhật	Tân	22ĐHQTC3	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
929	2253410333	Dương Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC4	010100011703	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
930	2153410185	Lê Thị Trà	My	21ĐHQTC2	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
931	2153410172	Bùi Khánh	Linh	21ĐHQTVT1	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
932	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
933	2253410231	Trần Ngọc Hoàng	Trình	22ĐHQTC3	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
934	2253410260	Nguyễn Quốc	Quân	22ĐHQTC3	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
935	2253410311	Nguyễn Thị Hà	Uyên	22ĐHQTC3	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
936	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
937	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	22ĐHQTC3	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
938	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
939	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
940	2253410197	Trần Ngọc Tuyết	Như	22ĐHQTTTH	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
941	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
942	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
943	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
944	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
945	2253410281	Nguyễn Thùy	Linh	22ĐHQTVT2	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
946	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
947	2253410286	Nguyễn Hoàng	Luận	22ĐHQTVT2	010100011704	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
948	2153410420	Nguyễn Minh	Duy	21ĐHQTC1	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
949	2153410343	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
950	2153410277	Lê Trần Hồng	Phúc	21ĐHQTTTH1	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
951	2153410158	Nguyễn Thị Thu	Vân	21ĐHQTVT2	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
952	2253410334	Võ Ngân	Anh	22ĐHKVLĐ	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
953	2253410263	Nguyễn Thùy	Duyên	22ĐHQTC3	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
954	2253410294	Trần Đức	Anh	22ĐHQTC4	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
955	2253410274	Hồ Ngọc	Trình	22ĐHQTVT2	010100011705	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
956	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
957	2253410239	Hoàng Thị Nhật	Thu	22ĐHQTVT2	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
958	2331740011	Trịnh Thị Mỹ	Huyền	23ĐHKV01	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
959	2331740037	Nguyễn Lê Minh	Ngọc	23ĐHKV01	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
960	2331740114	Nguyễn Trần Ngân	Khánh	23ĐHKV03	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
961	2331740157	Mai Thanh	Trúc	23ĐHKV03	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
962	2331740230	Sơn Triệu	Duy	23ĐHKV05	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
963	2331740238	Nguyễn	Hoàng	23ĐHKV05	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
964	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
965	2331740262	Lê Bùi Hạnh	Nguyên	23ĐHKV05	010100011706	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
966	2153410420	Nguyễn Minh	Duy	21ĐHQTC1	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
967	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
968	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
969	2331740055	Phan Bảo	Đạt	23ĐHKV01	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
970	2331740114	Nguyễn Trần Ngân	Khánh	23ĐHKV03	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
971	2331740161	Phan Nguyễn Anh	Tuấn	23ĐHKV03	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
972	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
973	2331740257	Lê Thị Ánh	Tuyết	23ĐHKV05	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
974	2331740272	Trương Thị Huỳnh	Như	23ĐHKV05	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
975	2331310261	Nguyễn Hoa	Trắng	23ĐHQTO5	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
976	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
977	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
978	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100011801	Thanh toán quốc tế	3	
979	2051010169	Nguyễn Hữu	Phát	20ĐHQTC1	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
980	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
981	2331740074	Lâm Đông	Thắng	23ĐHKV02	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
982	2331740171	Phạm Thúy	Anh	23ĐHKV04	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
983	2331740218	Trần Ngọc Thảo	Sương	23ĐHKV04	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
984	2331740230	Sơn Triệu	Duy	23ĐHKV05	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
985	2331740238	Nguyễn	Hoàng	23ĐHKV05	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
986	2331740270	Trần Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
987	2331310055	Nguyễn Huy	Bảo	23ĐHQT01	010100011802	Thanh toán quốc tế	3	
988	2331740037	Nguyễn Lê Minh	Ngọc	23ĐHKV01	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
989	2331740038	Lê Bảo	Uyên	23ĐHKV01	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
990	2331740048	Nguyễn Kiều	Phương	23ĐHKV01	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
991	2331740060	Nguyễn Thị Hương	Mơ	23ĐHKV02	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
992	2331740155	Ngô Trí	Tín	23ĐHKV03	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
993	2331740160	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	23ĐHKV03	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
994	2331740262	Lê Bùi Hạnh	Nguyên	23ĐHKV05	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
995	2331740271	Trịnh Thị	Quỳnh	23ĐHKV05	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
996	2331310527	Hồ Lê Huyền	Trang	23ĐHQT09	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
997	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQT09	010100011803	Thanh toán quốc tế	3	
998	2105130013	Lưu Huỳnh Bảo	Như	21ĐHQTTH1	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
999	2331740005	Nguyễn Bích	Quyên	23ĐHKV01	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1000	2331740087	Phạm Thành	Trung	23ĐHKV02	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1001	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1002	2331740104	Phạm Ngọc Khánh	Hòa	23ĐHKV02	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1003	2331740135	Phan Thị Thúy	Anh	23ĐHKV03	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1004	2331740140	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	23ĐHKV03	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1005	2331740183	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	23ĐHKV04	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1006	2331740268	Nguyễn Ngọc Trà	An	23ĐHKV04	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1007	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	23ĐHKV05	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1008	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100011804	Thanh toán quốc tế	3	
1009	2331740145	Nguyễn Phạm Kiều	Ni	23ĐHKV03	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1010	2331740206	Vũ Thị Minh	Hiếu	23ĐHKV04	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1011	2331740224	Phan Quốc	Bảo	23ĐHKV05	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1012	2331740252	Trịnh Thu	Nga	23ĐHKV05	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1013	2331740256	Nguyễn Công	Chính	23ĐHKV05	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1014	2331310125	Phan Diên Kỳ	Bội	23ĐHQT03	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1015	2331310134	Nguyễn Hoàng	Huân	23ĐHQT03	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1016	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1017	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100011805	Thanh toán quốc tế	3	
1018	2253410065	Nguyễn Bình	An	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1019	2253410161	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1020	2253410183	Trần Nhật	Vy	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1021	2253410197	Trần Ngọc Tuyết	Như	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1022	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1023	2253410308	Nguyễn Trần Khánh	Nhi	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1024	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100011901	Quản trị Marketing	2	
1025	2051010442	Nguyễn Kỳ Anh	Kiên	20ĐHQTC1	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1026	2153410153	Nguyễn Thanh	Trúc	21ĐHQTC2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1027	2153410187	Lê Nguyễn Tuyết	Phượng	21ĐHQTC2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1028	2153410192	Nguyễn Trần Dạ	Thì	21ĐHQTC2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1029	2153410199	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	21ĐHQTC2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1030	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1031	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1032	2253410135	Trần Cao	Vàng	22ĐHQTC2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1033	2253410165	Vũ Thị Hoài	Thu	22ĐHQTC2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1034	2253410260	Nguyễn Quốc	Quân	22ĐHQTC3	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1035	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1036	2253410317	La Đăng	Phúc	22ĐHQTC3	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1037	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1038	2253410339	Huỳnh Thị Kim	Hằng	22ĐHQTVT2	010100012705	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1039	2051010406	Cao Minh	Tấn	20ĐHQTVT4	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1040	2153410321	Đoàn Hoài	Nam	21ĐHQTC3	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1041	2153410444	Huỳnh Ngọc	Thương	21ĐHQTC3	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1042	2253410017	Võ Quỳnh	Anh	22ĐHQTC1	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1043	2253410086	Cao Thị Lệ	Hường	22ĐHQTC1	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1044	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1045	2253410357	Phạm Ngọc	Huyền	22ĐHQTC3	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1046	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1047	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1048	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1049	2253410239	Hoàng Thị Nhật	Thu	22ĐHQTVT2	010100012706	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	
1050	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1051	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1052	2253410216	Nguyễn Hoài Nhã	Uyên	22ĐHQTC2	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1053	2253410231	Trần Ngọc Hoàng	Trình	22ĐHQTC3	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1054	2253410096	Huỳnh Anh	Thư	22ĐHQTC4	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1055	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1056	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trần	22ĐHQTVT2	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1057	2253410286	Nguyễn Hoàng	Luận	22ĐHQTVT2	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1058	2253410299	Nguyễn Hồng	Ngọc	22ĐHQTVT2	010100013103	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1059	2051010406	Cao Minh	Tấn	20ĐHQTVT4	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1060	2153410009	Phan Thanh	Cao	21ĐHQTVT1	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1061	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1062	2253410160	Nguyễn Võ Ánh	Nguyệt	22ĐHQTC2	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1063	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1064	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1065	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1066	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1067	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1068	2253410168	Hồ Thị Thùy	Trang	22ĐHQTVT2	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1069	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100013106	Kinh tế vận tải hàng không	2	
1070	2105130013	Lưu Huỳnh Bảo	Như	21ĐHQTTH1	010100017101	Quản trị tài chính	3	
1071	2250000189	Lê Thanh	Sang	22ĐHKVLQ1	010100017101	Quản trị tài chính	3	
1072	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100017101	Quản trị tài chính	3	
1073	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100017101	Quản trị tài chính	3	
1074	2253410347	Trần Ngọc Thanh	Thảo	22ĐHQTC4	010100017101	Quản trị tài chính	3	
1075	2331730119	Đỗ Quốc	Việt	23ĐHDL02	010100017101	Quản trị tài chính	3	
1076	2250000073	Trần Lan	Hương	22ĐHKVLQ1	010100017102	Quản trị tài chính	3	
1077	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100017102	Quản trị tài chính	3	
1078	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100017102	Quản trị tài chính	3	
1079	2250000052	Nguyễn Khắc Thành	Trung	22ĐHKVLQ2	010100017102	Quản trị tài chính	3	
1080	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100017102	Quản trị tài chính	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1081	2250000176	Trần Yến	Vy	22ĐHKVLQ2	010100017102	Quản trị tài chính	3	
1082	2253410003	Nguyễn Thụy Tú	Anh	22ĐHQTC1	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1083	2253410004	Nguyễn Phương Cẩm	Tiên	22ĐHQTC1	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1084	2253410020	Nguyễn Thị	Mai	22ĐHQTC1	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1085	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1086	2253410160	Nguyễn Võ Ánh	Nguyệt	22ĐHQTC2	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1087	2253410215	Nguy Huỳnh Cẩm	Uyên	22ĐHQTC2	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1088	2253410216	Nguyễn Hoài Nhã	Uyên	22ĐHQTC2	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1089	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1090	2253410311	Nguyễn Thị Hà	Uyên	22ĐHQTC3	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1091	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1092	2253410322	Vũ Thị Xuân	Mai	22ĐHQTC3	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1093	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1094	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1095	2253410291	Nhan Thụy Kim	Ngân	22ĐHQTC4	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1096	2253410333	Dương Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC4	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1097	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100017801	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1098	2253410231	Trần Ngọc Hoàng	Trình	22ĐHQTC3	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1099	2253410260	Nguyễn Quốc	Quân	22ĐHQTC3	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1100	2253410263	Nguyễn Thùy	Duyên	22ĐHQTC3	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1101	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	22ĐHQTC3	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1102	2253410357	Phạm Ngọc	Huyền	22ĐHQTC3	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1103	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1104	2253410294	Trần Đức	Anh	22ĐHQTC4	010100017802	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1105	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1106	2253410017	Võ Quỳnh	Anh	22ĐHQTC1	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1107	2253410045	Nguyễn Nhựt	Minh	22ĐHQTC1	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1108	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1109	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1110	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1111	2253410135	Trần Cao	Vàng	22ĐHQTC2	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1112	2253410233	Vũ Nhật	Tân	22ĐHQTC3	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1113	2253410244	Trần Vũ Ý	Nhi	22ĐHQTC3	010100017803	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	
1114	2253410017	Võ Quỳnh	Anh	22ĐHQTC1	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1115	2253410045	Nguyễn Nhựt	Minh	22ĐHQTC1	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1116	2253410077	Tổng Ngọc	Đức	22ĐHQTC1	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1117	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1118	2253410160	Nguyễn Võ Ánh	Nguyệt	22ĐHQTC2	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1119	2253410216	Nguyễn Hoài Nhã	Uyên	22ĐHQTC2	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1120	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1121	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1122	2253410333	Dương Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC4	010100018101	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1123	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1124	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1125	2253410135	Trần Cao	Vàng	22ĐHQTC2	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1126	2253410231	Trần Ngọc Hoàng	Trình	22ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1127	2253410233	Vũ Nhật	Tân	22ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1128	2253410260	Nguyễn Quốc	Quân	22ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1129	2253410263	Nguyễn Thùy	Duyên	22ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1130	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	22ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1131	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1132	2253410294	Trần Đức	Anh	22ĐHQTC4	010100018103	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1133	2153410269	Nguyễn Quang	Toàn	21ĐHQTC3	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1134	2153410309	Vũ Yên	Vy	21ĐHQTC4	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1135	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1136	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1137	2253410215	Nguy Huỳnh Cẩm	Uyên	22ĐHQTC2	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1138	2253410244	Trần Vũ Ý	Nhi	22ĐHQTC3	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1139	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1140	2253410311	Nguyễn Thị Hà	Uyên	22ĐHQTC3	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1141	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1142	2253410357	Phạm Ngọc	Huyền	22ĐHQTC3	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1143	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100018104	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	
1144	2253410161	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	22ĐHQTTTH	010100018901	Quản trị sản xuất và điều hành	3	
1145	2253410183	Trần Nhật	Vy	22ĐHQTTTH	010100018901	Quản trị sản xuất và điều hành	3	
1146	2253410197	Trần Ngọc Tuyết	Như	22ĐHQTTTH	010100018901	Quản trị sản xuất và điều hành	3	
1147	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100018901	Quản trị sản xuất và điều hành	3	
1148	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100018901	Quản trị sản xuất và điều hành	3	
1149	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	22ĐHDL01	010100021401	Marketing du lịch	3	
1150	2258130003	Lê Trần Cẩm	Vy	22ĐHDL01	010100021401	Marketing du lịch	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1151	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	22ĐHDL01	010100021401	Marketing du lịch	3	
1152	2258130053	Vương Cẩm	Vy	22ĐHDL02	010100021401	Marketing du lịch	3	
1153	2258130064	Nguyễn Phan Anh	Thi	22ĐHDL02	010100021401	Marketing du lịch	3	
1154	2258130097	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	22ĐHDL02	010100021401	Marketing du lịch	3	
1155	2258130004	Đặng Thị Như	Quỳnh	22ĐHDL01	010100021402	Marketing du lịch	3	
1156	2258130007	Trịnh Thanh	Vàng	22ĐHDL01	010100021402	Marketing du lịch	3	
1157	2258130026	Vũ Tấn	Đức	22ĐHDL01	010100021402	Marketing du lịch	3	
1158	2258130058	Nguyễn Mỹ	Tâm	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1159	2258130061	Lê Thị Xuân	Hiền	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1160	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1161	2258130069	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1162	2258130070	Trương Thị Minh	Thư	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1163	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1164	2258130084	Ninh Thị Kiều	Trang	22ĐHDL02	010100021402	Marketing du lịch	3	
1165	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	22ĐHDL01	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1166	2258130003	Lê Trần Cẩm	Vy	22ĐHDL01	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1167	2258130007	Trịnh Thanh	Vàng	22ĐHDL01	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1168	2258130026	Vũ Tấn	Đức	22ĐHDL01	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1169	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	22ĐHDL01	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1170	2258130053	Vương Cẩm	Vy	22ĐHDL02	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1171	2258130058	Nguyễn Mỹ	Tâm	22ĐHDL02	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1172	2258130061	Lê Thị Xuân	Hiền	22ĐHDL02	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1173	2258130070	Trương Thị Minh	Thư	22ĐHDL02	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1174	2258130084	Ninh Thị Kiều	Trang	22ĐHDL02	010100022601	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1175	2153410041	Trần Thị Cẩm	Ngân	21ĐHQTDL	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1176	2153410356	Nguyễn Thị	Trình	21ĐHQTDL	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1177	2153410406	Hoàng Thùy	Linh	21ĐHQTDL	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1178	2258130004	Đặng Thị Như	Quỳnh	22ĐHDL01	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1179	2258130034	Nhan Ngọc Hào	Tiên	22ĐHDL01	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1180	2258130055	Trần Ngọc Yến	Nhi	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1181	2258130057	Nguyễn Tiến	Mẫn	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1182	2258130064	Nguyễn Phan Anh	Thi	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1183	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1184	2258130069	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1185	2258130081	Nguyễn Huy Bình	Quốc	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1186	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1187	2258130097	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1188	2258130111	Đinh Tiến Thảo	Hiền	22ĐHDL02	010100022602	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	3	
1189	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	21ĐHNAHK	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1190	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1191	2331710153	Trần Thị Ngọc	Mai	23ĐHKL03	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1192	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1193	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1194	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1195	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1196	2331310098	Vũ Nhật	Hạ	23ĐHQT02	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1197	2331310205	Nguyễn Diệu	Linh	23ĐHQT04	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1198	2331310245	Trần Thế	Quý	23ĐHQT05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1199	2331310536	Nguyễn Gia	Huy	23ĐHQT05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1200	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	23ĐHQT06	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1201	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	23ĐHQT06	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1202	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1203	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1204	2331310424	Huỳnh Vân	Khanh	23ĐHQT08	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1205	2331310448	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	23ĐHQT08	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1206	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1207	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1208	2331730078	Nguyễn Hồng Thủy	Tiên	23ĐHDL02	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1209	2331730132	Phạm Huỳnh Thuý	Vy	23ĐHDL03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1210	2331730135	Hoàng Thị Minh	Thư	23ĐHDL03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1211	2331730151	Võ Thị Ngọc	Tú	23ĐHDL03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1212	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1213	2331710061	Trần Ngọc	Trâm	23ĐHKL03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1214	2331740048	Nguyễn Kiều	Phuong	23ĐHKV01	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1215	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	23ĐHKV02	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1216	2331310322	Nguyễn Trần Song	Nguyên	23ĐHQT06	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1217	2331310323	Âu Nguyễn Hoàng Thiê	Kim	23ĐHQT06	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1218	2331730113	Hoàng Lê Bình	An	23ĐHDL02	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1219	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1220	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	23ĐHKL02	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1221	2331520074	Nguyễn Khoa	Việt	23ĐHKT02	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1222	2331520154	Phan Khánh	An	23ĐHKT03	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1223	2331310048	Nguyễn Vương Yến	Như	23ĐHQT01	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1224	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQT03	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1225	2331310533	Phan Thị Thanh	Hằng	23ĐHQT04	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1226	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	23ĐHQT06	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1227	2331310407	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23ĐHQT07	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1228	2331310513	Đỗ Thị Xuân	Đào	23ĐHQT09	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1229	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	23ĐHTĐ01	010100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
1230	2105120072	Nguyễn Đăng Duy	Nhất	21ĐHĐT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1231	2105120094	Bùi Xuân	Sơn	21ĐHĐT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1232	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hung	22ĐHTT03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1233	2334330005	Cao Thị	Lượm	23ĐAQT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1234	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1235	2331730017	Đoàn Ngọc Thảo	Chi	23ĐHDL01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1236	2331740037	Nguyễn Lê Minh	Ngọc	23ĐHKV01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1237	2331740044	Trần Đức	Huy	23ĐHKV01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1238	2331740203	Lê Gia	Hân	23ĐHKV04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1239	2331320181	Lê Thị Như	Hoà	23ĐHNL03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1240	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	23ĐHNL04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1241	2331320216	Lê Thị Trà	Vy	23ĐHNL04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1242	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	23ĐHQT01	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1243	2331310568	Lê Thị Mai	Phương	23ĐHQT02	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1244	2331310358	Nguyễn Vũ Thái	Thảo	23ĐHQT07	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1245	2331310407	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23ĐHQT07	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1246	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQT09	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1247	2331540129	Hồ	Huy	23ĐHTT03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1248	2331540137	Lê Hùng	Anh	23ĐHTT03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1249	2331540151	Vũ Đức	Mạnh	23ĐHTT03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1250	2331540158	Đoàn Thanh	Tuyền	23ĐHTT03	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1251	2331540222	Lê	Duy	23ĐHTT04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1252	2331540223	Nguyễn Trọng Ngọc	Sơn	23ĐHTT04	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1253	2331540335	Dương Hoàng	Phát	23ĐHTT06	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1254	2331540358	Nguyễn Văn	Chính	23ĐHTT06	010100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1255	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1256	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1257	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐAQT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1258	2334330042	Nguyễn MạNh	Khôi	23ĐAQT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1259	2331730145	Phạm Ngọc	Thảo	23ĐHDL03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1260	2331520043	Nguyễn Anh	Khôi	23ĐHKT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1261	2331520054	Thái Khắc	Du	23ĐHKT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1262	2331520074	Nguyễn Khoa	Việt	23ĐHKT02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1263	2331520091	Nguyễn Thanh Trường	Giang	23ĐHKT03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1264	2331520122	Hoàng Tiến	Tuấn	23ĐHKT03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1265	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1266	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	23ĐHKV02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1267	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1268	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1269	2331320021	Phạm Hồng	Ngọc	23ĐHNL01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1270	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1271	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1272	2331310130	Trần Thị Diệu	Linh	23ĐHQT03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1273	2331310155	Phan Tú	Anh	23ĐHQT03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1274	2331310596	Nguyễn Minh	Phúc	23ĐHQT03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1275	2331310275	Huỳnh Thị Kim	Đang	23ĐHQT05	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1276	2331310424	Huỳnh Văn	Khanh	23ĐHQT08	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1277	2331310515	Lê Anh	Quân	23ĐHQT09	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1278	2331530010	Trầm Hữu	Thoại	23ĐHTĐ01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1279	2331530021	Đỗ Mạnh	Hưng	23ĐHTĐ01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1280	2331530023	Trần Anh	Tuấn	23ĐHTĐ01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1281	2331530090	Võ Bá	Hồ	23ĐHTĐ02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1282	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1283	2331540049	Lê Anh	Duy	23ĐHTT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1284	2331540054	Trang Thảo	Phuong	23ĐHTT01	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1285	2331540308	Trần Gia	Khang	23ĐHTT02	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1286	2331540117	Đàm Quang	Huy	23ĐHTT03	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1287	2331540179	Nguyễn Ngọc Anh	Dương	23ĐHTT04	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1288	2331540196	Vũ Văn	Đức	23ĐHTT04	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1289	2331540209	Lê Hoàng Thiện	Nhân	23ĐHTT04	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1290	2331540345	Bùi Nguyễn Minh	Quân	23ĐHTT06	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1291	2331540352	Lưu Xuân	Dũng	23ĐHTT06	010100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1292	2154810092	Võ Hoàng	Danh	21ĐHTT02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1293	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1294	2250000008	Nguyễn Minh	Triết	22ĐHKVKH	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1295	2253440065	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	22ĐHNL02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1296	2253410017	Võ Quỳnh	Anh	22ĐHQTC1	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1297	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1298	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1299	2334330027	Đặng Thị Hồng	Lý	23ĐAQT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1300	2331730126	Võ Thị Ngọc	Ngân	23ĐHDL03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1301	2331710102	Vũ Ngọc Quỳnh	Như	23ĐHKL02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1302	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1303	2331740289	Vương Thu	Tâm	23ĐHKV03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1304	2331740206	Vũ Thị Minh	Hiếu	23ĐHKV04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1305	2331740218	Trần Ngọc Thảo	Sương	23ĐHKV04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1306	2331740268	Nguyễn Ngọc Trà	An	23ĐHKV04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1307	2331740262	Lê Bùi Hạnh	Nguyên	23ĐHKV05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1308	2331320005	Trần Thái	Dương	23ĐHNL01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1309	2331310021	Trần Thiên Linh	Nguyên	23ĐHQT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1310	2331310142	Nguyễn Hương	Giang	23ĐHQT03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1311	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQT03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1312	2331310205	Nguyễn Diệu	Linh	23ĐHQT04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1313	2331310245	Trần Thế	Quý	23ĐHQT05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1314	2331310293	Võ Thị Khánh	Quyên	23ĐHQT05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1315	2331310294	Võ Thị Khánh	Phương	23ĐHQT05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1316	2331310536	Nguyễn Gia	Huy	23ĐHQT05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1317	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1318	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1319	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQT08	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1320	2331310449	Nguyễn Ái	Hào	23ĐHQT08	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1321	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1322	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1323	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1324	2331540004	Nguyễn Minh	Sang	23ĐHTT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1325	2331540281	Võ Nguyễn Mạnh	Son	23ĐHTT01	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1326	2331540112	Lê Trần Nhật	Tâm	23ĐHTT02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1327	2331540285	Nguyễn Trương Minh	Khôi	23ĐHTT02	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1328	2331540115	Võ Thành	Duy	23ĐHTT03	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1329	2331540176	Lê Vũ Hải	Bằng	23ĐHTT04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1330	2331540182	Nguyễn Trung	Kiên	23ĐHTT04	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1331	2331540279	Đào Đức	Anh	23ĐHTT05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1332	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1333	2331540286	Cao Anh	Tuấn	23ĐHTT06	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1334	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1335	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1336	2331540355	Trần Quốc	An	23ĐHTT06	010100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1337	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1338	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1339	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1340	2331730132	Phạm Huỳnh Thuý	Vy	23ĐHDL03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1341	2331730135	Hoàng Thị Minh	Thư	23ĐHDL03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1342	2331730151	Võ Thị Ngọc	Tú	23ĐHDL03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1343	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1344	2331740048	Nguyễn Kiều	Phương	23ĐHKV01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1345	2331740114	Nguyễn Trần Ngân	Khánh	23ĐHKV03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1346	2331310098	Vũ Nhật	Hạ	23ĐHQT02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1347	2331310106	Đào Công	Hậu	23ĐHQT02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1348	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHQT03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1349	2331310122	Nguyễn Phạm Hoài	Anh	23ĐHQT03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1350	2331310148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23ĐHQT03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1351	2331310279	Trần Thu	Hà	23ĐHQT05	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1352	2331310332	Cao Thị	Phương	23ĐHQT06	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1353	2331310343	Nguyễn Hoàng Phương	Trâm	23ĐHQT06	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1354	2331310502	Lê Ngọc Vân	Nhi	23ĐHQT09	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1355	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	23ĐHQT09	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1356	2331530015	Võ Thiên	Phú	23ĐHTĐ01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1357	2331530051	Đoàn Nhật	Thy	23ĐHTĐ02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1358	2331530091	Đặng Trần Đăng	Khoa	23ĐHTĐ02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1359	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	23ĐHTT01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1360	2331540043	Dương Minh	Huy	23ĐHTT01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1361	2331540284	Lê Quang	Nguyễn	23ĐHTT01	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1362	2331540092	Phan Quốc	Huy	23ĐHTT02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1363	2331540287	Phan Nguyễn	An	23ĐHTT02	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1364	2331540312	Bùi Khắc Minh	Tuyên	23ĐHTT03	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1365	2331540201	Cao Văn	Quang	23ĐHTT04	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1366	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1367	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1368	2331540262	Nguyễn Trọng	Trường	23ĐHTT05	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1369	2331540288	Trịnh Minh	Tuấn	23ĐHTT06	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1370	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100024404	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1371	2331510044	Nguyễn Thanh	Hải	23ĐHĐT01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1372	2331710015	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	23ĐHKL01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1373	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	23ĐHKL01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1374	2331710048	Trương Bảo	Ngọc	23ĐHKL01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1375	2331710060	Phạm Minh	Anh	23ĐHKL01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1376	2331740171	Phạm Thúy	Anh	23ĐHKV04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1377	2331740230	Sơn Triệu	Duy	23ĐHKV05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1378	2331740238	Nguyễn	Hoàng	23ĐHKV05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1379	2331740270	Trần Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1380	2331320039	Nguyễn Bảo	Vi	23ĐHNL01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1381	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1382	2331310197	Nguyễn Trần Phương	Vy	23ĐHQT04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1383	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1384	2331310613	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	23ĐHQT04	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1385	2331310252	Võ Nguyễn Thị Minh	Trang	23ĐHQT05	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1386	2331310309	Nguyễn Thị	Hoàn	23ĐHQT06	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1387	2331310310	Nguyễn Thị Thu	Phương	23ĐHQT06	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1388	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	23ĐHQT06	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1389	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	23ĐHQT09	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1390	2331310481	Nguyễn Thị Trúc	Ly	23ĐHQT09	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1391	2331310485	Đoàn Thị Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1392	2331310496	Võ Đặng Minh	Phượng	23ĐHQT09	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1393	2331310516	Mạch Trúc	Huỳnh	23ĐHQT09	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1394	2331310519	Mai Phương	Anh	23ĐHQT09	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1395	2331530085	Nguyễn Văn	Long	23ĐHTĐ02	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1396	2331540311	Trần Lê HạNh	PhúC	23ĐHTT03	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1397	2331540169	Huỳnh Nguyễn Công	Tú	23ĐHTT06	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1398	2331540198	Trần Ngọc Anh	Tú	23ĐHTT06	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1399	2331540235	Tô Nguyễn Thiên	Trường	23ĐHTT06	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1400	2331550007	Trần Khắc	Viễn	23ĐHXD01	010100024405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1401	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1402	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1403	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1404	2331730078	Nguyễn Hồng Thủy	Tiên	23ĐHDL02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1405	2331730090	Nguyễn Thị Thủy	Duyên	23ĐHDL02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1406	2331710125	Tô Tịnh	Văn	23ĐHKL03	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1407	2331740087	Phạm Thành	Trung	23ĐHKV02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1408	2331740252	Trịnh Thu	Nga	23ĐHKV05	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1409	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1410	2331320108	Đỗ Ngọc	Hân	23ĐHNL02	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1411	2331320153	Phạm Thanh	Huyền	23ĐHNL03	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1412	2331310156	Hoàng Uyên	Thanh	23ĐHQT03	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1413	2331310605	La Kim	Thư	23ĐHQT05	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1414	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1415	2331310450	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23ĐHQT08	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1416	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1417	2331540034	Nguyễn Ngọc	Minh	23ĐHTT01	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1418	2331540167	Lê Văn	Đức	23ĐHTT03	010100024406	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1419	2331730060	Bùi Duy	Khải	23ĐHDL01	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1420	2331730113	Hoàng Lê Bình	An	23ĐHDL02	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1421	2331510058	Lê Duy	Anh	23ĐHĐT01	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1422	2331710094	Tòng Bùi Thành	Long	23ĐHKL02	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1423	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	23ĐHKL02	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1424	2331710150	Đặng Dương Thủy	Tiên	23ĐHKL02	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1425	2331710134	Lê Minh	Hùng	23ĐHKL03	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1426	2331520013	Nguyễn Cao Hải	Nam	23ĐHKT01	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1427	2331520130	Phạm Minh	Quốc	23ĐHKT03	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1428	2331520154	Phan Khánh	An	23ĐHKT03	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1429	2331740005	Nguyễn Bích	Quyên	23ĐHKV01	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1430	2331740183	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	23ĐHKV04	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1431	2331310048	Nguyễn Vương Yên	Như	23ĐHQT01	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1432	2331310144	Dương Hà	Bảo	23ĐHQT03	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1433	2331310305	Bùi Ngọc	Thảo	23ĐHQT06	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1434	2331310307	Đặng Thanh	Nguyên	23ĐHQT06	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1435	2331310323	Âu Nguyễn Hoàng Thiê	Kim	23ĐHQT06	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1436	2331310512	Phạm Quốc	Nguyên	23ĐHQT09	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1437	2331310527	Hồ Lê Huyền	Trang	23ĐHQT09	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1438	2331530080	Trần Minh	Khôi	23ĐHTĐ02	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1439	2331540088	Lê Anh	Hào	23ĐHTT02	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1440	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1441	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	23ĐHTT06	010100024407	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1442	2331730122	Mai Nguyễn Bảo	Nhi	23ĐHDL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1443	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1444	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1445	2331710041	Hồ Đăng	Khoa	23ĐHKL01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1446	2331710079	Nguyễn Quốc	Thắng	23ĐHKL02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1447	2331520115	Hà Lâm Danh	Nhân	23ĐHKT02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1448	2331520128	Trần Gia	Khiêm	23ĐHKT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1449	2331520140	Lê Hữu	Bằng	23ĐHKT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1450	2331520146	Nguyễn Thành Phúc	Nguyên	23ĐHKT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1451	2331520147	Nguyễn Thái	An	23ĐHKT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1452	2331520158	Đỗ Thanh	Tùng	23ĐHKT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1453	2331320024	Nguyễn Dương Yên	Nhi	23ĐHNL01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1454	2331320035	Lưu Ngọc	Minh	23ĐHNL01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1455	2331310286	Trần Thanh	Tùng	23ĐHQT05	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1456	2331310560	Nguyễn Huỳnh Nhã	Phương	23ĐHQT05	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1457	2331310324	Trần Ngọc Bảo	Anh	23ĐHQT06	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1458	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	23ĐHQT06	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1459	2331310355	Hoàng Châu Bảo	Di	23ĐHQT07	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1460	2331310452	Nguyễn Minh	Mẫn	23ĐHQT08	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1461	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQT08	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1462	2331310479	Châu Hải	My	23ĐHQT09	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1463	2331530030	Trịnh Trần Công	Hậu	23ĐHTĐ01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1464	2331530034	Đoàn Gia	Bảo	23ĐHTĐ01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1465	2331530060	Nguyễn Công Quốc	Đạt	23ĐHTĐ02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1466	2331530081	Phan Duy	Tân	23ĐHTĐ02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1467	2331540027	Võ Thiên	Phước	23ĐHTT01	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1468	2331540082	Hồ Hiếu	Thịnh	23ĐHTT02	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1469	2331540145	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23ĐHTT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1470	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	23ĐHTT03	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1471	2331540172	Nguyễn Duy	Đức	23ĐHTT04	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1472	2331540211	Phạm Thị Hương	Giang	23ĐHTT04	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1473	2331540213	Phạm Đăng	Khiêm	23ĐHTT04	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1474	2331540218	Vũ Huy	Hoàng	23ĐHTT04	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1475	2331540347	Lê Minh	Hy	23ĐHTT06	010100024408	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1476	2331710061	Trần Ngọc	Trâm	23ĐHKL03	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1477	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	23ĐHKL03	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1478	2331520009	Nguyễn Đại	Trung	23ĐHKT01	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1479	2331740155	Ngô Trí	Tín	23ĐHKV03	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1480	2331740179	Bùi Viết Thanh	Vy	23ĐHKV04	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1481	2331740250	Nguyễn Ái	Nhi	23ĐHKV05	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1482	2331310573	Đặng Khánh	Nhi	23ĐHQT04	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1483	2331540031	Chu Văn	Mùa	23ĐHTT01	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1484	2331540053	Nguyễn Huỳnh Đăng	Dương	23ĐHTT01	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1485	2331540333	Đặng Hải	Khuong	23ĐHTT06	010100024410	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1486	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1487	2331730108	Dương Thị Hồng	Yến	23ĐHDL02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1488	2331520145	Trần Phạm Duy	Hoàng	23ĐHKT03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1489	2331520157	Tăng Thê Tuấn	Kiệt	23ĐHKT03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1490	2331740104	Phạm Ngọc Khánh	Hòa	23ĐHKV02	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1491	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1492	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	23ĐHKV05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1493	2331320145	Lê Quỳnh	Chi	23ĐHNL03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1494	2331320187	Nguyễn Hoàng	Nam	23ĐHNL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1495	2331320188	Nguyễn Huệ	Như	23ĐHNL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1496	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1497	2331320200	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	23ĐHNL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1498	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1499	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1500	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1501	2331310351	Vũ Kim	Huyền	23ĐHQT06	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1502	2331310578	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	23ĐHQT06	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1503	2331530096	Võ Phạm Hồng	Phúc	23ĐHTĐ01	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1504	2331540238	Đỗ Nhật	Trường	23ĐHTT05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1505	2331540242	Nguyễn Sinh	Câu	23ĐHTT05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1506	2331540302	Lê Trọng Tấn	Phát	23ĐHTT05	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1507	2331540328	Đỗ Duy	Tài	23ĐHTT06	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1508	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	23ĐHTT06	010100024412	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1509	2255200103	Nguyễn Văn Hoàng	Lam	22ĐHKT02	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1510	2253410322	Vũ Thị Xuân	Mai	22ĐHQTC3	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1511	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1512	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1513	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1514	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1515	2331710149	Đỗ Thái	My	23ĐHKL03	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1516	2331520005	Nguyễn Minh	Hiếu	23ĐHKT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1517	2331520056	Phạm Trung	Hiếu	23ĐHKT01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1518	2331740055	Phan Bảo	Đạt	23ĐHKV01	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1519	2331320070	Võ Đàm Minh	Thư	23ĐHNL02	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1520	2331320183	Lương Nhật	Mai	23ĐHNL04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1521	2331320203	Nguyễn Thái Xuân	Quỳnh	23ĐHNL04	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1522	2331310389	Phạm Tuấn	Khoa	23ĐHQT07	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1523	2331310390	Hồ Ngọc Yên	Nhi	23ĐHQT07	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1524	2331310436	Hồ Văn	Mạnh	23ĐHQT08	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1525	2331310451	Đinh Ngọc Bảo	Vy	23ĐHQT08	010100024413	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1526	2331730079	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	23ĐHDL01	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1527	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	23ĐHKT02	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1528	2331520125	Hồ Vũ	Hải	23ĐHKT03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1529	2331520152	Lâm Minh	Khôi	23ĐHKT03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1530	2331740135	Phan Thị Thúy	Anh	23ĐHKV03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1531	2331740140	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	23ĐHKV03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1532	2331740160	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	23ĐHKV03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1533	2331740161	Phan Nguyễn Anh	Tuấn	23ĐHKV03	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1534	2331740202	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHKV04	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1535	2331740224	Phan Quốc	Bảo	23ĐHKV05	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1536	2331740257	Lê Thị Ánh	Tuyết	23ĐHKV05	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1537	2331740271	Trịnh Thị	Quỳnh	23ĐHKV05	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1538	2331320194	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23ĐHNL04	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1539	2331320196	Nguyễn Thị Xuân	Thu	23ĐHNL04	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1540	2331310533	Phan Thị Thanh	Hằng	23ĐHQT04	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1541	2331310280	Đàm Xuân	Trang	23ĐHQT05	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1542	2331310288	Trịnh Nguyễn Xuân	Nhi	23ĐHQT05	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1543	2331310304	Trương Bảo	Hân	23ĐHQT06	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1544	2331310333	Thái Nhật	Vy	23ĐHQT06	010100024416	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
1545	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100025801	Quản trị sự thay đổi	3	
1546	2253440079	Phạm Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100025801	Quản trị sự thay đổi	3	
1547	2253440084	Trần Hoàng	Ân	22ĐHNL02	010100025801	Quản trị sự thay đổi	3	
1548	2253440085	Trịnh Hữu	Thịnh	22ĐHNL02	010100025801	Quản trị sự thay đổi	3	
1549	2253440037	Từ Mỹ	Tiên	22ĐHNL01	010100025802	Quản trị sự thay đổi	3	
1550	2253440073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi	3	
1551	2253440083	Huỳnh Thị Út	Thiện	22ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi	3	
1552	2253440086	Sơn Trường	Vũ	22ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi	3	
1553	2253440092	Lâm Đồng Thanh	Thảo	22ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi	3	
1554	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100025802	Quản trị sự thay đổi	3	
1555	2153410059	Trần Nguyễn Trúc	Thy	21ĐHQTC1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1556	2153410192	Nguyễn Trần Dạ	Thi	21ĐHQTC2	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1557	2253410045	Nguyễn Nhựt	Minh	22ĐHQTC1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1558	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1559	2253410165	Vũ Thị Hoài	Thu	22ĐHQTC2	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1560	2253410029	Trần Lưu Ánh	Nhi	22ĐHQTVT1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1561	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1562	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1563	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1564	2253410349	Đặng Thị Phương	Anh	22ĐHQTVT1	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1565	2253410299	Nguyễn Hồng	Ngọc	22ĐHQTVT2	010100029601	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1566	2051010406	Cao Minh	Tấn	20ĐHQTVT4	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1567	2153410153	Nguyễn Thanh	Trúc	21ĐHQTC2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1568	2153410187	Lê Nguyễn Tuyết	Phượng	21ĐHQTC2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1569	2153410199	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	21ĐHQTC2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1570	2153410444	Huỳnh Ngọc	Thương	21ĐHQTC3	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1571	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1572	2253410168	Hồ Thị Thùy	Trang	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1573	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1574	2253410239	Hoàng Thị Nhật	Thu	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1575	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trân	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1576	2253410274	Hồ Ngọc	Trình	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1577	2253410281	Nguyễn Thùy	Linh	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1578	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1579	2253410286	Nguyễn Hoàng	Luận	22ĐHQTVT2	010100029602	Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	3	
1580	2250000073	Trần Lan	Hương	22ĐHKVLQ1	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	
1581	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	
1582	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	
1583	2250000176	Trần Yên	Vy	22ĐHKVLQ2	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	
1584	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100030201	Kinh tế quốc tế	2	
1585	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1586	2250000074	Đinh Thị Như	Ý	22ĐHKVKH	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1587	2250000003	Đinh Văn Thành	Nam	22ĐHKVLĐ	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1588	2250000114	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	22ĐHKVLQ1	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1589	2250000172	Phạm Thị	Thương	22ĐHKVLQ1	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1590	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1591	2250000052	Nguyễn Khắc Thành	Trung	22ĐHKVLQ2	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1592	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	22ĐHQTTTH	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1593	2253410183	Trần Nhật	Vy	22ĐHQTTTH	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1594	2253410197	Trần Ngọc Tuyết	Như	22ĐHQTTTH	010100030202	Kinh tế quốc tế	2	
1595	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1596	2253410017	Võ Quỳnh	Anh	22ĐHQTC1	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1597	2253410263	Nguyễn Thùy	Duyên	22ĐHQTC3	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1598	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1599	2253410322	Vũ Thị Xuân	Mai	22ĐHQTC3	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1600	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1601	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1602	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trân	22ĐHQTVT2	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1603	2253410274	Hồ Ngọc	Trình	22ĐHQTVT2	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1604	2253410281	Nguyễn Thùy	Linh	22ĐHQTVT2	010100039202	Pháp luật HKDD	2	
1605	2253410077	Tống Ngọc	Đức	22ĐHQTC1	010100039206	Pháp luật HKDD	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1606	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1607	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1608	2253410165	Vũ Thị Hoài	Thu	22ĐHQTC2	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1609	2253410216	Nguyễn Hoài Nhã	Uyên	22ĐHQTC2	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1610	2253410311	Nguyễn Thị Hà	Uyên	22ĐHQTC3	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1611	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1612	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	22ĐHQTC3	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1613	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1614	2253410333	Dương Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC4	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1615	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1616	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1617	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1618	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100039206	Pháp luật HKDD	2	
1619	2253410065	Nguyễn Bình	An	22ĐHQTTH	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1620	2331320039	Nguyễn Bảo	Vi	23ĐHNL01	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1621	2331320155	Nguyễn Phạm Trà	My	23ĐHNL03	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1622	2331320183	Lương Nhật	Mai	23ĐHNL04	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1623	2331320203	Nguyễn Thái Xuân	Quỳnh	23ĐHNL04	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1624	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1625	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	010100044701	Hành vi tổ chức	3	
1626	2331320005	Trần Thái	Dương	23ĐHNL01	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1627	2331320021	Phạm Hồng	Ngọc	23ĐHNL01	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1628	2331320024	Nguyễn Dương Yên	Nhi	23ĐHNL01	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1629	2331320070	Võ Đàm Minh	Thư	23ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1630	2331320108	Đỗ Ngọc	Hân	23ĐHNL02	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1631	2331320145	Lê Quỳnh	Chi	23ĐHNL03	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1632	2331320162	Huỳnh Gia	Hân	23ĐHNL03	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1633	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	23ĐHNL03	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1634	2331320181	Lê Thị Như	Hoà	23ĐHNL03	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1635	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1636	2331320161	Nguyễn Thị Kiều	My	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1637	2331320182	Trần Nguyễn Vũ	Tài	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1638	2331320188	Nguyễn Huệ	Như	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1639	2331320189	Cao Hoàng Anh	Kiệt	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1640	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1641	2331320200	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1642	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1643	2331320216	Lê Thị Trà	Vy	23ĐHNL04	010100044702	Hành vi tổ chức	3	
1644	2331320022	Hồ Lê	An	23ĐHNL01	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1645	2331320035	Lưu Ngọc	Minh	23ĐHNL01	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1646	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1647	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1648	2331320153	Phạm Thanh	Huyền	23ĐHNL03	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1649	2331320164	Nguyễn Khánh	Ly	23ĐHNL03	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1650	2331320187	Nguyễn Hoàng	Nam	23ĐHNL04	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1651	2331320194	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23ĐHNL04	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1652	2331320196	Nguyễn Thị Xuân	Thu	23ĐHNL04	010100044703	Hành vi tổ chức	3	
1653	2253410065	Nguyễn Bình	An	22ĐHQTTTH	010100050001	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	
1654	2253410161	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	22ĐHQTTTH	010100050001	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	
1655	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100050001	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	
1656	2253410308	Nguyễn Trần Khánh	Nhi	22ĐHQTTTH	010100050001	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	
1657	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100050001	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	
1658	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1659	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1660	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	23ĐHQT01	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1661	2331310106	Đào Công	Hậu	23ĐHQT02	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1662	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHQT03	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1663	2331310122	Nguyễn Phạm Hoài	Anh	23ĐHQT03	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1664	2331310148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23ĐHQT03	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1665	2331310153	Hà Thị Tường	Vy	23ĐHQT03	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1666	2331310167	Đinh Hữu Thái	Thịnh	23ĐHQT03	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1667	2331310279	Trần Thu	Hà	23ĐHQT05	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1668	2331310288	Trịnh Nguyễn Xuân	Nhi	23ĐHQT05	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1669	2331310323	Âu Nguyễn Hoàng Thiê	Kim	23ĐHQT06	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1670	2331310351	Vũ Kim	Huyền	23ĐHQT06	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1671	2331310578	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	23ĐHQT06	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1672	2331310358	Nguyễn Vũ Thái	Thảo	23ĐHQT07	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1673	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQT08	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1674	2331310436	Hồ Văn	Mạnh	23ĐHQT08	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1675	2331310450	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23ĐHQT08	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1676	2331310479	Châu Hải	My	23ĐHQT09	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1677	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1678	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1679	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100055101	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1680	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1681	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1682	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1683	2331310021	Trần Thiên Linh	Nguyên	23ĐHQT01	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1684	2331310048	Nguyễn Vương Yến	Như	23ĐHQT01	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1685	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1686	2331310117	Phạm Huỳnh Hà	Anh	23ĐHQT02	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1687	2331310156	Hoàng Uyên	Thanh	23ĐHQT03	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1688	2331310192	Nguyễn Minh	Quang	23ĐHQT04	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1689	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1690	2331310241	Đặng Hoàng Vân	Anh	23ĐHQT05	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1691	2331310245	Trần Thế	Quý	23ĐHQT05	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1692	2331310252	Võ Nguyễn Thị Minh	Trang	23ĐHQT05	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1693	2331310536	Nguyễn Gia	Huy	23ĐHQT05	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1694	2331310343	Nguyễn Hoàng Phương	Trâm	23ĐHQT06	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1695	2331310388	Trịnh Hải	Đăng	23ĐHQT07	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1696	2331310424	Huỳnh Vân	Khanh	23ĐHQT08	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1697	2331310451	Đinh Ngọc Bảo	Vy	23ĐHQT08	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1698	2331310452	Nguyễn Minh	Mẫn	23ĐHQT08	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1699	2331310470	Huỳnh Gia	Phát	23ĐHQT08	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1700	2331310501	Lưu Thanh	Tú	23ĐHQT09	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1701	2331310512	Phạm Quốc	Nguyên	23ĐHQT09	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1702	2331310544	Nguyễn Hữu	Phúc	23ĐHQT09	010100055102	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1703	2105130013	Lưu Huỳnh Bảo	Như	21ĐHQTTTH1	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1704	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1705	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1706	2253410349	Đặng Thị Phương	Anh	22ĐHQTVT1	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1707	2331310529	Lê Phương	Uyên	23ĐHQT02	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1708	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQT02	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1709	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1710	2331310159	Phan Nhật	Khôi	23ĐHQT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1711	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1712	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1713	2331310197	Nguyễn Trần Phương	Vy	23ĐHQT04	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1714	2331310214	Nguyễn Khắc	Cương	23ĐHQT04	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1715	2331310533	Phan Thị Thanh	Hằng	23ĐHQT04	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1716	2331310249	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHQT05	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1717	2331310286	Trần Thanh	Tùng	23ĐHQT05	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1718	2331310293	Võ Thị Khánh	Quyên	23ĐHQT05	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1719	2331310294	Võ Thị Khánh	Phương	23ĐHQT05	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1720	2331310308	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	23ĐHQT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1721	2331310312	Lê Trần Mỹ	Quyên	23ĐHQT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1722	2331310331	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHQT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1723	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	23ĐHQT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1724	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	23ĐHQT06	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1725	2331310448	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	23ĐHQT08	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1726	2331310481	Nguyễn Thị Trúc	Ly	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1727	2331310485	Đoàn Thị Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1728	2331310496	Võ Đặng Minh	Phượng	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1729	2331310519	Mai Phương	Anh	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1730	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1731	2331310587	Phan Thị Ngọc	Giàu	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1732	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	010100055103	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1733	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1734	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1735	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1736	2331310573	Đặng Khánh	Nhi	23ĐHQT04	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1737	2331310560	Nguyễn Huỳnh Nhã	Phương	23ĐHQT05	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1738	2331310324	Trần Ngọc Bảo	Anh	23ĐHQT06	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1739	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1740	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1741	2331310400	Nguyễn Minh	Tiến	23ĐHQT07	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1742	2331310515	Lê Anh	Quân	23ĐHQT09	010100055105	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	
1743	2254810022	Phan Đăng	Dũng	22ĐHTT01	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1744	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1745	2254810049	Hoàng Phạm Bá	Lộc	22ĐHTT01	010100060101	Pháp luật hàng không	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1746	2254810061	Trịnh Thanh	Minh	22ĐHTT02	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1747	2254810091	Nguyễn Ngọc Long	Quân	22ĐHTT02	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1748	2254810096	Thạch Gia	Hùng	22ĐHTT02	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1749	2254810101	Phạm Trọng	Toàn	22ĐHTT02	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1750	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1751	2254810112	Nguyễn Lê	Hiền	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1752	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1753	2254810120	Phạm Quốc	Dũng	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1754	2254810141	Trịnh Huy	Hoàng	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1755	2254810144	Nguyễn Huỳnh Minh	Thái	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1756	2254810149	Nguyễn Tiến	Minh	22ĐHTT03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1757	2254810172	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHTT04	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1758	2254810175	Vũ Thành	Đạt	22ĐHTT04	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1759	2254810204	Nguyễn Ngọc	Thiên	22ĐHTT04	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1760	2254810322	Hạ Ngọc	Mai	22ĐHTT04	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1761	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1762	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1763	2254810223	Phan Văn	Trường	22ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1764	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1765	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1766	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1767	2254810267	Nguyễn Duy	Trường	22ĐHTT06	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1768	2254810272	Nguyễn Hải	Đăng	22ĐHTT06	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1769	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1770	2331710079	Nguyễn Quốc	Thắng	23ĐHKL02	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1771	2331710134	Lê Minh	Hùng	23ĐHKL03	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1772	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1773	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100060101	Pháp luật hàng không	2	
1774	2254810005	Nguyễn Thùy Minh	Như	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1775	2254810019	Trang Đại	Gia	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1776	2254810036	Phạm Tấn	Khiêm	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1777	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1778	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1779	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1780	2254810310	Nguyễn Phan Khôi	Vĩ	22ĐHTT01	010100060103	Pháp luật hàng không	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1781	2254810059	Hồ Đình	Huy	22ĐHTT02	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1782	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1783	2254810080	Hàn Nhật	Minh	22ĐHTT02	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1784	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1785	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1786	2254810105	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1787	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1788	2254810122	Phạm Dương	Hưng	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1789	2254810126	Bùi Quốc	Thắng	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1790	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hưng	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1791	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1792	2254810148	Trần Đức	Mạnh	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1793	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	22ĐHTT03	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1794	2254810153	Phạm Thị Bích	Châu	22ĐHTT04	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1795	2254810165	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22ĐHTT04	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1796	2254810189	Phạm Hiếu	Đồng	22ĐHTT04	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1797	2254810219	Phan Nguyễn Huỳnh	Đức	22ĐHTT05	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1798	2254810222	Nguyễn Lương	Trí	22ĐHTT05	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1799	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1800	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100060103	Pháp luật hàng không	2	
1801	2153410144	Đặng Hồng	Hân	21ĐHQTVT1	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1802	2153410215	Ngô Xuân	Ngọc	21ĐHQTVT2	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1803	2153410233	Trần Thị	Linh	21ĐHQTVT2	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1804	2253410029	Trần Lưu Ánh	Nhi	22ĐHQTVT1	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1805	2253410349	Đặng Thị Phương	Anh	22ĐHQTVT1	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1806	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trần	22ĐHQTVT2	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1807	2253410281	Nguyễn Thùy	Linh	22ĐHQTVT2	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1808	2253410286	Nguyễn Hoàng	Luận	22ĐHQTVT2	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1809	2253410299	Nguyễn Hồng	Ngọc	22ĐHQTVT2	010100065801	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1810	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1811	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1812	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1813	2253410168	Hồ Thị Thùy	Trang	22ĐHQTVT2	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1814	2253410177	Nguyễn Thị Kiều	Uyên	22ĐHQTVT2	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1815	2253410274	Hồ Ngọc	Trình	22ĐHQTVT2	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1816	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100065802	Quy tắc quốc tế về VCHK	2	
1817	2051010413	Nguyễn Trần Thúy	Nguyên	20ĐHQTVT4	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1818	2253410003	Nguyễn Thụy Tú	Anh	22ĐHQTC1	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1819	2253410004	Nguyễn Phương Cẩm	Tiên	22ĐHQTC1	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1820	2253410020	Nguyễn Thị	Mai	22ĐHQTC1	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1821	2253410125	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	22ĐHQTC2	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1822	2253410204	Huỳnh Trung	Nhân	22ĐHQTC4	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1823	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1824	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100070802	Thương mại điện tử	3	
1825	2253410045	Nguyễn Nhật	Minh	22ĐHQTC1	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1826	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1827	2253410095	Vũ Phương	Thảo	22ĐHQTC1	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1828	2253410098	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22ĐHQTC1	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1829	2253410233	Vũ Nhật	Tân	22ĐHQTC3	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1830	2253410260	Nguyễn Quốc	Quân	22ĐHQTC3	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1831	2253410311	Nguyễn Thị Hà	Uyên	22ĐHQTC3	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1832	2253410315	Lê Thị Lưu	Ly	22ĐHQTC3	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1833	2253410316	Lê Thị Thùy	Linh	22ĐHQTC3	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1834	2253410358	Lương Nhật	Nam	22ĐHQTC3	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1835	2253410294	Trần Đức	Anh	22ĐHQTC4	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1836	2253410065	Nguyễn Bình	An	22ĐHQTTTH	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1837	2253410239	Hoàng Thị Nhật	Thu	22ĐHQTVT2	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1838	2253410339	Huỳnh Thị Kim	Hằng	22ĐHQTVT2	010100070803	Thương mại điện tử	3	
1839	2253410357	Phạm Ngọc	Huyền	22ĐHQTC3	010100070804	Thương mại điện tử	3	
1840	2253410090	Lê Vạn Thành	Danh	22ĐHQTVT1	010100070804	Thương mại điện tử	3	
1841	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	010100070804	Thương mại điện tử	3	
1842	2253410264	Bùi Thị Bảo	Trân	22ĐHQTVT2	010100070804	Thương mại điện tử	3	
1843	2253440083	Huỳnh Thị Út	Thiện	22ĐHNL02	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1844	2253410135	Trần Cao	Vàng	22ĐHQTC2	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1845	2253410215	Nguy Huỳnh Cẩm	Uyên	22ĐHQTC2	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1846	2253410216	Nguyễn Hoài Nhã	Uyên	22ĐHQTC2	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1847	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1848	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1849	2253410183	Trần Nhật	Vy	22ĐHQTTTH	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1850	2253410197	Trần Ngọc Tuyết	Như	22ĐHQTTTH	010100070805	Thương mại điện tử	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1851	2253410281	Nguyễn Thùy	Linh	22ĐHQTVT2	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1852	2253410286	Nguyễn Hoàng	Luận	22ĐHQTVT2	010100070805	Thương mại điện tử	3	
1853	2153410418	Nguyễn Lâm Nhật	Minh	21ĐHQTVT1	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1854	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1855	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1856	2253410263	Nguyễn Thùy	Duyên	22ĐHQTC3	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1857	2253410322	Vũ Thị Xuân	Mai	22ĐHQTC3	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1858	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1859	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1860	2253410168	Hồ Thị Thùy	Trang	22ĐHQTVT2	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1861	2253410274	Hồ Ngọc	Trình	22ĐHQTVT2	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1862	2253410283	Trương Thanh Diễm	Nhi	22ĐHQTVT2	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1863	2253410299	Nguyễn Hồng	Ngọc	22ĐHQTVT2	010100070806	Thương mại điện tử	3	
1864	2105120094	Bùi Xuân	Son	21ĐHĐT02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1865	2331520085	Mai Tuấn	Anh	23ĐHKT02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1866	2331720023	Đinh Thị Phương	Hậu	23ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1867	2331720031	Nguyễn Thành	Nhân	23ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1868	2331720397	Lê Thị	Phương	23ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1869	2331720458	Trần Đức	Hỷ	23ĐHNA01	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1870	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1871	2331720070	Vưu Thu	Huệ	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1872	2331720077	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1873	2331720089	Phạm Nguyễn Ngọc	Nhi	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1874	2331720262	Lê Bảo	Châu	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1875	2331720398	Bùi Nhật Hoàng	Thơ	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1876	2331720400	Lê Thanh	Quang	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1877	2331720430	Đào Thiên	Mỹ	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1878	2331720470	Nguyễn Trần	Tiến	23ĐHNA02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1879	2331720112	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	23ĐHNA03	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1880	2331720141	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	23ĐHNA03	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1881	2331720172	Nguyễn Thị Hồng	Lan	23ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1882	2331720175	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Quỳnh	23ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1883	2331720192	Vũ Thúy Uyên	Nhi	23ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1884	2331720201	Hà Tường	Vy	23ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1885	2331720210	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1886	2331720215	Lê Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHNA04	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1887	2331720229	Lê Thị Anh	Thư	23ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1888	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	23ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1889	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1890	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23ĐHNA05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1891	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1892	2331720294	Lê Thị Tuyết	San	23ĐHNA06	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1893	2331720307	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHNA06	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1894	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	23ĐHNA06	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1895	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1896	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1897	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1898	2331720376	Nguyễn Trần Minh	Anh	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1899	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1900	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1901	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1902	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQT03	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1903	2331310560	Nguyễn Huỳnh Nhã	Phương	23ĐHQT05	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1904	2331530091	Đặng Trần Đăng	Khoa	23ĐHTĐ02	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1905	2331540150	Vũ Nguyên	Long	23ĐHTT03	010100074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1906	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1907	2331720395	Trần Vũ Yến	Nhi	23ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1908	2331720423	Nguyễn Nam	Anh	23ĐHNA01	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1909	2331720068	Phan Bảo	Duy	23ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1910	2331720085	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1911	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1912	2331720132	Nguyễn Minh	Hưng	23ĐHNA03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1913	2331720153	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1914	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	23ĐHNA04	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1915	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1916	2331720204	Phan Thanh	Vân	23ĐHNA04	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1917	2331720206	Trịnh Phúc	Lộc	23ĐHNA04	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1918	2331720226	Bùi Tường	Vy	23ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1919	2331720228	Võ Hoàng	Oanh	23ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1920	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1921	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1922	2331720411	Hoàng Kim Mỹ	Thạch	23ĐHNA05	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1923	2331720287	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	23ĐHNA06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1924	2331720302	Đặng Trần Gia	Hân	23ĐHNA06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1925	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1926	2331720392	Bành Quốc	Hưng	23ĐHNA06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1927	2331720415	Bùi Thảo	Nhi	23ĐHNA06	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1928	2331720345	Văn Bảo	Trân	23ĐHNA07	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1929	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	23ĐHQT02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1930	2331310501	Lưu Thanh	Tú	23ĐHQT09	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1931	2331530084	Mai Thành	Đạt	23ĐHTĐ02	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1932	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	010100074703	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1933	2105120072	Nguyễn Đăng Duy	Nhất	21ĐHĐT02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1934	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1935	2331510036	Nguyễn Thanh	Xuân	23ĐHĐT01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1936	2331720009	Nguyễn Kim	Ngân	23ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1937	2331720025	Trần Trung	Đạt	23ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1938	2331720030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	23ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1939	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1940	2331720052	Hồ Mai	Duyên	23ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1941	2331720396	Trương Thị Hồng	Hạnh	23ĐHNA01	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1942	2331720074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1943	2331720080	Trần Thị Lan	Anh	23ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1944	2331720084	Phạm Mai	Hân	23ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1945	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	23ĐHNA02	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1946	2331720115	Lê Phương	Nguyên	23ĐHNA03	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1947	2331720123	Cao Thị Hồng	Nhung	23ĐHNA03	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1948	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1949	2331720404	Võ Thị Thanh	Hằng	23ĐHNA03	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1950	2331720405	Trần Hồng	Hân	23ĐHNA03	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1951	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1952	2331720408	Nguyễn Phương Thanh	Vy	23ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1953	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1954	2331720442	Nguyễn Phúc Bảo	Trân	23ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1955	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1956	2331720222	Nguyễn Phạm Phương	Vi	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1957	2331720223	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1958	2331720225	Bùi Thiên	Tài	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1959	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1960	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1961	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1962	2331720240	Touwest	Sara	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1963	2331720241	Võ Ngọc	Tú	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1964	2331720245	Đỗ Như	Ý	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1965	2331720249	Nguyễn Lý Thanh	Tiền	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1966	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1967	2331720257	Nguyễn Phạm Uyên	Thy	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1968	2331720274	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1969	2331720278	Nguyễn Sanh Anh	Tài	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1970	2331720413	Lý Nguyễn Minh	Huy	23ĐHNA05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1971	2331720285	Lê Nguyễn Hiền	Vy	23ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1972	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1973	2331720313	Huỳnh Trung	Nghĩa	23ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1974	2331720318	Võ Thụy Phương	Trang	23ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1975	2331720321	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	23ĐHNA06	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1976	2331720339	Thái Văn	Bảo	23ĐHNA07	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1977	2331720353	Phạm Duy	Tiến	23ĐHNA07	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1978	2331720354	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1979	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	23ĐHNA07	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1980	2331720383	Lê Nhó	Hoài	23ĐHNA07	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1981	2331310448	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	23ĐHQT08	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1982	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1983	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100074705	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
1984	2331730060	Bùi Duy	Khải	23ĐHDL01	010100080701	Địa lý du lịch	3	
1985	2331730122	Mai Nguyễn Bảo	Nhi	23ĐHDL03	010100080701	Địa lý du lịch	3	
1986	2331730132	Phạm Huỳnh Thuý	Vy	23ĐHDL03	010100080701	Địa lý du lịch	3	
1987	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100080701	Địa lý du lịch	3	
1988	2331730145	Phạm Ngọc	Thảo	23ĐHDL03	010100080701	Địa lý du lịch	3	
1989	2331730017	Đoàn Ngọc Thảo	Chi	23ĐHDL01	010100080703	Địa lý du lịch	3	
1990	2331730090	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	23ĐHDL02	010100080703	Địa lý du lịch	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
1991	2331730119	Đỗ Quốc	Việt	23ĐHDL02	010100080703	Địa lý du lịch	3	
1992	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100080703	Địa lý du lịch	3	
1993	2051010234	Nguyễn Bảo Quốc	Khánh	20ĐHQTC1	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
1994	2051010442	Nguyễn Kỳ Anh	Kiên	20ĐHQTC1	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
1995	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	22ĐHQTTTH	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
1996	2331310144	Dương Hà	Bảo	23ĐHQTO3	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
1997	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	23ĐHQTO3	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
1998	2331310249	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHQTO5	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
1999	2331310293	Võ Thị Khánh	Quyên	23ĐHQTO5	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2000	2331310294	Võ Thị Khánh	Phuong	23ĐHQTO5	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2001	2331310390	Hồ Ngọc Yến	Nhi	23ĐHQTO7	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2002	2331310400	Nguyễn Minh	Tiến	23ĐHQTO7	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2003	2331310451	Đinh Ngọc Bảo	Vy	23ĐHQTO8	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2004	2331310501	Lưu Thanh	Tú	23ĐHQTO9	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2005	2331310523	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23ĐHQTO9	010100080801	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2006	2331320180	Trần Thị Như	Huyền	23ĐHNL03	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2007	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	23ĐHNL04	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2008	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2009	2331320216	Lê Thị Trà	Vy	23ĐHNL04	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2010	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	23ĐHQTO1	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2011	2331310167	Đinh Hữu Thái	Thịnh	23ĐHQTO3	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2012	2331310531	Tạ Quang	Dũng	23ĐHQTO3	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2013	2331310192	Nguyễn Minh	Quang	23ĐHQTO4	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2014	2331310197	Nguyễn Trần Phương	Vy	23ĐHQTO4	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2015	2331310214	Nguyễn Khắc	Cương	23ĐHQTO4	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2016	2331310241	Đặng Hoàng Vân	Anh	23ĐHQTO5	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2017	2331310250	Nguyễn Tiến	Đạt	23ĐHQTO5	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2018	2331310280	Đàm Xuân	Trang	23ĐHQTO5	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2019	2331310331	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHQTO6	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2020	2331310343	Nguyễn Hoàng Phương	Trâm	23ĐHQTO6	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2021	2331310351	Vũ Kim	Huyền	23ĐHQTO6	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2022	2331310578	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	23ĐHQTO6	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2023	2331310528	Đỗ Thế	Vương	23ĐHQTO9	010100080802	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2024	2331320021	Phạm Hồng	Ngọc	23ĐHNL01	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2025	2331320024	Nguyễn Dương Yến	Nhi	23ĐHNL01	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2026	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2027	2331320108	Đỗ Ngọc	Hân	23ĐHNL02	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2028	2331320194	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23ĐHNL04	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2029	2331310048	Nguyễn Vương Yên	Như	23ĐHQT01	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2030	2331310533	Phan Thị Thanh	Hằng	23ĐHQT04	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2031	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2032	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	23ĐHQT06	010100080803	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2033	2331320035	Lưu Ngọc	Minh	23ĐHNL01	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2034	2331320153	Phạm Thanh	Huyền	23ĐHNL03	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2035	2331320164	Nguyễn Khánh	Ly	23ĐHNL03	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2036	2331320183	Lương Nhật	Mai	23ĐHNL04	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2037	2331320184	Nguyễn Thị Thanh	Hà	23ĐHNL04	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2038	2331320187	Nguyễn Hoàng	Nam	23ĐHNL04	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2039	2331320203	Nguyễn Thái Xuân	Quỳnh	23ĐHNL04	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2040	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2041	2331310130	Trần Thị Diệu	Linh	23ĐHQT03	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2042	2331310613	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	23ĐHQT04	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2043	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2044	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2045	2331310519	Mai Phương	Anh	23ĐHQT09	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2046	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2047	2331310148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23ĐHQT03	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2048	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	23ĐHQT06	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2049	2331310579	Phùng Lê Thùy	Dung	23ĐHQT06	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2050	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2051	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2052	2331310418	Hoàng	Lan	23ĐHQT08	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2053	2331310436	Hồ Văn	Mạnh	23ĐHQT08	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2054	2331310450	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23ĐHQT08	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2055	2331310475	Nguyễn Viên Gia	Linh	23ĐHQT09	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2056	2331310485	Đoàn Thị Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2057	2331310510	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23ĐHQT09	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2058	2331310516	Mạch Trúc	Huỳnh	23ĐHQT09	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2059	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	010100080806	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2060	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2061	2331310156	Hoàng Uyên	Thanh	23ĐHQT03	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2062	2331310596	Nguyễn Minh	Phúc	23ĐHQT03	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2063	2331310605	La Kim	Thư	23ĐHQT05	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2064	2331310308	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	23ĐHQT06	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2065	2331310319	Hoàng Quỳnh	Như	23ĐHQT06	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2066	2331310322	Nguyễn Trần Song	Nguyên	23ĐHQT06	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2067	2331310337	Trần Ngọc Thảo	Vy	23ĐHQT06	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2068	2331310580	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	23ĐHQT06	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2069	2331310512	Phạm Quốc	Nguyên	23ĐHQT09	010100080809	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2070	2331740247	Phan Thị Huyền	Trân	23ĐHKV05	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2071	2331320196	Nguyễn Thị Xuân	Thu	23ĐHNL04	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2072	2331310040	Hoàng Gia Bảo	Châu	23ĐHQT01	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2073	2331310106	Đào Công	Hậu	23ĐHQT02	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2074	2331310118	Nguyễn Thương	Nghiên	23ĐHQT02	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2075	2331310121	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHQT03	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2076	2331310122	Nguyễn Phạm Hoài	Anh	23ĐHQT03	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2077	2331310216	Nguyễn Đăng Tường	Vy	23ĐHQT04	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2078	2331310304	Trương Bảo	Hân	23ĐHQT06	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2079	2331310333	Thái Nhật	Vy	23ĐHQT06	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2080	2331310487	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHQT09	010100080810	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2081	2331310573	Đặng Khánh	Nhi	23ĐHQT04	010100080811	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2082	2331310252	Võ Nguyễn Thị Minh	Trang	23ĐHQT05	010100080811	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2083	2331310330	Nguyễn Thị Thu	Hương	23ĐHQT06	010100080811	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2084	2331320022	Hồ Lê	An	23ĐHNL01	010100080812	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2085	2331310098	Vũ Nhật	Hạ	23ĐHQT02	010100080812	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2086	2331310568	Lê Thị Mai	Phương	23ĐHQT02	010100080812	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2087	2331310159	Phan Nhật	Khôi	23ĐHQT03	010100080812	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2088	2331310324	Trần Ngọc Bảo	Anh	23ĐHQT06	010100080812	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2089	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2090	2331320005	Trần Thái	Dương	23ĐHNL01	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2091	2331320039	Nguyễn Bảo	Vi	23ĐHNL01	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2092	2331320070	Võ Đàm Minh	Thư	23ĐHNL02	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2093	2331320182	Trần Nguyễn Vũ	Tài	23ĐHNL04	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2094	2331320186	Hồ Ngọc Khánh	An	23ĐHNL04	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2095	2331320188	Nguyễn Huệ	Như	23ĐHNL04	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2096	2331320189	Cao Hoàng Anh	Kiệt	23ĐHNL04	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2097	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2098	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2099	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2100	2331310287	Võ Thị Xuân	Nhi	23ĐHQT05	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2101	2331310312	Lê Trần Mỹ	Quyên	23ĐHQT06	010100080813	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
2102	2331540281	Võ Nguyễn Mạnh	Son	23ĐHTT01	010100084601	Toán rời rạc	2	
2103	2331540142	Trần Thế	Phúc	23ĐHTT03	010100084601	Toán rời rạc	2	
2104	2331540176	Lê Vũ Hải	Bằng	23ĐHTT04	010100084601	Toán rời rạc	2	
2105	2331540293	Nguyễn Đức	Anh	23ĐHTT04	010100084601	Toán rời rạc	2	
2106	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100084601	Toán rời rạc	2	
2107	2331540242	Nguyễn Sinh	Cầu	23ĐHTT05	010100084601	Toán rời rạc	2	
2108	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100084601	Toán rời rạc	2	
2109	2331540235	Tô Nguyễn Thiên	Trường	23ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc	2	
2110	2331540333	Đặng Hải	Khương	23ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc	2	
2111	2331540335	Dương Hoàng	Phát	23ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc	2	
2112	2331540345	Bùi Nguyễn Minh	Quân	23ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc	2	
2113	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	23ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc	2	
2114	2331540347	Lê Minh	Hy	23ĐHTT06	010100084601	Toán rời rạc	2	
2115	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2116	2254810120	Phạm Quốc	Dũng	22ĐHTT03	010100084602	Toán rời rạc	2	
2117	2331540004	Nguyễn Minh	Sang	23ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2118	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	23ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2119	2331540037	Hà Anh	Khoa	23ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2120	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	23ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2121	2331540043	Dương Minh	Huy	23ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2122	2331540361	Hoàng Diệu	Linh	23ĐHTT01	010100084602	Toán rời rạc	2	
2123	2331540084	Đoàn Ngọc Minh	Châu	23ĐHTT02	010100084602	Toán rời rạc	2	
2124	2331540092	Phan Quốc	Huy	23ĐHTT02	010100084602	Toán rời rạc	2	
2125	2331540285	Nguyễn Trương Minh	Khôi	23ĐHTT02	010100084602	Toán rời rạc	2	
2126	2331540129	Hồ	Huy	23ĐHTT03	010100084602	Toán rời rạc	2	
2127	2331540151	Vũ Đức	Mạnh	23ĐHTT03	010100084602	Toán rời rạc	2	
2128	2331540158	Đoàn Thanh	Tuyền	23ĐHTT03	010100084602	Toán rời rạc	2	
2129	2331540167	Lê Văn	Đức	23ĐHTT03	010100084602	Toán rời rạc	2	
2130	2331540182	Nguyễn Trung	Kiên	23ĐHTT04	010100084602	Toán rời rạc	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2131	2331540201	Cao Văn	Quang	23ĐHTT04	010100084602	Toán rời rạc	2	
2132	2331540213	Phạm Đăng	Khiêm	23ĐHTT04	010100084602	Toán rời rạc	2	
2133	2331540223	Nguyễn Trọng Ngọc	Sơn	23ĐHTT04	010100084602	Toán rời rạc	2	
2134	2331540237	Nguyễn Hữu	Chinh	23ĐHTT05	010100084602	Toán rời rạc	2	
2135	2331540262	Nguyễn Trọng	Trường	23ĐHTT05	010100084602	Toán rời rạc	2	
2136	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100084602	Toán rời rạc	2	
2137	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100084602	Toán rời rạc	2	
2138	2331540031	Chu Văn	Mùa	23ĐHTT01	010100084603	Toán rời rạc	2	
2139	2331540054	Trang Thảo	Phương	23ĐHTT01	010100084603	Toán rời rạc	2	
2140	2331540287	Phan Nguyên	An	23ĐHTT02	010100084603	Toán rời rạc	2	
2141	2331540137	Lê Hùng	Anh	23ĐHTT03	010100084603	Toán rời rạc	2	
2142	2331540291	Nguyễn Lê Nam	Hải	23ĐHTT03	010100084603	Toán rời rạc	2	
2143	2331540311	Trần Lê HạNh	PhúC	23ĐHTT03	010100084603	Toán rời rạc	2	
2144	2331540198	Trần Ngọc Anh	Tú	23ĐHTT06	010100084603	Toán rời rạc	2	
2145	2331540082	Hồ Hiếu	Thịnh	23ĐHTT02	010100084604	Toán rời rạc	2	
2146	2331540112	Lê Trần Nhật	Tâm	23ĐHTT02	010100084604	Toán rời rạc	2	
2147	2331540305	Lê Quang	Huy	23ĐHTT02	010100084604	Toán rời rạc	2	
2148	2331540363	Dương Đức	Dương	23ĐHTT02	010100084604	Toán rời rạc	2	
2149	2331540117	Đàm Quang	Huy	23ĐHTT03	010100084604	Toán rời rạc	2	
2150	2331540145	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23ĐHTT03	010100084604	Toán rời rạc	2	
2151	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	23ĐHTT03	010100084604	Toán rời rạc	2	
2152	2331540172	Nguyễn Duy	Đức	23ĐHTT04	010100084604	Toán rời rạc	2	
2153	2331540185	Nguyễn Minh	Phát	23ĐHTT04	010100084604	Toán rời rạc	2	
2154	2331540196	Vũ Văn	Đức	23ĐHTT04	010100084604	Toán rời rạc	2	
2155	2331540218	Vũ Huy	Hoàng	23ĐHTT04	010100084604	Toán rời rạc	2	
2156	2331540296	Lại Gia	Hào	23ĐHTT04	010100084604	Toán rời rạc	2	
2157	2331540238	Đỗ Nhật	Trường	23ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc	2	
2158	2331540297	Lại Gia	Kiệt	23ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc	2	
2159	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100084604	Toán rời rạc	2	
2160	2331540286	Cao Anh	Tuấn	23ĐHTT06	010100084604	Toán rời rạc	2	
2161	2331540358	Nguyễn Văn	Chính	23ĐHTT06	010100084604	Toán rời rạc	2	
2162	1751200045	Nguyễn Văn	Trung	17ĐHKT01	010100084606	Toán rời rạc	2	
2163	2254810005	Nguyễn Thùy Minh	Như	22ĐHTT01	010100084606	Toán rời rạc	2	
2164	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100084606	Toán rời rạc	2	
2165	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2166	2331540027	Võ Thiên	Phước	23ĐHTT01	010100084606	Toán rời rạc	2	
2167	2331540032	Đỗ Đăng Bảo	Nguyên	23ĐHTT01	010100084606	Toán rời rạc	2	
2168	2331540053	Nguyễn Huỳnh Đăng	Dương	23ĐHTT01	010100084606	Toán rời rạc	2	
2169	2331540107	Trương Như	Quỳnh	23ĐHTT02	010100084606	Toán rời rạc	2	
2170	2331540308	Trần Gia	Khang	23ĐHTT02	010100084606	Toán rời rạc	2	
2171	2331540114	Lê Phạm Ngọc	Bình	23ĐHTT03	010100084606	Toán rời rạc	2	
2172	2331540312	Bùi Khắc Minh	Tuyên	23ĐHTT03	010100084606	Toán rời rạc	2	
2173	2331540222	Lê	Duy	23ĐHTT04	010100084606	Toán rời rạc	2	
2174	2331540065	Nguyễn Thanh	Trí	23ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	
2175	2331540169	Huỳnh Nguyễn Công	Tú	23ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	
2176	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	
2177	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	23ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	
2178	2331540352	Lưu Xuân	Dũng	23ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	
2179	2331540355	Trần Quốc	An	23ĐHTT06	010100084606	Toán rời rạc	2	
2180	2254810069	Nguyễn Tiến	Đạt	22ĐHTT02	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2181	2331540040	Vũ Ngọc	Liên	23ĐHTT01	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2182	2331540049	Lê Anh	Duy	23ĐHTT01	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2183	2331540129	Hồ	Huy	23ĐHTT03	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2184	2331540151	Vũ Đức	Mạnh	23ĐHTT03	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2185	2331540158	Đoàn Thanh	Tuyền	23ĐHTT03	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2186	2331540167	Lê Văn	Đức	23ĐHTT03	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2187	2331540176	Lê Vũ Hải	Bằng	23ĐHTT04	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2188	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2189	2331540222	Lê	Duy	23ĐHTT04	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2190	2331540223	Nguyễn Trọng Ngọc	Son	23ĐHTT04	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2191	2331540235	Tô Nguyễn Thiên	Trường	23ĐHTT06	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2192	2331540358	Nguyễn Văn	Chính	23ĐHTT06	010100084801	Lập trình hướng đối tượng	3	
2193	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2194	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2195	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	23ĐHTT01	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2196	2331540037	Hà Anh	Khoa	23ĐHTT01	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2197	2331540043	Dương Minh	Huy	23ĐHTT01	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2198	2331540054	Trang Thảo	Phương	23ĐHTT01	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2199	2331540281	Võ Nguyễn Mạnh	Son	23ĐHTT01	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2200	2331540088	Lê Anh	Hào	23ĐHTT02	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2201	2331540092	Phan Quốc	Huy	23ĐHTT02	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2202	2331540112	Lê Trần Nhật	Tâm	23ĐHTT02	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2203	2331540305	Lê Quang	Huy	23ĐHTT02	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2204	2331540196	Vũ Văn	Đức	23ĐHTT04	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2205	2331540296	Lại Gia	Hào	23ĐHTT04	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2206	2331540242	Nguyễn Sinh	Cầu	23ĐHTT05	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2207	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2208	2331540262	Nguyễn Trọng	Trường	23ĐHTT05	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2209	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2210	2331540335	Dương Hoàng	Phát	23ĐHTT06	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2211	2331540345	Bùi Nguyễn Minh	Quân	23ĐHTT06	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2212	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	23ĐHTT06	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2213	2331540347	Lê Minh	Hy	23ĐHTT06	010100084802	Lập trình hướng đối tượng	3	
2214	2254810050	Nguyễn Hoàng	Ân	22ĐHTT01	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2215	2331540032	Đỗ Đăng Bảo	Nguyên	23ĐHTT01	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2216	2331540361	Hoàng Diệu	Linh	23ĐHTT01	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2217	2331540082	Hồ Hiếu	Thịnh	23ĐHTT02	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2218	2331540107	Trương Như	Quỳnh	23ĐHTT02	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2219	2331540287	Phan Nguyên	An	23ĐHTT02	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2220	2331540117	Đàm Quang	Huy	23ĐHTT03	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2221	2331540137	Lê Hùng	Anh	23ĐHTT03	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2222	2331540312	Bùi Khắc Minh	Tuyên	23ĐHTT03	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2223	2331540172	Nguyễn Duy	Đức	23ĐHTT04	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2224	2331540179	Nguyễn Ngọc Anh	Dương	23ĐHTT04	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2225	2331540201	Cao Văn	Quang	23ĐHTT04	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2226	2331540209	Lê Hoàng Thiện	Nhân	23ĐHTT04	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2227	2331540218	Vũ Huy	Hoàng	23ĐHTT04	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2228	2331540238	Đỗ Nhật	Trường	23ĐHTT05	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2229	2331540240	Hoàng Thị Mai	Lan	23ĐHTT05	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2230	2331540169	Huỳnh Nguyễn Công	Tú	23ĐHTT06	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2231	2331540352	Lưu Xuân	Dũng	23ĐHTT06	010100084803	Lập trình hướng đối tượng	3	
2232	2254810059	Hồ Đình	Huy	22ĐHTT02	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2233	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2234	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2235	2331540027	Vô Thiên	Phước	23ĐHTT01	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2236	2331540031	Chu Văn	Mùa	23ĐHTT01	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2237	2331540053	Nguyễn Huỳnh Đăng	Dương	23ĐHTT01	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2238	2331540363	Dương Đức	Dương	23ĐHTT02	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2239	2331540142	Trần Thế	Phúc	23ĐHTT03	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2240	2331540311	Trần Lê HạNh	PhúC	23ĐHTT03	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2241	2331540185	Nguyễn Minh	Phát	23ĐHTT04	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2242	2331540198	Trần Ngọc Anh	Tú	23ĐHTT06	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2243	2331540333	Đặng Hải	Khuong	23ĐHTT06	010100084804	Lập trình hướng đối tượng	3	
2244	2254810029	Lê Quang	Duy	22ĐHTT01	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2245	2254810319	Nguyễn Khánh	Hoàng	22ĐHTT03	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2246	2331540004	Nguyễn Minh	Sang	23ĐHTT01	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2247	2331540007	Phạm Nguyễn Phước	Trình	23ĐHTT01	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2248	2331540084	Đoàn Ngọc Minh	Châu	23ĐHTT02	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2249	2331540308	Trần Gia	Khang	23ĐHTT02	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2250	2331540145	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23ĐHTT03	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2251	2331540150	Vũ Nguyên	Long	23ĐHTT03	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2252	2331540292	Nguyễn Hoàng Anh	Tuân	23ĐHTT03	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2253	2331540182	Nguyễn Trung	Kiên	23ĐHTT04	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2254	2331540213	Phạm Đăng	Khiêm	23ĐHTT04	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2255	2331540279	Đào Đức	Anh	23ĐHTT05	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2256	2331540297	Lại Gia	Kiệt	23ĐHTT05	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2257	2331540302	Lê Trọng Tấn	Phát	23ĐHTT05	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2258	2331540065	Nguyễn Thanh	Trí	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2259	2331540286	Cao Anh	Tuân	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2260	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2261	2331540328	Đỗ Duy	Tài	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2262	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2263	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2264	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2265	2331540355	Trần Quốc	An	23ĐHTT06	010100084806	Lập trình hướng đối tượng	3	
2266	2154810005	Nguyễn Gia	Hy	21ĐHTT01	010100085301	Lập trình Windows	3	
2267	2154810026	Nguyễn Duy	Chinh	21ĐHTT01	010100085301	Lập trình Windows	3	
2268	2154810049	Vũ Thị Thuỳ	Linh	21ĐHTT01	010100085301	Lập trình Windows	3	
2269	2254810049	Hoàng Phạm Bá	Lộc	22ĐHTT01	010100085301	Lập trình Windows	3	
2270	2254810112	Nguyễn Lê	Hiền	22ĐHTT03	010100085301	Lập trình Windows	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2271	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100085301	Lập trình Windows	3	
2272	2254810119	Trần Minh	Tâm	22ĐHTT03	010100085301	Lập trình Windows	3	
2273	2254810120	Phạm Quốc	Dũng	22ĐHTT03	010100085301	Lập trình Windows	3	
2274	2254810149	Nguyễn Tiến	Minh	22ĐHTT03	010100085301	Lập trình Windows	3	
2275	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100085301	Lập trình Windows	3	
2276	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100085301	Lập trình Windows	3	
2277	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100085301	Lập trình Windows	3	
2278	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	010100085301	Lập trình Windows	3	
2279	2254810036	Phạm Tấn	Khiêm	22ĐHTT01	010100085302	Lập trình Windows	3	
2280	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100085302	Lập trình Windows	3	
2281	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100085302	Lập trình Windows	3	
2282	2254810091	Nguyễn Ngọc Long	Quân	22ĐHTT02	010100085302	Lập trình Windows	3	
2283	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	22ĐHTT02	010100085302	Lập trình Windows	3	
2284	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	010100085302	Lập trình Windows	3	
2285	2254810105	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22ĐHTT03	010100085302	Lập trình Windows	3	
2286	2254810141	Trịnh Huy	Hoàng	22ĐHTT03	010100085302	Lập trình Windows	3	
2287	2254810144	Nguyễn Huỳnh Minh	Thái	22ĐHTT03	010100085302	Lập trình Windows	3	
2288	2254810237	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTT05	010100085302	Lập trình Windows	3	
2289	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	010100085302	Lập trình Windows	3	
2290	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100085302	Lập trình Windows	3	
2291	2254810294	Dương Quốc	Anh	22ĐHTT06	010100085302	Lập trình Windows	3	
2292	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100085303	Lập trình Windows	3	
2293	2254810029	Lê Quang	Duy	22ĐHTT01	010100085303	Lập trình Windows	3	
2294	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100085303	Lập trình Windows	3	
2295	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100085303	Lập trình Windows	3	
2296	2254810050	Nguyễn Hoàng	Ân	22ĐHTT01	010100085303	Lập trình Windows	3	
2297	2254810061	Trịnh Thanh	Minh	22ĐHTT02	010100085303	Lập trình Windows	3	
2298	2254810063	Lê Minh	Đăng	22ĐHTT02	010100085303	Lập trình Windows	3	
2299	2254810075	Phạm Duy	Lưu	22ĐHTT02	010100085303	Lập trình Windows	3	
2300	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100085303	Lập trình Windows	3	
2301	2254810101	Phạm Trọng	Toàn	22ĐHTT02	010100085303	Lập trình Windows	3	
2302	2254810148	Trần Đức	Mạnh	22ĐHTT03	010100085303	Lập trình Windows	3	
2303	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	22ĐHTT03	010100085303	Lập trình Windows	3	
2304	2254810319	Nguyễn Khánh	Hoàng	22ĐHTT03	010100085303	Lập trình Windows	3	
2305	2254810189	Phạm Hiếu	Đồng	22ĐHTT04	010100085303	Lập trình Windows	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2306	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100085303	Lập trình Windows	3	
2307	2254810223	Phan Văn	Trường	22ĐHTT05	010100085303	Lập trình Windows	3	
2308	2254810272	Nguyễn Hải	Đăng	22ĐHTT06	010100085303	Lập trình Windows	3	
2309	2154810092	Võ Hoàng	Danh	21ĐHTT02	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2310	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2311	2254810049	Hoàng Phạm Bá	Lộc	22ĐHTT01	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2312	2254810050	Nguyễn Hoàng	Ân	22ĐHTT01	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2313	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2314	2254810101	Phạm Trọng	Toàn	22ĐHTT02	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2315	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2316	2254810119	Trần Minh	Tâm	22ĐHTT03	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2317	2254810122	Phạm Dương	Hưng	22ĐHTT03	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2318	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2319	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2320	2254810223	Phan Văn	Trường	22ĐHTT05	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2321	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2322	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2323	2254810267	Nguyễn Duy	Trường	22ĐHTT06	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2324	2254810272	Nguyễn Hải	Đăng	22ĐHTT06	010100085501	Lập trình thiết bị di động	3	
2325	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2326	2254810080	Hàn Nhật	Minh	22ĐHTT02	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2327	2254810141	Trịnh Huy	Hoàng	22ĐHTT03	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2328	2254810149	Nguyễn Tiến	Minh	22ĐHTT03	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2329	2254810172	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHTT04	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2330	2254810175	Vũ Thành	Đạt	22ĐHTT04	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2331	2254810204	Nguyễn Ngọc	Thiên	22ĐHTT04	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2332	2254810322	Hạ Ngọc	Mai	22ĐHTT04	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2333	2254810222	Nguyễn Lương	Trí	22ĐHTT05	010100085502	Lập trình thiết bị di động	3	
2334	2254810063	Lê Minh	Đăng	22ĐHTT02	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2335	2254810069	Nguyễn Tiến	Đạt	22ĐHTT02	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2336	2254810075	Phạm Duy	Lưu	22ĐHTT02	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2337	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2338	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2339	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	22ĐHTT02	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2340	2254810126	Bùi Quốc	Thắng	22ĐHTT03	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2341	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2342	2254810148	Trần Đức	Mạnh	22ĐHTT03	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2343	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	22ĐHTT03	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2344	2254810153	Phạm Thị Bích	Châu	22ĐHTT04	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2345	2254810189	Phạm Hiếu	Đồng	22ĐHTT04	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2346	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100085503	Lập trình thiết bị di động	3	
2347	2254810005	Nguyễn Thùy Minh	Như	22ĐHTT01	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2348	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2349	2254810059	Hồ Đình	Huy	22ĐHTT02	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2350	2254810091	Nguyễn Ngọc Long	Quân	22ĐHTT02	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2351	2254810096	Thạch Gia	Hùng	22ĐHTT02	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2352	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2353	2254810105	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22ĐHTT03	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2354	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hung	22ĐHTT03	010100085504	Lập trình thiết bị di động	3	
2355	2154810017	Nguyễn Hữu	Bằng	21ĐHTT01	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2356	2254810019	Trang Đại	Gia	22ĐHTT01	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2357	2254810036	Phạm Tấn	Khiêm	22ĐHTT01	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2358	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2359	2254810310	Nguyễn Phan Khôi	Vĩ	22ĐHTT01	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2360	2254810061	Trịnh Thanh	Minh	22ĐHTT02	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2361	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2362	2254810144	Nguyễn Huỳnh Minh	Thái	22ĐHTT03	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2363	2254810319	Nguyễn Khánh	Hoàng	22ĐHTT03	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2364	2254810165	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22ĐHTT04	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2365	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2366	2254810219	Phan Nguyễn Huỳnh	Đức	22ĐHTT05	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2367	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2368	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2369	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100085505	Lập trình thiết bị di động	3	
2370	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2371	2254810049	Hoàng Phạm Bá	Lộc	22ĐHTT01	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2372	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2373	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2374	2254810080	Hàn Nhật	Minh	22ĐHTT02	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2375	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2376	2254810122	Phạm Dương	Hưng	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2377	2254810126	Bùi Quốc	Thắng	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2378	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hưng	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2379	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2380	2254810148	Trần Đức	Mạnh	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2381	2254810149	Nguyễn Tiến	Minh	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2382	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	22ĐHTT03	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2383	2254810172	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHTT04	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2384	2254810222	Nguyễn Lương	Trí	22ĐHTT05	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2385	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100085801	Trí tuệ nhân tạo	3	
2386	2254810063	Lê Minh	Đăng	22ĐHTT02	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2387	2254810069	Nguyễn Tiến	Đạt	22ĐHTT02	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2388	2254810075	Phạm Duy	Lưu	22ĐHTT02	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2389	2254810105	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22ĐHTT03	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2390	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2391	2254810153	Phạm Thị Bích	Châu	22ĐHTT04	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2392	2254810189	Phạm Hiếu	Đồng	22ĐHTT04	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2393	2254810204	Nguyễn Ngọc	Thiên	22ĐHTT04	010100085802	Trí tuệ nhân tạo	3	
2394	2254810019	Trang Đại	Gia	22ĐHTT01	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2395	2254810036	Phạm Tấn	Khiêm	22ĐHTT01	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2396	2254810310	Nguyễn Phan Khôi	Vĩ	22ĐHTT01	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2397	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2398	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2399	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	22ĐHTT02	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2400	2254810112	Nguyễn Lê	Hiền	22ĐHTT03	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2401	2254810120	Phạm Quốc	Dũng	22ĐHTT03	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2402	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2403	2254810144	Nguyễn Huỳnh Minh	Thái	22ĐHTT03	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2404	2254810145	Phạm Hồng	Đức	22ĐHTT03	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2405	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2406	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2407	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2408	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2409	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100085803	Trí tuệ nhân tạo	3	
2410	2154810005	Nguyễn Gia	Hy	21ĐHTT01	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2411	2154810017	Nguyễn Hữu	Bằng	21ĐHTT01	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2412	2154810054	Nguyễn Đức	Thắng	21ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2413	2254810059	Hồ Đình	Huy	22ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2414	2254810091	Nguyễn Ngọc Long	Quân	22ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2415	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2416	2254810096	Thạch Gia	Hùng	22ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2417	2254810101	Phạm Trọng	Toàn	22ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2418	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2419	2254810141	Trịnh Huy	Hoàng	22ĐHTT03	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2420	2254810165	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22ĐHTT04	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2421	2254810175	Vũ Thành	Đạt	22ĐHTT04	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2422	2254810322	Hạ Ngọc	Mai	22ĐHTT04	010100085804	Trí tuệ nhân tạo	3	
2423	2254810005	Nguyễn Thùy Minh	Như	22ĐHTT01	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2424	2254810022	Phan Đăng	Dũng	22ĐHTT01	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2425	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2426	2254810050	Nguyễn Hoàng	Ân	22ĐHTT01	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2427	2254810061	Trịnh Thanh	Minh	22ĐHTT02	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2428	2254810119	Trần Minh	Tâm	22ĐHTT03	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2429	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2430	2254810219	Phan Nguyễn Huỳnh	Đức	22ĐHTT05	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2431	2254810223	Phan Văn	Trường	22ĐHTT05	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2432	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2433	2254810267	Nguyễn Duy	Trường	22ĐHTT06	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2434	2254810272	Nguyễn Hải	Đăng	22ĐHTT06	010100085805	Trí tuệ nhân tạo	3	
2435	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2436	2254810112	Nguyễn Lê	Hiền	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2437	2254810122	Phạm Dương	Hưng	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2438	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hưng	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2439	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2440	2254810149	Nguyễn Tiến	Minh	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2441	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	22ĐHTT03	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2442	2254810153	Phạm Thị Bích	Châu	22ĐHTT04	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2443	2254810204	Nguyễn Ngọc	Thiên	22ĐHTT04	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2444	2254810219	Phan Nguyễn Huỳnh	Đức	22ĐHTT05	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	
2445	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	010100086101	Quản trị dự án CNTT	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2446	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2447	2254810022	Phan Đăng	Dũng	22ĐHTT01	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2448	2254810091	Nguyễn Ngọc Long	Quân	22ĐHTT02	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2449	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	22ĐHTT02	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2450	2254810096	Thạch Gia	Hùng	22ĐHTT02	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2451	2254810101	Phạm Trọng	Toàn	22ĐHTT02	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2452	2254810141	Trịnh Huy	Hoàng	22ĐHTT03	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2453	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2454	2254810172	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHTT04	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2455	2254810175	Vũ Thành	Đạt	22ĐHTT04	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2456	2254810322	Hạ Ngọc	Mai	22ĐHTT04	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2457	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100086102	Quản trị dự án CNTT	3	
2458	2254810005	Nguyễn Thùy Minh	Như	22ĐHTT01	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2459	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2460	2254810069	Nguyễn Tiến	Đạt	22ĐHTT02	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2461	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2462	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2463	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2464	2254810105	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22ĐHTT03	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2465	2254810126	Bùi Quốc	Thắng	22ĐHTT03	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2466	2254810189	Phạm Hiếu	Đồng	22ĐHTT04	010100086103	Quản trị dự án CNTT	3	
2467	2254810019	Trang Đại	Gia	22ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2468	2254810036	Phạm Tấn	Khiêm	22ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2469	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2470	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2471	2254810310	Nguyễn Phan Khôi	Vĩ	22ĐHTT01	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2472	2254810059	Hồ Đình	Huy	22ĐHTT02	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2473	2254810080	Hàn Nhật	Minh	22ĐHTT02	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2474	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2475	2254810165	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22ĐHTT04	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2476	2254810222	Nguyễn Lương	Trí	22ĐHTT05	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2477	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100086104	Quản trị dự án CNTT	3	
2478	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2479	2254810049	Hoàng Phạm Bá	Lộc	22ĐHTT01	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2480	2254810050	Nguyễn Hoàng	Ân	22ĐHTT01	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2481	2254810063	Lê Minh	Đăng	22ĐHTT02	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2482	2254810075	Phạm Duy	Lưu	22ĐHTT02	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2483	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2484	2254810119	Trần Minh	Tâm	22ĐHTT03	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2485	2254810144	Nguyễn Huỳnh Minh	Thái	22ĐHTT03	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2486	2254810148	Trần Đức	Mạnh	22ĐHTT03	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2487	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2488	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2489	2254810223	Phan Văn	Trường	22ĐHTT05	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2490	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2491	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2492	2254810267	Nguyễn Duy	Trường	22ĐHTT06	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2493	2254810272	Nguyễn Hải	Đăng	22ĐHTT06	010100086105	Quản trị dự án CNTT	3	
2494	2154810005	Nguyễn Gia	Hy	21ĐHTT01	010100086501	Lập trình Game	3	
2495	2154810026	Nguyễn Duy	Chinh	21ĐHTT01	010100086501	Lập trình Game	3	
2496	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100086501	Lập trình Game	3	
2497	2154810049	Vũ Thị Thuỳ	Linh	21ĐHTT01	010100086501	Lập trình Game	3	
2498	2154810082	Nguyễn Duy	Nhất	21ĐHTT02	010100086501	Lập trình Game	3	
2499	2154810115	Lê Minh	Trí	21ĐHTT02	010100086501	Lập trình Game	3	
2500	2254810022	Phan Đăng	Dũng	22ĐHTT01	010100086501	Lập trình Game	3	
2501	2254810092	Phạm Ngọc	Nhi	22ĐHTT02	010100086501	Lập trình Game	3	
2502	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hưng	22ĐHTT03	010100086501	Lập trình Game	3	
2503	2254810148	Trần Đức	Mạnh	22ĐHTT03	010100086501	Lập trình Game	3	
2504	2254810317	Nguyễn Khả	Lực	22ĐHTT03	010100086501	Lập trình Game	3	
2505	2254810204	Nguyễn Ngọc	Thiên	22ĐHTT04	010100086501	Lập trình Game	3	
2506	2254810005	Nguyễn Thùy Minh	Như	22ĐHTT01	010100086502	Lập trình Game	3	
2507	2254810019	Trang Đại	Gia	22ĐHTT01	010100086502	Lập trình Game	3	
2508	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100086502	Lập trình Game	3	
2509	2254810310	Nguyễn Phan Khôi	Vĩ	22ĐHTT01	010100086502	Lập trình Game	3	
2510	2254810085	Thái Xuân	Hoàng	22ĐHTT02	010100086502	Lập trình Game	3	
2511	2254810105	Huỳnh Thị Thu	Thảo	22ĐHTT03	010100086502	Lập trình Game	3	
2512	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	010100086502	Lập trình Game	3	
2513	2254810119	Trần Minh	Tâm	22ĐHTT03	010100086502	Lập trình Game	3	
2514	2254810122	Phạm Dương	Hưng	22ĐHTT03	010100086502	Lập trình Game	3	
2515	2254810126	Bùi Quốc	Thắng	22ĐHTT03	010100086502	Lập trình Game	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2516	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100086502	Lập trình Game	3	
2517	2254810165	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22ĐHTT04	010100086502	Lập trình Game	3	
2518	2254810294	Dương Quốc	Anh	22ĐHTT06	010100086502	Lập trình Game	3	
2519	2254810036	Phạm Tấn	Khiêm	22ĐHTT01	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2520	2254810046	Võ Như Hoàng	Huy	22ĐHTT01	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2521	2254810080	Hàn Nhật	Minh	22ĐHTT02	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2522	2254810165	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22ĐHTT04	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2523	2254810172	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHTT04	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2524	2254810175	Vũ Thành	Đạt	22ĐHTT04	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2525	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	010100086601	Kiểm chứng phần mềm	3	
2526	2254810019	Trang Đại	Gia	22ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2527	2254810310	Nguyễn Phan Khôi	Vĩ	22ĐHTT01	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2528	2254810101	Phạm Trọng	Toàn	22ĐHTT02	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2529	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2530	2254810144	Nguyễn Huỳnh Minh	Thái	22ĐHTT03	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2531	2254810153	Phạm Thị Bích	Châu	22ĐHTT04	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2532	2254810204	Nguyễn Ngọc	Thiên	22ĐHTT04	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2533	2254810222	Nguyễn Lương	Trí	22ĐHTT05	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2534	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2535	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100086602	Kiểm chứng phần mềm	3	
2536	2154810001	Nguyễn Phạm Khánh	Chi	21ĐHTT01	010100087001	Internet vạn vật (IoT)	3	
2537	2154810008	Đàm Mạnh	Lưu	21ĐHTT01	010100087001	Internet vạn vật (IoT)	3	
2538	2154810019	Nguyễn Nhật	Hoàng	21ĐHTT01	010100087001	Internet vạn vật (IoT)	3	
2539	2154810020	Nguyễn Dương	Băng	21ĐHTT01	010100087001	Internet vạn vật (IoT)	3	
2540	2154810054	Nguyễn Đức	Thắng	21ĐHTT02	010100087001	Internet vạn vật (IoT)	3	
2541	2154810080	Nguyễn Văn	Quý	21ĐHTT02	010100087001	Internet vạn vật (IoT)	3	
2542	2154810026	Nguyễn Duy	Chinh	21ĐHTT01	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2543	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2544	2154810042	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	21ĐHTT01	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2545	2154810043	Trần Thanh	Nhã	21ĐHTT01	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2546	2154810047	Trần Hữu	Thức	21ĐHTT01	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2547	2154810049	Vũ Thị Thuý	Linh	21ĐHTT01	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2548	2154810082	Nguyễn Duy	Nhất	21ĐHTT02	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2549	2154810111	Quách Phong	Thạnh	21ĐHTT02	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	
2550	2154810115	Lê Minh	Trí	21ĐHTT02	010100087002	Internet vạn vật (IoT)	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2551	2154810001	Nguyễn Phạm Khánh	Chi	21ĐHTT01	010100087401	Dữ liệu lớn	3	
2552	2154810008	Đàm Mạnh	Lưu	21ĐHTT01	010100087401	Dữ liệu lớn	3	
2553	2154810019	Nguyễn Nhật	Hoàng	21ĐHTT01	010100087401	Dữ liệu lớn	3	
2554	2154810020	Nguyễn Dương	Băng	21ĐHTT01	010100087401	Dữ liệu lớn	3	
2555	2154810054	Nguyễn Đức	Thắng	21ĐHTT02	010100087401	Dữ liệu lớn	3	
2556	2154810080	Nguyễn Văn	Quý	21ĐHTT02	010100087401	Dữ liệu lớn	3	
2557	2154810026	Nguyễn Duy	Chinh	21ĐHTT01	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2558	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2559	2154810042	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	21ĐHTT01	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2560	2154810043	Trần Thanh	Nhã	21ĐHTT01	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2561	2154810047	Trần Hữu	Thức	21ĐHTT01	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2562	2154810049	Vũ Thị Thuỳ	Linh	21ĐHTT01	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2563	2154810082	Nguyễn Duy	Nhất	21ĐHTT02	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2564	2154810115	Lê Minh	Trí	21ĐHTT02	010100087402	Dữ liệu lớn	3	
2565	2154810026	Nguyễn Duy	Chinh	21ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2566	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2567	2254810022	Phan Đăng	Dũng	22ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2568	2254810029	Lê Quang	Duy	22ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2569	2254810049	Hoàng Phạm Bá	Lộc	22ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2570	2254810050	Nguyễn Hoàng	Ân	22ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2571	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2572	2254810079	Võ Quốc	Huy	22ĐHTT02	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2573	2254810115	Nguyễn Phạm Duy	Anh	22ĐHTT03	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2574	2254810126	Bùi Quốc	Thắng	22ĐHTT03	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2575	2254810133	Nguyễn Hồng Tuấn	Hưng	22ĐHTT03	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2576	2254810189	Phạm Hiếu	Đồng	22ĐHTT04	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2577	2254810219	Phan Nguyễn Huỳnh	Đức	22ĐHTT05	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2578	2254810234	Mã Đào	Thắng	22ĐHTT05	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2579	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2580	2254810267	Nguyễn Duy	Trường	22ĐHTT06	010100087501	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2581	2254810043	Đặng Đình Long	An	22ĐHTT01	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2582	2254810061	Trịnh Thanh	Minh	22ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2583	2254810069	Nguyễn Tiến	Đạt	22ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2584	2254810093	Lê Trâm	Anh	22ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2585	2254810096	Thạch Gia	Hùng	22ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2586	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2587	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2588	2254810122	Phạm Dương	Hung	22ĐHTT03	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2589	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2590	2254810208	Lê Trọng Nghĩa	Hùng	22ĐHTT05	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2591	2254810210	Nguyễn Văn Quốc	Anh	22ĐHTT05	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2592	2254810240	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22ĐHTT05	010100087502	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2593	2254810309	Nguyễn Minh	Tú	22ĐHTT01	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2594	2254810059	Hồ Đình	Huy	22ĐHTT02	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2595	2254810063	Lê Minh	Đăng	22ĐHTT02	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2596	2254810075	Phạm Duy	Lưu	22ĐHTT02	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2597	2254810080	Hàn Nhật	Minh	22ĐHTT02	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2598	2254810091	Nguyễn Ngọc Long	Quân	22ĐHTT02	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2599	2254810312	Đặng Thị Khánh	Linh	22ĐHTT02	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2600	2254810112	Nguyễn Lê	Hiền	22ĐHTT03	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2601	2254810141	Trịnh Huy	Hoàng	22ĐHTT03	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2602	2254810143	Đoàn Thị Bích	Tuyền	22ĐHTT03	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2603	2254810149	Nguyễn Tiến	Minh	22ĐHTT03	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2604	2254810153	Phạm Thị Bích	Châu	22ĐHTT04	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2605	2254810172	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHTT04	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2606	2254810175	Vũ Thành	Đạt	22ĐHTT04	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2607	2254810222	Nguyễn Lương	Trí	22ĐHTT05	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2608	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	010100087503	An toàn và bảo mật thông tin	3	
2609	2154810001	Nguyễn Phạm Khánh	Chi	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2610	2154810008	Đàm Mạnh	Lưu	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2611	2154810019	Nguyễn Nhật	Hoàng	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2612	2154810020	Nguyễn Dương	Băng	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2613	2154810027	Nguyễn Diễm Trí	Minh	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2614	2154810035	Trần Thành	Phát	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2615	2154810041	Nguyễn Thiên	Ân	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2616	2154810042	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2617	2154810043	Trần Thanh	Nhã	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2618	2154810047	Trần Hữu	Thức	21ĐHTT01	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2619	2154810054	Nguyễn Đức	Thắng	21ĐHTT02	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2620	2154810069	Huỳnh	Ân	21ĐHTT02	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2621	2154810080	Nguyễn Văn	Quý	21ĐHTT02	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2622	2154810082	Nguyễn Duy	Nhất	21ĐHTT02	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2623	2154810096	Ngô Văn	Minh	21ĐHTT02	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2624	2154810115	Lê Minh	Trí	21ĐHTT02	010100087801	Thực tập tốt nghiệp	4	
2625	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100092401	Nghe - Nói 3	3	
2626	2331720405	Trần Hồng	Hân	23ĐHNA03	010100092401	Nghe - Nói 3	3	
2627	2331720285	Lê Nguyễn Hiền	Vy	23ĐHNA06	010100092401	Nghe - Nói 3	3	
2628	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	23ĐHNA06	010100092401	Nghe - Nói 3	3	
2629	2331720396	Trương Thị Hồng	Hạnh	23ĐHNA01	010100092402	Nghe - Nói 3	3	
2630	2331720084	Phạm Mai	Hân	23ĐHNA02	010100092402	Nghe - Nói 3	3	
2631	2331720210	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA04	010100092402	Nghe - Nói 3	3	
2632	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100092402	Nghe - Nói 3	3	
2633	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100092402	Nghe - Nói 3	3	
2634	2331720225	Bùi Thiên	Tài	23ĐHNA05	010100092402	Nghe - Nói 3	3	
2635	2331720115	Lê Phương	Nguyên	23ĐHNA03	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2636	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2637	2331720404	Võ Thị Thanh	Hằng	23ĐHNA03	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2638	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2639	2331720234	Hồ Trần Anh	Quân	23ĐHNA05	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2640	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2641	2331720411	Hoàng Kim Mỹ	Thạch	23ĐHNA05	010100092403	Nghe - Nói 3	3	
2642	2331720011	Nguyễn Thị Mai	Thúy	23ĐHNA01	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2643	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2644	2331720080	Trần Thị Lan	Anh	23ĐHNA02	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2645	2331720123	Cao Thị Hồng	Nhung	23ĐHNA03	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2646	2331720465	Hà Dương Ngọc	Minh	23ĐHNA05	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2647	2331720294	Lê Thị Tuyết	San	23ĐHNA06	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2648	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2649	2331720345	Văn Bảo	Trân	23ĐHNA07	010100092404	Nghe - Nói 3	3	
2650	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2651	2331720229	Lê Thị Anh	Thư	23ĐHNA05	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2652	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	23ĐHNA05	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2653	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	23ĐHNA05	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2654	2331720241	Võ Ngọc	Tú	23ĐHNA05	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2655	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	23ĐHNA05	010100092405	Nghe - Nói 3	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2656	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23ĐHNA05	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2657	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2658	2331720307	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHNA06	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2659	2331720356	Lê Thị Phương	Trình	23ĐHNA07	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2660	2331720383	Lê Nhó	Hoài	23ĐHNA07	010100092405	Nghe - Nói 3	3	
2661	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2662	2331720009	Nguyễn Kim	Ngân	23ĐHNA01	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2663	2331720030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	23ĐHNA01	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2664	2331720395	Trần Vũ Yến	Nhi	23ĐHNA01	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2665	2331720077	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	23ĐHNA02	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2666	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	23ĐHNA02	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2667	2331720430	Đào Thiên	Mỹ	23ĐHNA02	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2668	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	23ĐHNA04	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2669	2331720192	Vũ Thúy Uyển	Nhi	23ĐHNA04	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2670	2331720246	Nguyễn Bảo	Khang	23ĐHNA05	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2671	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2672	2331720287	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	23ĐHNA06	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2673	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2674	2331720376	Nguyễn Trần Minh	Anh	23ĐHNA07	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2675	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	23ĐHNA07	010100092406	Nghe - Nói 3	3	
2676	2331720074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23ĐHNA02	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2677	2331720089	Phạm Nguyễn Ngọc	Nhi	23ĐHNA02	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2678	2331720103	Hoàng Nguyễn Nhật	Quỳnh	23ĐHNA02	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2679	2331720132	Nguyễn Minh	Hưng	23ĐHNA03	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2680	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2681	2331720223	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	23ĐHNA05	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2682	2331720249	Nguyễn Lý Thanh	Tiền	23ĐHNA05	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2683	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2684	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2685	2331720302	Đặng Trần Gia	Hân	23ĐHNA06	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2686	2331720319	Lê Nguyễn Thị Hương	Giang	23ĐHNA06	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2687	2331720334	Phạm Lê Minh	Thư	23ĐHNA06	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2688	2331720392	Bành Quốc	Hưng	23ĐHNA06	010100092408	Nghe - Nói 3	3	
2689	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2690	2331720397	Lê Thị	Phương	23ĐHNA01	010100092409	Nghe - Nói 3	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2691	2331720068	Phan Bảo	Duy	23ĐHNA02	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2692	2331720070	Vưu Thư	Huệ	23ĐHNA02	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2693	2331720085	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHNA02	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2694	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2695	2331720112	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	23ĐHNA03	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2696	2331720141	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	23ĐHNA03	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2697	2331720408	Nguyễn Phương Thanh	Vy	23ĐHNA04	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2698	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2699	2331720228	Võ Hoàng	Oanh	23ĐHNA05	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2700	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	23ĐHNA07	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2701	2331720353	Phạm Duy	Tiến	23ĐHNA07	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2702	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2703	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100092409	Nghe - Nói 3	3	
2704	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2705	2331720031	Nguyễn Thành	Nhân	23ĐHNA01	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2706	2331720423	Nguyễn Nam	Anh	23ĐHNA01	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2707	2331720458	Trần Đức	Hỷ	23ĐHNA01	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2708	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2709	2331720262	Lê Bảo	Châu	23ĐHNA02	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2710	2331720470	Nguyễn Trần	Tiến	23ĐHNA02	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2711	2331720172	Nguyễn Thị Hồng	Lan	23ĐHNA04	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2712	2331720175	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Quỳnh	23ĐHNA04	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2713	2331720206	Trịnh Phúc	Lộc	23ĐHNA04	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2714	2331720442	Nguyễn Phúc Bảo	Trần	23ĐHNA04	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2715	2331720313	Huỳnh Trung	Nghĩa	23ĐHNA06	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2716	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	23ĐHNA07	010100092410	Nghe - Nói 3	3	
2717	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100092701	Nghe - Nói 6	3	
2718	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100092701	Nghe - Nói 6	3	
2719	2252210142	Nguyễn Quỳnh Nhật	Hạ	22ĐHNATM2	010100092701	Nghe - Nói 6	3	
2720	2152210092	Hoàng Trần Anh	Như	21ĐHNAHK	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2721	2252210049	Trần Thị	Thanh	22ĐHNADL	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2722	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2723	2252210017	Trương Tuyết	Linh	22ĐHNAHK	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2724	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2725	2252210064	Lâm Gia	Hân	22ĐHNATM1	010100092702	Nghe - Nói 6	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2726	2252210074	Võ Huỳnh	Anh	22ĐHNATM1	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2727	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2728	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2729	2252210114	Lê Nguyễn	Tuân	22ĐHNATM2	010100092702	Nghe - Nói 6	3	
2730	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	22ĐHNADL	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2731	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	22ĐHNADL	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2732	2252210121	Nguyễn Tiểu	Phụng	22ĐHNADL	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2733	2252210024	Phan Lê Văn	Anh	22ĐHNAHK	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2734	2252210025	Trần Thanh	Lam	22ĐHNAHK	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2735	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2736	2252210046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22ĐHNATM1	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2737	2252210065	Trần Thị Thu	Thảo	22ĐHNATM2	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2738	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2739	2252210096	Mai Phan Quỳnh	Thư	22ĐHNATM2	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2740	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	22ĐHNATM2	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2741	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2742	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100092703	Nghe - Nói 6	3	
2743	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100092704	Nghe - Nói 6	3	
2744	2252210008	Phan Thị Thanh	Thảo	22ĐHNATM1	010100092704	Nghe - Nói 6	3	
2745	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	22ĐHNATM1	010100092704	Nghe - Nói 6	3	
2746	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100092704	Nghe - Nói 6	3	
2747	2252210062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100092704	Nghe - Nói 6	3	
2748	2252210102	Nguyễn Phương	Vy	22ĐHNATM2	010100092704	Nghe - Nói 6	3	
2749	2331720458	Trần Đức	Hỷ	23ĐHNA01	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2750	2331720080	Trần Thị Lan	Anh	23ĐHNA02	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2751	2331720430	Đào Thiên	Mỹ	23ĐHNA02	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2752	2331720123	Cao Thị Hồng	Nhung	23ĐHNA03	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2753	2331720192	Vũ Thúy Uyên	Nhi	23ĐHNA04	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2754	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2755	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2756	2331720383	Lê Nhớ	Hoài	23ĐHNA07	010100092901	Đọc - Viết 3	3	
2757	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2758	2331720396	Trương Thị Hồng	Hạnh	23ĐHNA01	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2759	2331720085	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHNA02	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2760	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100092902	Đọc - Viết 3	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2761	2331720262	Lê Bảo	Châu	23ĐHNA02	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2762	2331720470	Nguyễn Trần	Tiến	23ĐHNA02	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2763	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2764	2331720285	Lê Nguyễn Hiền	Vy	23ĐHNA06	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2765	2331720287	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	23ĐHNA06	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2766	2331720318	Võ Thụy Phương	Trang	23ĐHNA06	010100092902	Đọc - Viết 3	3	
2767	2331720112	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	23ĐHNA03	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2768	2331720132	Nguyễn Minh	Hưng	23ĐHNA03	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2769	2331720141	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	23ĐHNA03	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2770	2331720153	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA03	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2771	2331720172	Nguyễn Thị Hồng	Lan	23ĐHNA04	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2772	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	23ĐHNA04	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2773	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2774	2331720234	Hồ Trần Anh	Quân	23ĐHNA05	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2775	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2776	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23ĐHNA05	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2777	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2778	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2779	2331720389	Trần Anh	Kỳ	23ĐHNA07	010100092903	Đọc - Viết 3	3	
2780	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100092904	Đọc - Viết 3	3	
2781	2331720405	Trần Hồng	Hân	23ĐHNA03	010100092904	Đọc - Viết 3	3	
2782	2331720225	Bùi Thiên	Tài	23ĐHNA05	010100092904	Đọc - Viết 3	3	
2783	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100092904	Đọc - Viết 3	3	
2784	2331720353	Phạm Duy	Tiến	23ĐHNA07	010100092904	Đọc - Viết 3	3	
2785	2331720356	Lê Thị Phương	Trình	23ĐHNA07	010100092904	Đọc - Viết 3	3	
2786	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2787	2331720395	Trần Vũ Yên	Nhi	23ĐHNA01	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2788	2331720423	Nguyễn Nam	Anh	23ĐHNA01	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2789	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2790	2331720464	Lê Thị Hoài	Yên	23ĐHNA04	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2791	2331720241	Võ Ngọc	Tú	23ĐHNA05	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2792	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	23ĐHNA05	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2793	2331720274	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23ĐHNA05	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2794	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2795	2331720345	Văn Bảo	Trân	23ĐHNA07	010100092905	Đọc - Viết 3	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2796	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	23ĐHNA07	010100092905	Đọc - Viết 3	3	
2797	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2798	2331720068	Phan Bảo	Duy	23ĐHNA02	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2799	2331720175	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Quỳnh	23ĐHNA04	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2800	2331720177	Võ Kim Trúc	Huỳnh	23ĐHNA04	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2801	2331720219	Phạm Thị Trúc	Linh	23ĐHNA04	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2802	2331720442	Nguyễn Phúc Bảo	Trân	23ĐHNA04	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2803	2331720223	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	23ĐHNA05	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2804	2331720416	Lê Thị Yển	Nhi	23ĐHNA06	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2805	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	23ĐHNA06	010100092906	Đọc - Viết 3	3	
2806	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2807	2252210137	Phan Thị Hồng	Nhung	22ĐHNADL	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2808	2252210115	Nguyễn Phương	Thảo	22ĐHNAHK	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2809	2252210135	Trần Thị Mai	Phương	22ĐHNAHK	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2810	2331720009	Nguyễn Kim	Ngân	23ĐHNA01	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2811	2331720030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	23ĐHNA01	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2812	2331720031	Nguyễn Thành	Nhân	23ĐHNA01	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2813	2331720397	Lê Thị	Phương	23ĐHNA01	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2814	2331720077	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	23ĐHNA02	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2815	2331720101	Nguyễn Hải	Nam	23ĐHNA02	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2816	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	23ĐHNA02	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2817	2331720115	Lê Phương	Nguyên	23ĐHNA03	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2818	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2819	2331720249	Nguyễn Lý Thanh	Tiên	23ĐHNA05	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2820	2331720265	Phạm Thị Như	Thùy	23ĐHNA05	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2821	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2822	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2823	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100092907	Đọc - Viết 3	3	
2824	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2825	2331720074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23ĐHNA02	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2826	2331720084	Phạm Mai	Hân	23ĐHNA02	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2827	2331720089	Phạm Nguyễn Ngọc	Nhi	23ĐHNA02	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2828	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	23ĐHNA05	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2829	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	23ĐHNA05	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2830	2331720411	Hoàng Kim Mỹ	Thạch	23ĐHNA05	010100092909	Đọc - Viết 3	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2831	2331720302	Đặng Trần Gia	Hân	23ĐHNA06	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2832	2331720392	Bành Quốc	Hung	23ĐHNA06	010100092909	Đọc - Viết 3	3	
2833	2331720023	Đinh Thị Phương	Hậu	23ĐHNA01	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2834	2331720070	Vưu Thư	Huệ	23ĐHNA02	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2835	2331720190	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	23ĐHNA04	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2836	2331720193	Lê Phương	Uyên	23ĐHNA04	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2837	2331720210	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA04	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2838	2331720214	Cao Ngọc Hiền	Mai	23ĐHNA04	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2839	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2840	2331720229	Lê Thị Anh	Thư	23ĐHNA05	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2841	2331720294	Lê Thị Tuyết	San	23ĐHNA06	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2842	2331720307	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHNA06	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2843	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	23ĐHNA07	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2844	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	23ĐHNA07	010100092911	Đọc - Viết 3	3	
2845	2152210092	Hoàng Trần Anh	Như	21ĐHNAHK	010100093201	Đọc - Viết 6	3	
2846	2152210090	Nguyễn Thiện	Thảo	21ĐHNATM	010100093201	Đọc - Viết 6	3	
2847	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100093201	Đọc - Viết 6	3	
2848	2252210008	Phan Thị Thanh	Thảo	22ĐHNATM1	010100093201	Đọc - Viết 6	3	
2849	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100093201	Đọc - Viết 6	3	
2850	2252210114	Lê Nguyễn	Tuân	22ĐHNATM2	010100093201	Đọc - Viết 6	3	
2851	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	22ĐHNADL	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2852	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	22ĐHNADL	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2853	2252210049	Trần Thị	Thanh	22ĐHNADL	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2854	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2855	2252210121	Nguyễn Tiểu	Phụng	22ĐHNADL	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2856	2252210064	Lâm Gia	Hân	22ĐHNATM1	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2857	2252210058	Lê Nhật Minh	Thư	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2858	2252210062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2859	2252210102	Nguyễn Phương	Vy	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2860	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2861	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2862	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2863	2252210142	Nguyễn Quỳnh Nhật	Hạ	22ĐHNATM2	010100093202	Đọc - Viết 6	3	
2864	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100093203	Đọc - Viết 6	3	
2865	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100093203	Đọc - Viết 6	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2866	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	22ĐHNATM1	010100093203	Đọc - Viết 6	3	
2867	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	010100093203	Đọc - Viết 6	3	
2868	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100093203	Đọc - Viết 6	3	
2869	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100093203	Đọc - Viết 6	3	
2870	2252210017	Trương Tuyết	Linh	22ĐHNAHK	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2871	2252210024	Phan Lê Văn	Anh	22ĐHNAHK	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2872	2252210025	Trần Thanh	Lam	22ĐHNAHK	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2873	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2874	2252210046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22ĐHNATM1	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2875	2252210065	Trần Thị Thu	Thảo	22ĐHNATM2	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2876	2252210096	Mai Phan Quỳnh	Thư	22ĐHNATM2	010100093205	Đọc - Viết 6	3	
2877	2331720023	Đinh Thị Phương	Hậu	23ĐHNA01	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2878	2331720458	Trần Đức	Hỷ	23ĐHNA01	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2879	2331720074	Nguyễn Thị Thùy	Dương	23ĐHNA02	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2880	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	23ĐHNA04	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2881	2331720230	Văn Nữ Anh	Tiên	23ĐHNA05	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2882	2331720294	Lê Thị Tuyết	San	23ĐHNA06	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2883	2331720299	Nguyễn Duy	Quang	23ĐHNA06	010100093401	Lý thuyết dịch	2	
2884	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2885	2331720423	Nguyễn Nam	Anh	23ĐHNA01	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2886	2331720460	Đinh Thị Hà	Giang	23ĐHNA02	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2887	2331720115	Lê Phương	Nguyên	23ĐHNA03	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2888	2331720402	Nguyễn Ngọc Kỳ	Khuê	23ĐHNA03	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2889	2331720223	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2890	2331720225	Bùi Thiên	Tài	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2891	2331720232	Đào Thị Kim	Ngân	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2892	2331720239	Trịnh Thanh	Vân	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2893	2331720241	Võ Ngọc	Tú	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2894	2331720274	Nguyễn Thị Phương	Uyên	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2895	2331720465	Hà Dương Ngọc	Minh	23ĐHNA05	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2896	2331720345	Văn Bảo	Trân	23ĐHNA07	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2897	2331720347	Trương Thị Ý	Nhi	23ĐHNA07	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2898	2331720352	Trần Nguyễn Gia	Hân	23ĐHNA07	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2899	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	23ĐHNA07	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2900	2331720372	Khổng Thị Diệp	Lan	23ĐHNA07	010100093403	Lý thuyết dịch	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2901	2331720386	Trần Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100093403	Lý thuyết dịch	2	
2902	2331720009	Nguyễn Kim	Ngân	23ĐHNA01	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2903	2331720030	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	23ĐHNA01	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2904	2331720132	Nguyễn Minh	Hưng	23ĐHNA03	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2905	2331720192	Vũ Thúy Uyên	Nhi	23ĐHNA04	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2906	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2907	2331720250	Võ Nguyễn Mỹ	Kim	23ĐHNA05	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2908	2331720278	Nguyễn Sanh Anh	Tài	23ĐHNA05	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2909	2331720413	Lý Nguyễn Minh	Huy	23ĐHNA05	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2910	2331720302	Đặng Trần Gia	Hân	23ĐHNA06	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2911	2331720392	Bành Quốc	Hưng	23ĐHNA06	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2912	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2913	2331720421	Nguyễn Thị Thu	Hà	23ĐHNA07	010100093404	Lý thuyết dịch	2	
2914	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2915	2331720070	Vưu Thư	Huệ	23ĐHNA02	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2916	2331720210	Nguyễn Thanh	Mai	23ĐHNA04	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2917	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2918	2331720228	Võ Hoàng	Oanh	23ĐHNA05	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2919	2331720248	Nguyễn Thanh	Phát	23ĐHNA05	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2920	2331720249	Nguyễn Lý Thanh	Tiền	23ĐHNA05	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2921	2331720272	Nguyễn Gia	Phúc	23ĐHNA05	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2922	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23ĐHNA05	010100093405	Lý thuyết dịch	2	
2923	2331720396	Trương Thị Hồng	Hạnh	23ĐHNA01	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2924	2331720085	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	23ĐHNA02	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2925	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2926	2331720112	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	23ĐHNA03	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2927	2331720141	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	23ĐHNA03	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2928	2331720172	Nguyễn Thị Hồng	Lan	23ĐHNA04	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2929	2331720187	Đinh Hoàng Ánh	Nguyệt	23ĐHNA04	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2930	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2931	2331720307	Nguyễn Thị Minh	Thư	23ĐHNA06	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2932	2331720383	Lê Nhó	Hoài	23ĐHNA07	010100093406	Lý thuyết dịch	2	
2933	2331720405	Trần Hồng	Hân	23ĐHNA03	010100093407	Lý thuyết dịch	2	
2934	2331720204	Phan Thanh	Vân	23ĐHNA04	010100093407	Lý thuyết dịch	2	
2935	2331720229	Lê Thị Anh	Thư	23ĐHNA05	010100093407	Lý thuyết dịch	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2936	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100093407	Lý thuyết dịch	2	
2937	2331720353	Phạm Duy	Tiến	23ĐHNA07	010100093407	Lý thuyết dịch	2	
2938	2331720395	Trần Vũ Yên	Nhi	23ĐHNA01	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2939	2331720080	Trần Thị Lan	Anh	23ĐHNA02	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2940	2331720084	Phạm Mai	Hân	23ĐHNA02	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2941	2331720123	Cao Thị Hồng	Nhung	23ĐHNA03	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2942	2331720201	Hà Tường	Vy	23ĐHNA04	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2943	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2944	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	23ĐHNA07	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2945	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	23ĐHNA07	010100093408	Lý thuyết dịch	2	
2946	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2947	2331720077	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	23ĐHNA02	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2948	2331720262	Lê Bảo	Châu	23ĐHNA02	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2949	2331720398	Bùi Nhật Hoàng	Thơ	23ĐHNA02	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2950	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	23ĐHNA02	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2951	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2952	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2953	2331720285	Lê Nguyễn Hiền	Vy	23ĐHNA06	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2954	2331720287	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	23ĐHNA06	010100093410	Lý thuyết dịch	2	
2955	2331720031	Nguyễn Thành	Nhân	23ĐHNA01	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2956	2331720397	Lê Thị	Phương	23ĐHNA01	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2957	2331720068	Phan Bảo	Duy	23ĐHNA02	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2958	2331720400	Lê Thanh	Quang	23ĐHNA02	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2959	2331720430	Đào Thiên	Mỹ	23ĐHNA02	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2960	2331720411	Hoàng Kim Mỹ	Thạch	23ĐHNA05	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2961	2331720316	Nguyễn Minh	Trang	23ĐHNA06	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2962	2331720447	Thân Thị Minh	Nguyệt	23ĐHNA06	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2963	2331720351	Nguyễn Thanh	Tuyền	23ĐHNA07	010100093411	Lý thuyết dịch	2	
2964	2152210092	Hoàng Trần Anh	Như	21ĐHNAHK	010100093901	Hình vị học	2	
2965	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2966	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2967	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2968	2252210049	Trần Thị	Thanh	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2969	2252210063	Trịnh Thị Yến	Vi	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2970	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
2971	2252210116	Nguyễn Phan Ánh	Nguyệt	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2972	2252210121	Nguyễn Tiểu	Phụng	22ĐHNADL	010100093901	Hình vị học	2	
2973	2152210028	Bành Trương Thủy	Ngân	21ĐHNAHK	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2974	2152210060	Nguyễn Thị Tố	Vi	21ĐHNAHK	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2975	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	21ĐHNAHK	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2976	2152210013	Kiều Diệu	Thảo	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2977	2152210031	Nguyễn Thị Trâm	Anh	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2978	2152210034	Nguyễn Thị Xuân	Hương	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2979	2152210042	Nguyễn Vũ Đoan	Phương	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2980	2152210050	Nguyễn Trúc Gia	Gia	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2981	2152210056	Lê Nguyễn Phụng	Nhi	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2982	2152210057	Hoàng Thị	Quyên	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2983	2152210090	Nguyễn Thiện	Thảo	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2984	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100094001	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2985	2152210017	Nguyễn Trần Triệu	Vy	21ĐHNAHK	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2986	2152210116	Võ BaO	Hân	21ĐHNAHK	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2987	2152210033	Trần Châu	Giang	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2988	2152210039	Nguyễn Trần Anh	Thư	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2989	2152210044	Đặng Thuỳ	Trâm	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2990	2152210046	Mai Huyền	Trang	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2991	2152210053	Ngô Gia	Khánh	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2992	2152210074	Vũ Thị Phương	Thanh	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2993	2152210076	Trần Kim	Thoa	21ĐHNATM	010100094003	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	2	
2994	2152210069	Lê Thị Thu	Hiền	21ĐHNAHK	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
2995	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	21ĐHNAHK	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
2996	2152210116	Võ BaO	Hân	21ĐHNAHK	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
2997	2152210033	Trần Châu	Giang	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
2998	2152210042	Nguyễn Vũ Đoan	Phương	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
2999	2152210044	Đặng Thuỳ	Trâm	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3000	2152210046	Mai Huyền	Trang	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3001	2152210050	Nguyễn Trúc Gia	Gia	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3002	2152210053	Ngô Gia	Khánh	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3003	2152210057	Hoàng Thị	Quyên	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3004	2152210080	Cao Anh	Thư	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3005	2152210090	Nguyễn Thiện	Thảo	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3006	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100094101	Ngữ nghĩa học	2	
3007	2152210013	Kiều Diệu	Thảo	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3008	2152210031	Nguyễn Thị Trâm	Anh	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3009	2152210034	Nguyễn Thị Xuân	Hương	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3010	2152210039	Nguyễn Trần Anh	Thư	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3011	2152210056	Lê Nguyễn Phụng	Nhi	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3012	2152210074	Vũ Thị Phương	Thanh	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3013	2152210076	Trần Kim	Thoa	21ĐHNATM	010100094102	Ngữ nghĩa học	2	
3014	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100094201	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3015	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100094201	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3016	2252210142	Nguyễn Quỳnh Nhật	Hạ	22ĐHNATM2	010100094201	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3017	2252210046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22ĐHNATM1	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3018	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3019	2252210064	Lâm Gia	Hân	22ĐHNATM1	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3020	2252210065	Trần Thị Thu	Thảo	22ĐHNATM2	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3021	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3022	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	22ĐHNATM2	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3023	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3024	2252210145	Tiết Huệ	Mẫn	22ĐHNATM2	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3025	2252210165	Trần Lâm Hiếu	Hạnh	22ĐHNATM2	010100094202	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3026	2252210008	Phan Thị Thanh	Thảo	22ĐHNATM1	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3027	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	22ĐHNATM1	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3028	2252210074	Võ Huỳnh	Anh	22ĐHNATM1	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3029	2252210062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3030	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3031	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3032	2252210102	Nguyễn Phương	Vy	22ĐHNATM2	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3033	2252210114	Lê Nguyễn	Tuân	22ĐHNATM2	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3034	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100094203	Kỹ năng Thuyết trình	3	
3035	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3036	2252210062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3037	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3038	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100094701	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3039	2252210046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22ĐHNATM1	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3040	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3041	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	22ĐHNATM1	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3042	2252210065	Trần Thị Thu	Thảo	22ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3043	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3044	2252210102	Nguyễn Phương	Vy	22ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3045	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3046	2252210142	Nguyễn Quỳnh Nhật	Hạ	22ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3047	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100094702	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3048	2252210008	Phan Thị Thanh	Thảo	22ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3049	2252210064	Lâm Gia	Hân	22ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3050	2252210074	Võ Huỳnh	Anh	22ĐHNATM1	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3051	2252210096	Mai Phan Quỳnh	Thư	22ĐHNATM2	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3052	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3053	2252210114	Lê Nguyễn	Tuân	22ĐHNATM2	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3054	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	22ĐHNATM2	010100094703	Tiếng Anh thương mại 2	2	
3055	2252210008	Phan Thị Thanh	Thảo	22ĐHNATM1	010100094801	Thư tín thương mại	3	
3056	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	22ĐHNATM1	010100094801	Thư tín thương mại	3	
3057	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3058	2252210064	Lâm Gia	Hân	22ĐHNATM1	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3059	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3060	2252210065	Trần Thị Thu	Thảo	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3061	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3062	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3063	2252210096	Mai Phan Quỳnh	Thư	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3064	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3065	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3066	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100094802	Thư tín thương mại	3	
3067	2252210046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22ĐHNATM1	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3068	2252210074	Võ Huỳnh	Anh	22ĐHNATM1	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3069	2252210062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3070	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3071	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3072	2252210114	Lê Nguyễn	Tuân	22ĐHNATM2	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3073	2252210142	Nguyễn Quỳnh Nhật	Hạ	22ĐHNATM2	010100094803	Thư tín thương mại	3	
3074	2252210017	Trương Tuyết	Linh	22ĐHNAHK	010100095401	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 2	2	
3075	2252210024	Phan Lê Vân	Anh	22ĐHNAHK	010100095401	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 2	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3076	2252210025	Trần Thanh	Lam	22ĐHNAHK	010100095401	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 2	2	
3077	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100095401	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 2	2	
3078	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100095401	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không và Quản lý bay 2	2	
3079	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3080	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3081	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3082	2252210049	Trần Thị	Thanh	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3083	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3084	2252210121	Nguyễn Tiểu	Phụng	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3085	2252210137	Phan Thị Hồng	Nhung	22ĐHNADL	010100095701	Tiếng Anh Dịch vụ Du lịch và Lữ hành 2	2	
3086	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3087	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3088	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3089	2252210049	Trần Thị	Thanh	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3090	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3091	2252210121	Nguyễn Tiểu	Phụng	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3092	2252210137	Phan Thị Hồng	Nhung	22ĐHNADL	010100095801	Tiếng Anh Nghiệp vụ Nhà hàng Khách sạn	3	
3093	2152210017	Nguyễn Trần Triệu	Vy	21ĐHNAHK	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3094	2152210028	Bành Trương Thủy	Ngân	21ĐHNAHK	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3095	2152210092	Hoàng Trần Anh	Như	21ĐHNAHK	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3096	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	21ĐHNAHK	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3097	2152210116	Võ BàO	Hân	21ĐHNAHK	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3098	2152210033	Trần Châu	Giang	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3099	2152210044	Đặng Thuý	Trâm	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3100	2152210046	Mai Huyền	Trang	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3101	2152210056	Lê Nguyễn Phụng	Nhi	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3102	2152210057	Hoàng Thị	Quyên	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3103	2152210074	Vũ Thị Phương	Thanh	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3104	2153410159	Nguyễn Ngọc Nhật	Vy	21ĐHNATM	010100096401	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3105	2152210060	Nguyễn Thị Tố	Vi	21ĐHNAHK	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3106	2152210069	Lê Thị Thu	Hiền	21ĐHNAHK	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3107	2152210013	Kiều Diệu	Thảo	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3108	2152210031	Nguyễn Thị Trâm	Anh	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3109	2152210034	Nguyễn Thị Xuân	Hương	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3110	2152210039	Nguyễn Trần Anh	Thư	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3111	2152210042	Nguyễn Vũ Đoan	Phương	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3112	2152210050	Nguyễn Trúc Gia	Gia	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3113	2152210053	Ngô Gia	Khánh	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3114	2152210076	Trần Kim	Thoa	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3115	2152210090	Nguyễn Thiện	Thảo	21ĐHNATM	010100096403	Giao tiếp liên văn hoá	2	
3116	2153410268	Phạm Nhã	Uyên	21ĐHQTC3	010100096802	Thực tập nghề nghiệp	4	
3117	2153410295	Phạm Thị Vân	Dung	21ĐHQTC3	010100096802	Thực tập nghề nghiệp	4	
3118	2153410350	Nguyễn Ngọc	Thuận	21ĐHQTVT2	010100096804	Thực tập nghề nghiệp	4	
3119	2153410205	Hà Ngọc Phương	Tường	21ĐHQTC3	010100096806	Thực tập nghề nghiệp	4	
3120	2153410296	Đào Thị Thu	Hà	21ĐHQTC3	010100096806	Thực tập nghề nghiệp	4	
3121	2153410433	Mai Phi	Yến	21ĐHQTC3	010100096806	Thực tập nghề nghiệp	4	
3122	2153410078	Ngô Thanh	Thảo	21ĐHQTVT1	010100096806	Thực tập nghề nghiệp	4	
3123	2051010052	Nguyễn Thị Thu	Trang	20ĐHQTVT3	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3124	2153410037	Nguyễn Thị Diễm	My	21ĐHQTC1	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3125	2153410039	Châu Thị Thanh	Ngân	21ĐHQTC1	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3126	2153410439	Lê Thái	Tuấn	21ĐHQTC3	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3127	2153410426	Ngô Gia	Linh	21ĐHQTVT1	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3128	2153410263	Vũ Việt	Hà	21ĐHQTVT2	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3129	2153410283	Trịnh Thị Vân	Anh	21ĐHQTVT2	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3130	2153410284	Nguyễn Phạm Trúc	Quỳnh	21ĐHQTVT2	010100096807	Thực tập nghề nghiệp	4	
3131	2153410292	Thái Kim	Phổ	21ĐHQTC3	010100096808	Thực tập nghề nghiệp	4	
3132	2153410146	Trần Thảo	Linh	21ĐHQTC1	010100096809	Thực tập nghề nghiệp	4	
3133	2153410178	Nguyễn Kiều	Duyên	21ĐHQTVT1	010100096809	Thực tập nghề nghiệp	4	
3134	2153410341	Vũ Thị Thanh	Trúc	21ĐHQTC3	010100096810	Thực tập nghề nghiệp	4	
3135	2153410309	Vũ Yến	Vy	21ĐHQTC4	010100096810	Thực tập nghề nghiệp	4	
3136	2153410099	Lưu Thảo	Vy	21ĐHQTDL	010100096810	Thực tập nghề nghiệp	4	
3137	2153410451	Nông Thị Yến	Chi	21ĐHQTVT2	010100096810	Thực tập nghề nghiệp	4	
3138	2153410376	Phạm Trung	Hậu	21ĐHQTC4	010100096811	Thực tập nghề nghiệp	4	
3139	2153410052	Võ Tuyết	Phuong	21ĐHQTVT1	010100096811	Thực tập nghề nghiệp	4	
3140	2153410361	Lý Hoài	An	21ĐHQTVT2	010100096811	Thực tập nghề nghiệp	4	
3141	2153410448	Trần Thanh	Vy	21ĐHQTVT2	010100096811	Thực tập nghề nghiệp	4	
3142	2153410318	Bùi Thị Thu	Hương	21ĐHQTC3	010100096812	Thực tập nghề nghiệp	4	
3143	2153410335	Nguyễn Tiến	Dũng	21ĐHQTC4	010100096812	Thực tập nghề nghiệp	4	
3144	2153410017	Nguyễn Phan Lam	Giang	21ĐHQTC1	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3145	2153410033	Trần Ngọc	Linh	21ĐHQTC1	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3146	2153410213	Chênh Mỹ	Duyên	21ĐHQTC2	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3147	2153410377	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	21ĐHQTC4	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3148	2153410387	Cao Thị Hà	My	21ĐHQTC4	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3149	2153410406	Hoàng Thùy	Linh	21ĐHQTDL	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3150	2153410139	Phan Thị Diễm	Hằng	21ĐHQTVT1	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3151	2153410208	Nguyễn Lan	Anh	21ĐHQTVT2	010100096813	Thực tập nghề nghiệp	4	
3152	2153410075	Lê Thị	Trang	21ĐHQTC4	010100096814	Thực tập nghề nghiệp	4	
3153	2153410201	Lương Thị Thủy	Tiên	21ĐHQTDL	010100096814	Thực tập nghề nghiệp	4	
3154	2153410391	Trần Nguyễn Gia	Thi	21ĐHQTDL	010100096814	Thực tập nghề nghiệp	4	
3155	2153410219	Trần Đức	Huy	21ĐHQTTTH1	010100096814	Thực tập nghề nghiệp	4	
3156	2153410240	Hoàng Thị	Nhàn	21ĐHQTVT2	010100096814	Thực tập nghề nghiệp	4	
3157	2153410365	Nguyễn Ngọc	Bảo	21ĐHQTC4	010100096815	Thực tập nghề nghiệp	4	
3158	2153410418	Nguyễn Lâm Nhật	Minh	21ĐHQTVT1	010100096815	Thực tập nghề nghiệp	4	
3159	2153410349	Lâm Khả	Nhi	21ĐHQTVT2	010100096815	Thực tập nghề nghiệp	4	
3160	2153410382	Nguyễn Thị Quế	Anh	21ĐHQTVT2	010100096815	Thực tập nghề nghiệp	4	
3161	2153410038	Nguyễn Trà	My	21ĐHQTC1	010100096816	Thực tập nghề nghiệp	4	
3162	2153410059	Trần Nguyễn Trúc	Thy	21ĐHQTC1	010100096816	Thực tập nghề nghiệp	4	
3163	2153410423	Võ Tuyết	Ngọc	21ĐHQTC2	010100096816	Thực tập nghề nghiệp	4	
3164	2153410441	Đặng Như	Quỳnh	21ĐHQTC3	010100096816	Thực tập nghề nghiệp	4	
3165	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	010100096816	Thực tập nghề nghiệp	4	
3166	2153410074	Phạm Diệp Hàm	Uyên	21ĐHQTC1	010100096817	Thực tập nghề nghiệp	4	
3167	2153410041	Trần Thị Cẩm	Ngân	21ĐHQTDL	010100096817	Thực tập nghề nghiệp	4	
3168	2153410103	Đồng Gia	Phú	21ĐHQTVT1	010100096817	Thực tập nghề nghiệp	4	
3169	2153410126	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	21ĐHQTVT1	010100096817	Thực tập nghề nghiệp	4	
3170	2153410383	Đinh Hoàng Lan	Anh	21ĐHQTVT2	010100096817	Thực tập nghề nghiệp	4	
3171	2153410014	Châu Quang	Đại	21ĐHQTC1	010100096818	Thực tập nghề nghiệp	4	
3172	2153410330	Trần Tuệ	Nghi	21ĐHQTC3	010100096818	Thực tập nghề nghiệp	4	
3173	2153410343	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21ĐHQTC3	010100096818	Thực tập nghề nghiệp	4	
3174	2153410009	Phan Thanh	Cao	21ĐHQTVT1	010100096818	Thực tập nghề nghiệp	4	
3175	2153410063	Huỳnh Lê Phương	Trình	21ĐHQTC1	010100096819	Thực tập nghề nghiệp	4	
3176	2153410270	Trần Thị Hồng	Anh	21ĐHQTC3	010100096819	Thực tập nghề nghiệp	4	
3177	2153410444	Huỳnh Ngọc	Thương	21ĐHQTC3	010100096820	Thực tập nghề nghiệp	4	
3178	2153410209	Trần Thị Quý	Hương	21ĐHQTVT2	010100096820	Thực tập nghề nghiệp	4	
3179	1851010028	Lý Tổ	Uyên	18ĐHQTVT1	010100096821	Thực tập nghề nghiệp	4	
3180	2153410096	Huỳnh Thị Quỳnh	Nga	21ĐHQTVT1	010100096821	Thực tập nghề nghiệp	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3181	2153410025	Nguyễn Thị Lan	Hương	21ĐHQTC1	010100096822	Thực tập nghề nghiệp	4	
3182	2153410403	Lưu Tiểu	Quỳnh	21ĐHQTC1	010100096822	Thực tập nghề nghiệp	4	
3183	2153410237	Nguyễn Ngọc	Đạt	21ĐHQTC2	010100096822	Thực tập nghề nghiệp	4	
3184	2153410172	Bùi Khánh	Linh	21ĐHQTVT1	010100096822	Thực tập nghề nghiệp	4	
3185	2153410158	Nguyễn Thị Thu	Vân	21ĐHQTVT2	010100096822	Thực tập nghề nghiệp	4	
3186	2153410420	Nguyễn Minh	Duy	21ĐHQTC1	010100096823	Thực tập nghề nghiệp	4	
3187	2153410151	Nguyễn Thị Kim	Huyền	21ĐHQTC2	010100096823	Thực tập nghề nghiệp	4	
3188	2153410185	Lê Thị Trà	My	21ĐHQTC2	010100096823	Thực tập nghề nghiệp	4	
3189	2153410168	Ngô Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21ĐHQTC2	010100096825	Thực tập nghề nghiệp	4	
3190	2153410200	Phan Khánh	Huy	21ĐHQTC2	010100096825	Thực tập nghề nghiệp	4	
3191	2153410393	Nguyễn Ngọc Huệ	Minh	21ĐHQTC4	010100096825	Thực tập nghề nghiệp	4	
3192	2153410097	Nguyễn Hồ Duy	Khanh	21ĐHQTC1	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3193	2153410400	Nguyễn Thế	Vinh	21ĐHQTC4	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3194	2153410011	Trần Khánh	Duy	21ĐHQTDL	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3195	2153410027	Tạ Nguyễn Thiên	Kim	21ĐHQTDL	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3196	2153410193	Đặng Trần Thiên	Trang	21ĐHQTDL	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3197	2153410215	Ngô Xuân	Ngọc	21ĐHQTVT2	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3198	2153410233	Trần Thị	Linh	21ĐHQTVT2	010100096827	Thực tập nghề nghiệp	4	
3199	2153412027	Giáp Lê Ngọc	Hòa	21ĐHQTVT1	010100096828	Thực tập nghề nghiệp	4	
3200	2153410187	Lê Nguyễn Tuyết	Phượng	21ĐHQTC2	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3201	2153410171	Lê Đức Doãn	Lệnh	21ĐHQTTTH1	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3202	2153410277	Lê Trần Hồng	Phúc	21ĐHQTTTH1	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3203	2153410257	Trần Thị My	Hà	21ĐHQTVT2	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3204	2153410286	Bùi Thị Hồng	Ngọc	21ĐHQTVT2	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3205	2153410437	Nguyễn Thúy	Huy	21ĐHQTVT2	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3206	2153410440	Nguyễn Kim	Phụng	21ĐHQTVT2	010100096829	Thực tập nghề nghiệp	4	
3207	2153410356	Nguyễn Thị	Trình	21ĐHQTDL	010100096830	Thực tập nghề nghiệp	4	
3208	2153410381	Quách Thị Hoàng	Oanh	21ĐHQTDL	010100096830	Thực tập nghề nghiệp	4	
3209	2153410416	Phan Nguyễn Quỳnh	Giang	21ĐHQTDL	010100096830	Thực tập nghề nghiệp	4	
3210	2153410137	Trần Diễm Ngọc	Hân	21ĐHQTC1	010100096831	Thực tập nghề nghiệp	4	
3211	2153410153	Nguyễn Thanh	Trúc	21ĐHQTC2	010100096831	Thực tập nghề nghiệp	4	
3212	2153410163	Nguyễn Thị Thu	Minh	21ĐHQTC2	010100096831	Thực tập nghề nghiệp	4	
3213	2153410199	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	21ĐHQTC2	010100096831	Thực tập nghề nghiệp	4	
3214	2153410067	Nguyễn Phương	Uyên	21ĐHQTVT1	010100096832	Thực tập nghề nghiệp	4	
3215	2153410086	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	21ĐHQTC1	010100096833	Thực tập nghề nghiệp	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3216	2153410065	Võ Ngọc Thanh	Trúc	21ĐHQTC4	010100096833	Thực tập nghề nghiệp	4	
3217	2153410457	Vũ Ngọc Yên	Nhi	21ĐHQTC4	010100096833	Thực tập nghề nghiệp	4	
3218	2153410116	Kim Đình	Quân	21ĐHQTDL	010100096833	Thực tập nghề nghiệp	4	
3219	2153410034	Vũ Hương	Linh	21ĐHQTC1	010100096834	Thực tập nghề nghiệp	4	
3220	2153410142	Nguyễn Phương	Mai	21ĐHQTC1	010100096834	Thực tập nghề nghiệp	4	
3221	2331740055	Phan Bảo	Đạt	23ĐHKV01	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3222	2331740088	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	23ĐHKV02	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3223	2331740112	Ngô Đình Bảo	Phúc	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3224	2331740126	Nguyễn Lan	Anh	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3225	2331740139	Nguyễn Quang	Vũ	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3226	2331740140	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3227	2331740147	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3228	2331740151	Trương Đình Thiên	Phúc	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3229	2331740153	Nguyễn Trọng	Nguyễn	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3230	2331740165	Võ Trần Nhật	Mai	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3231	2331740289	Vương Thu	Tâm	23ĐHKV03	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3232	2331740268	Nguyễn Ngọc Trà	An	23ĐHKV04	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3233	2331740231	Nguyễn Thị Việt	Hương	23ĐHKV05	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3234	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3235	2331740258	Phạm Ngọc Mỹ	Dung	23ĐHKV05	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3236	2331310566	Nguyễn Trọng	Nhị	23ĐHQT02	010100109701	Quản lý Hàng hóa	3	
3237	2331740044	Trần Đức	Huy	23ĐHKV01	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3238	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3239	2331740060	Nguyễn Thị Hương	Mơ	23ĐHKV02	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3240	2331740087	Phạm Thành	Trung	23ĐHKV02	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3241	2331740104	Phạm Ngọc Khánh	Hòa	23ĐHKV02	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3242	2331740160	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	23ĐHKV03	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3243	2331740200	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	23ĐHKV04	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3244	2331740206	Vũ Thị Minh	Hiếu	23ĐHKV04	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3245	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	23ĐHKV05	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3246	2331310083	Đoàn Viết Hải	Đăng	23ĐHQT02	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3247	2331310127	Vũ Nguyên	Phúc	23ĐHQT03	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3248	2331310134	Nguyễn Hoàng	Huân	23ĐHQT03	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3249	2331310261	Nguyễn Hoa	Trắng	23ĐHQT05	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3250	2331310382	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Trâm	23ĐHQT07	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3251	2331310394	Dương Gia	Anh	23ĐHQT07	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3252	2331310524	Đinh Công	Ngọc	23ĐHQT09	010100109702	Quản lý Hàng hóa	3	
3253	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3254	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3255	2331740037	Nguyễn Lê Minh	Ngọc	23ĐHKV01	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3256	2331740145	Nguyễn Phạm Kiều	Ni	23ĐHKV03	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3257	2331740202	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHKV04	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3258	2331740230	Sơn Triệu	Duy	23ĐHKV05	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3259	2331740250	Nguyễn Ái	Nhi	23ĐHKV05	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3260	2331740252	Trịnh Thu	Nga	23ĐHKV05	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3261	2331740262	Lê Bùi Hạnh	Nguyên	23ĐHKV05	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3262	2331740270	Trần Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3263	2331740271	Trịnh Thị	Quỳnh	23ĐHKV05	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3264	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100109704	Quản lý Hàng hóa	3	
3265	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100110701	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	3	
3266	2250000074	Đinh Thị Như	Ý	22ĐHKVKH	010100110701	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	3	
3267	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100111001	Chiến lược lập lịch bay và vận hành hãng hàng không	3	
3268	2250000074	Đinh Thị Như	Ý	22ĐHKVKH	010100111001	Chiến lược lập lịch bay và vận hành hãng hàng không	3	
3269	2253440037	Từ Mỹ	Tiên	22ĐHNL01	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3270	2253440060	Võ Thị Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3271	2331320022	Hồ Lê	An	23ĐHNL01	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3272	2331320035	Lưu Ngọc	Minh	23ĐHNL01	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3273	2331320108	Đỗ Ngọc	Hân	23ĐHNL02	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3274	2331320145	Lê Quỳnh	Chi	23ĐHNL03	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3275	2331320153	Phạm Thanh	Huyền	23ĐHNL03	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3276	2331320164	Nguyễn Khánh	Ly	23ĐHNL03	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3277	2331320183	Lương Nhật	Mai	23ĐHNL04	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3278	2331320187	Nguyễn Hoàng	Nam	23ĐHNL04	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3279	2331320189	Cao Hoàng Anh	Kiệt	23ĐHNL04	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3280	2331320203	Nguyễn Thái Xuân	Quỳnh	23ĐHNL04	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3281	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100118401	Nguyên lý thống kê	3	
3282	2331320005	Trần Thái	Dương	23ĐHNL01	010100118403	Nguyên lý thống kê	3	
3283	2331320021	Phạm Hồng	Ngọc	23ĐHNL01	010100118403	Nguyên lý thống kê	3	
3284	2331320039	Nguyễn Bảo	Vi	23ĐHNL01	010100118403	Nguyên lý thống kê	3	
3285	2331320070	Võ Đàm Minh	Thư	23ĐHNL02	010100118403	Nguyên lý thống kê	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3286	2331320188	Nguyễn Huệ	Như	23ĐHNL04	010100118403	Nguyên lý thống kê	3	
3287	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3288	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3289	2331320162	Huỳnh Gia	Hân	23ĐHNL03	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3290	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	23ĐHNL03	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3291	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3292	2331320161	Nguyễn Thị Kiều	My	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3293	2331320182	Trần Nguyễn Vũ	Tài	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3294	2331320186	Hồ Ngọc Khánh	An	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3295	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3296	2331320194	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3297	2331320196	Nguyễn Thị Xuân	Thu	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3298	2331320200	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3299	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3300	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	010100118404	Nguyên lý thống kê	3	
3301	2253440065	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	22ĐHNL02	010100119201	Đào tạo và phát triển	3	
3302	2253440079	Phạm Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100119201	Đào tạo và phát triển	3	
3303	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100119201	Đào tạo và phát triển	3	
3304	2253440037	Từ Mỹ	Tiên	22ĐHNL01	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3305	2253440073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3306	2253440083	Huỳnh Thị Út	Thiện	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3307	2253440084	Trần Hoàng	Ân	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3308	2253440085	Trịnh Hữu	Thịnh	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3309	2253440086	Sơn Trường	Vũ	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3310	2253440092	Lâm Đồng Thanh	Thảo	22ĐHNL02	010100119202	Đào tạo và phát triển	3	
3311	2253440037	Từ Mỹ	Tiên	22ĐHNL01	010100119601	Quản trị tiền lương	3	
3312	2253440073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHNL02	010100119601	Quản trị tiền lương	3	
3313	2253440079	Phạm Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100119601	Quản trị tiền lương	3	
3314	2253440092	Lâm Đồng Thanh	Thảo	22ĐHNL02	010100119601	Quản trị tiền lương	3	
3315	2253440065	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	22ĐHNL02	010100119602	Quản trị tiền lương	3	
3316	2253440083	Huỳnh Thị Út	Thiện	22ĐHNL02	010100119602	Quản trị tiền lương	3	
3317	2253440084	Trần Hoàng	Ân	22ĐHNL02	010100119602	Quản trị tiền lương	3	
3318	2253440085	Trịnh Hữu	Thịnh	22ĐHNL02	010100119602	Quản trị tiền lương	3	
3319	2253440086	Sơn Trường	Vũ	22ĐHNL02	010100119602	Quản trị tiền lương	3	
3320	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100119602	Quản trị tiền lương	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3321	2331320024	Nguyễn Dương Yến	Nhi	23ĐHNL01	010100121201	Luật lao động	3	
3322	2331320035	Lưu Ngọc	Minh	23ĐHNL01	010100121201	Luật lao động	3	
3323	2331320036	Nguyễn Quỳnh	Anh	23ĐHNL01	010100121201	Luật lao động	3	
3324	2331320039	Nguyễn Bảo	Vi	23ĐHNL01	010100121201	Luật lao động	3	
3325	2331320062	Trần Hoàng	Nam	23ĐHNL02	010100121201	Luật lao động	3	
3326	2331320207	Nguyễn Quang	Trung	23ĐHNL04	010100121201	Luật lao động	3	
3327	2331320005	Trần Thái	Dương	23ĐHNL01	010100121202	Luật lao động	3	
3328	2331320022	Hồ Lê	An	23ĐHNL01	010100121202	Luật lao động	3	
3329	2331320145	Lê Quỳnh	Chi	23ĐHNL03	010100121202	Luật lao động	3	
3330	2331320162	Huỳnh Gia	Hân	23ĐHNL03	010100121202	Luật lao động	3	
3331	2331320163	Đỗ Thị Ánh	Linh	23ĐHNL03	010100121202	Luật lao động	3	
3332	2331320161	Nguyễn Thị Kiều	My	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3333	2331320188	Nguyễn Huệ	Như	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3334	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3335	2331320194	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3336	2331320196	Nguyễn Thị Xuân	Thu	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3337	2331320200	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3338	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	010100121202	Luật lao động	3	
3339	2331320021	Phạm Hồng	Ngọc	23ĐHNL01	010100121204	Luật lao động	3	
3340	2331320070	Võ Đàm Minh	Thư	23ĐHNL02	010100121204	Luật lao động	3	
3341	2331320071	Lê Như	Quỳnh	23ĐHNL02	010100121204	Luật lao động	3	
3342	2331320108	Đỗ Ngọc	Hân	23ĐHNL02	010100121204	Luật lao động	3	
3343	2331320155	Nguyễn Phạm Trà	My	23ĐHNL03	010100121204	Luật lao động	3	
3344	2331320164	Nguyễn Khánh	Ly	23ĐHNL03	010100121204	Luật lao động	3	
3345	2331320180	Trần Thị Như	Huyền	23ĐHNL03	010100121204	Luật lao động	3	
3346	2331320073	Nguyễn Hoàng Kim	Bảo	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3347	2331320182	Trần Nguyễn Vũ	Tài	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3348	2331320183	Lương Nhật	Mai	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3349	2331320187	Nguyễn Hoàng	Nam	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3350	2331320189	Cao Hoàng Anh	Kiệt	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3351	2331320193	Nguyễn Thảo	My	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3352	2331320203	Nguyễn Thái Xuân	Quỳnh	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3353	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	010100121204	Luật lao động	3	
3354	2231720168	Đặng Ngọc Đăng	Thy	22ĐHNADL	010100121601	Cú pháp học	2	
3355	2252210008	Phan Thị Thanh	Thảo	22ĐHNATM1	010100121601	Cú pháp học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3356	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	010100121601	Cú pháp học	2	
3357	2252210061	Bùi Thị Thiên	Hà	22ĐHNATM1	010100121601	Cú pháp học	2	
3358	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100121601	Cú pháp học	2	
3359	2252210017	Trương Tuyết	Linh	22ĐHNAHK	010100121602	Cú pháp học	2	
3360	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100121602	Cú pháp học	2	
3361	2252210046	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	22ĐHNATM1	010100121602	Cú pháp học	2	
3362	2252210064	Lâm Gia	Hân	22ĐHNATM1	010100121602	Cú pháp học	2	
3363	2252210062	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100121602	Cú pháp học	2	
3364	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	010100121602	Cú pháp học	2	
3365	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100121602	Cú pháp học	2	
3366	2252210114	Lê Nguyễn	Tuân	22ĐHNATM2	010100121602	Cú pháp học	2	
3367	2252210142	Nguyễn Quỳnh Nhật	Hạ	22ĐHNATM2	010100121602	Cú pháp học	2	
3368	2252210031	Nguyễn Thảo	Ly	22ĐHNADL	010100121603	Cú pháp học	2	
3369	2252210042	Tạ Hoàng Mai	Nhi	22ĐHNADL	010100121603	Cú pháp học	2	
3370	2252210090	Lê Anh	Thư	22ĐHNADL	010100121603	Cú pháp học	2	
3371	2252210024	Phan Lê Vân	Anh	22ĐHNAHK	010100121603	Cú pháp học	2	
3372	2252210025	Trần Thanh	Lam	22ĐHNAHK	010100121603	Cú pháp học	2	
3373	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100121603	Cú pháp học	2	
3374	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100121603	Cú pháp học	2	
3375	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100121603	Cú pháp học	2	
3376	2252210096	Mai Phan Quỳnh	Thư	22ĐHNATM2	010100121603	Cú pháp học	2	
3377	2252210049	Trần Thị	Thanh	22ĐHNADL	010100121604	Cú pháp học	2	
3378	2252210121	Nguyễn Tiểu	Phụng	22ĐHNADL	010100121604	Cú pháp học	2	
3379	2252210034	Trần Nguyên	Phương	22ĐHNATM1	010100121604	Cú pháp học	2	
3380	2252210065	Trần Thị Thu	Thảo	22ĐHNATM2	010100121604	Cú pháp học	2	
3381	2252210102	Nguyễn Phương	Vy	22ĐHNATM2	010100121604	Cú pháp học	2	
3382	2252210111	Nguyễn Công	Chính	22ĐHNATM2	010100121604	Cú pháp học	2	
3383	2252210118	Lê Phạm Vũ	Phúc	22ĐHNATM2	010100121604	Cú pháp học	2	
3384	2252210123	Hoàng Thị Minh	Trang	22ĐHNATM2	010100121604	Cú pháp học	2	
3385	2252210140	Nguyễn Thanh	Thư	22ĐHNATM2	010100121604	Cú pháp học	2	
3386	2252210017	Trương Tuyết	Linh	22ĐHNAHK	010100122401	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 2	3	
3387	2252210024	Phan Lê Vân	Anh	22ĐHNAHK	010100122401	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 2	3	
3388	2252210025	Trần Thanh	Lam	22ĐHNAHK	010100122401	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 2	3	
3389	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	010100122401	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 2	3	
3390	2252210164	Võ Thiện Phước	Tài	22ĐHNAHK	010100122401	Tiếng Anh chuyên ngành Khai thác Thương mại Hàng không 2	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3391	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	22ĐHDL01	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3392	2258130004	Đặng Thị Như	Quỳnh	22ĐHDL01	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3393	2258130005	Lê Nhựt	Huỳnh	22ĐHDL01	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3394	2258130007	Trịnh Thanh	Vàng	22ĐHDL01	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3395	2258130026	Vũ Tấn	Đức	22ĐHDL01	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3396	2258130053	Vương Cẩm	Vy	22ĐHDL02	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3397	2258130061	Lê Thị Xuân	Hiền	22ĐHDL02	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3398	2258130064	Nguyễn Phan Anh	Thi	22ĐHDL02	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3399	2258130069	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHDL02	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3400	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	22ĐHDL02	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3401	2258130097	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	22ĐHDL02	010100123301	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3402	2258130003	Lê Trần Cẩm	Vy	22ĐHDL01	010100123302	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3403	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	22ĐHDL01	010100123302	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3404	2258130058	Nguyễn Mỹ	Tâm	22ĐHDL02	010100123302	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3405	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	22ĐHDL02	010100123302	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3406	2258130070	Trương Thị Minh	Thư	22ĐHDL02	010100123302	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3407	2258130084	Ninh Thị Kiều	Trang	22ĐHDL02	010100123302	Quản trị điểm đến du lịch	3	
3408	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch	3	
3409	2258130003	Lê Trần Cẩm	Vy	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch	3	
3410	2258130004	Đặng Thị Như	Quỳnh	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch	3	
3411	2258130007	Trịnh Thanh	Vàng	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch	3	
3412	2258130026	Vũ Tấn	Đức	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch	3	
3413	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	22ĐHDL01	010100124301	Luật du lịch	3	
3414	2258130053	Vương Cẩm	Vy	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3415	2258130058	Nguyễn Mỹ	Tâm	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3416	2258130061	Lê Thị Xuân	Hiền	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3417	2258130064	Nguyễn Phan Anh	Thi	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3418	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3419	2258130069	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3420	2258130070	Trương Thị Minh	Thư	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3421	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3422	2258130084	Ninh Thị Kiều	Trang	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3423	2258130097	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3424	2258130116	Cao Bích	Ngọc	22ĐHDL02	010100124301	Luật du lịch	3	
3425	2331720068	Phan Bảo	Duy	23ĐHNA02	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3426	2331720115	Lê Phương	Nguyên	23ĐHNA03	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3427	2331720192	Vũ Thúy Uyên	Nhi	23ĐHNA04	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3428	2331720201	Hà Tường	Vy	23ĐHNA04	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3429	2331720253	Phạm Trần Khánh	Ly	23ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3430	2331720276	Lương Du Gia	Hoàng	23ĐHNA05	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3431	2331720333	Lê Huỳnh	Như	23ĐHNA06	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3432	2331720420	Đỗ Phương	Thảo	23ĐHNA07	010100132201	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3433	2252210167	Lê Bảo	Nhi	22ĐHNATM1	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3434	2252210083	Nguyễn Tiến	Phúc	22ĐHNATM2	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3435	2252210095	Lê Thị Diễm	Quỳnh	22ĐHNATM2	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3436	2331720396	Trương Thị Hồng	Hạnh	23ĐHNA01	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3437	2331720066	Phạm Hồng	Anh	23ĐHNA02	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3438	2331720092	Lê Thanh	Xuân	23ĐHNA02	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3439	2331720401	Nguyễn Trần Thảo	My	23ĐHNA02	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3440	2331720196	Trương Gia	Linh	23ĐHNA04	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3441	2331720233	Lê Thanh Kiều	My	23ĐHNA05	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3442	2331720238	Phạm Trần Minh	Thư	23ĐHNA05	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3443	2331720254	Trương Đào Ánh	Như	23ĐHNA05	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3444	2331720406	Vũ Thị Hoài	Thương	23ĐHNA05	010100132204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3445	2152210028	Bành Trương Thủy	Ngân	21ĐHNAHK	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3446	2252210160	Trần Lê Nhật	Tâm	22ĐHNATM2	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3447	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3448	2331720395	Trần Vũ Yến	Nhi	23ĐHNA01	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3449	2331720080	Trần Thị Lan	Anh	23ĐHNA02	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3450	2331720123	Cao Thị Hồng	Nhung	23ĐHNA03	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3451	2331720220	Lê Thị	Yến	23ĐHNA04	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3452	2331720234	Hồ Trần Anh	Quân	23ĐHNA05	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3453	2331720279	Vũ Thị Ngọc	Ánh	23ĐHNA05	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3454	2331720283	Hoàng Thị	Trang	23ĐHNA06	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3455	2331720356	Lê Thị Phương	Trình	23ĐHNA07	010100132208	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	
3456	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	22ĐHDL01	010100136801	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3457	2331730079	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	23ĐHDL01	010100136801	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3458	2331730108	Dương Thị Hồng	Yến	23ĐHDL02	010100136801	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3459	2331730126	Võ Thị Ngọc	Ngân	23ĐHDL03	010100136801	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3460	2331730017	Đoàn Ngọc Thảo	Chi	23ĐHDL01	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3461	2331730078	Nguyễn Hồng Thùy	Tiên	23ĐHDL02	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3462	2331730090	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	23ĐHDL02	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3463	2331730093	Nguyễn Thị Hương	Giang	23ĐHDL02	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3464	2331730101	Vương Thị Ngọc	Huyền	23ĐHDL02	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3465	2331730132	Phạm Huỳnh Thuý	Vy	23ĐHDL03	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3466	2331730134	Phạm Phan Ngọc	Ngà	23ĐHDL03	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3467	2331730135	Hoàng Thị Minh	Thư	23ĐHDL03	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3468	2331730137	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	23ĐHDL03	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3469	2331730151	Võ Thị Ngọc	Tú	23ĐHDL03	010100136802	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3470	2331730069	Đoàn Thái	Thanh	23ĐHDL02	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3471	2331730107	Nguyễn Kiều	Ngân	23ĐHDL02	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3472	2331730113	Hoàng Lê Bình	An	23ĐHDL02	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3473	2331730119	Đỗ Quốc	Việt	23ĐHDL02	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3474	2331730122	Mai Nguyễn Bảo	Nhi	23ĐHDL03	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3475	2331730145	Phạm Ngọc	Thảo	23ĐHDL03	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3476	2331730155	Lưu Hoàng	Đức	23ĐHDL03	010100136803	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	
3477	2201150007	Thái Thị Thu	Hằng	22CĐTM01	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3478	2253440037	Từ Mỹ	Tiên	22ĐHNL01	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3479	2253440079	Phạm Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3480	2253440084	Trần Hoàng	Ân	22ĐHNL02	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3481	2253440085	Trịnh Hữu	Thịnh	22ĐHNL02	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3482	2253440086	Sơn Trường	Vũ	22ĐHNL02	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3483	2253440092	Lâm Đồng Thanh	Thảo	22ĐHNL02	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3484	2254810167	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	22ĐHTT04	010100138101	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3485	2253440033	Võ Vũ Minh	Chi	22ĐHNL01	010100138102	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3486	2253440073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHNL02	010100138102	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3487	2253440083	Huỳnh Thị Út	Thiện	22ĐHNL02	010100138102	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3488	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100138102	Hệ thống thông tin nhân lực	3	
3489	2253440037	Từ Mỹ	Tiên	22ĐHNL01	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3490	2253440073	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHNL02	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3491	2253440079	Phạm Hồng	Ngọc	22ĐHNL02	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3492	2253440092	Lâm Đồng Thanh	Thảo	22ĐHNL02	010100138501	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3493	2253440083	Huỳnh Thị Út	Thiện	22ĐHNL02	010100138502	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3494	2253440084	Trần Hoàng	Ân	22ĐHNL02	010100138502	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3495	2253440085	Trịnh Hữu	Thịnh	22ĐHNL02	010100138502	Lập kế hoạch kinh doanh	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3496	2253440086	Sơn Trường	Vũ	22ĐHNL02	010100138502	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3497	2253440108	Phan Hà Thảo	Vy	22ĐHNL02	010100138502	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
3498	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	22ĐHDL01	010100141701	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3499	2258130003	Lê Trần Cẩm	Vy	22ĐHDL01	010100141701	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3500	2258130049	Trương Lý Bảo	Nhi	22ĐHDL01	010100141701	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3501	2258130053	Vương Cẩm	Vy	22ĐHDL02	010100141701	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3502	2258130064	Nguyễn Phan Anh	Thi	22ĐHDL02	010100141701	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3503	2258130097	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	22ĐHDL02	010100141701	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3504	2258130004	Đặng Thị Như	Quỳnh	22ĐHDL01	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3505	2258130007	Trịnh Thanh	Vàng	22ĐHDL01	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3506	2258130026	Vũ Tấn	Đức	22ĐHDL01	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3507	2258130058	Nguyễn Mỹ	Tâm	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3508	2258130061	Lê Thị Xuân	Hiền	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3509	2258130066	Lê Trần Phương	Trang	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3510	2258130069	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3511	2258130070	Trương Thị Minh	Thư	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3512	2258130082	Lê Trần Tuyết Thanh	Thanh	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3513	2258130084	Ninh Thị Kiều	Trang	22ĐHDL02	010100141702	Văn hóa ứng xử và giao tiếp trong du lịch	3	
3514	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	22ĐHQTTTH	010100145901	Đàm phán trong quản trị	2	
3515	2253410161	Nguyễn Trần Hồng	Nhung	22ĐHQTTTH	010100145901	Đàm phán trong quản trị	2	
3516	2253410183	Trần Nhật	Vy	22ĐHQTTTH	010100145901	Đàm phán trong quản trị	2	
3517	2253410197	Trần Ngọc Tuyết	Như	22ĐHQTTTH	010100145901	Đàm phán trong quản trị	2	
3518	2253410266	Phạm Phương	Anh	22ĐHQTTTH	010100145901	Đàm phán trong quản trị	2	
3519	2253410353	Nguyễn Ngọc	Phượng	22ĐHQTTTH	010100145901	Đàm phán trong quản trị	2	
3520	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3521	2331740044	Trần Đức	Huy	23ĐHKV01	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3522	2331740104	Phạm Ngọc Khánh	Hòa	23ĐHKV02	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3523	2331740114	Nguyễn Trần Ngân	Khánh	23ĐHKV03	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3524	2331740140	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	23ĐHKV03	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3525	2331740161	Phan Nguyễn Anh	Tuấn	23ĐHKV03	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3526	2331740218	Trần Ngọc Thảo	Sương	23ĐHKV04	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3527	2331740224	Phan Quốc	Bảo	23ĐHKV05	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3528	2331740256	Nguyễn Công	Chính	23ĐHKV05	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3529	2331740257	Lê Thị Ánh	Tuyết	23ĐHKV05	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3530	2331310091	Phan Huy	Khánh	23ĐHQTT02	010100146601	Luật thương mại QT	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3531	2331310125	Phan Diên Kỳ	Bội	23ĐHQT03	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3532	2331310127	Vũ Nguyên	Phúc	23ĐHQT03	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3533	2331310261	Nguyễn Hoa	Trắng	23ĐHQT05	010100146601	Luật thương mại QT	2	
3534	2331740005	Nguyễn Bích	Quyên	23ĐHKV01	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3535	2331740037	Nguyễn Lê Minh	Ngọc	23ĐHKV01	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3536	2331740038	Lê Bảo	Uyên	23ĐHKV01	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3537	2331740055	Phan Bảo	Đạt	23ĐHKV01	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3538	2331740280	Bùi An	Phú	23ĐHKV01	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3539	2331740060	Nguyễn Thị Hương	Mơ	23ĐHKV02	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3540	2331740087	Phạm Thành	Trung	23ĐHKV02	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3541	2331740101	Nguyễn Đăng	Khoa	23ĐHKV02	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3542	2331740135	Phan Thị Thúy	Anh	23ĐHKV03	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3543	2331740145	Nguyễn Phạm Kiều	Ni	23ĐHKV03	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3544	2331740155	Ngô Trí	Tín	23ĐHKV03	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3545	2331740171	Phạm Thúy	Anh	23ĐHKV04	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3546	2331740183	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	23ĐHKV04	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3547	2331740202	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngân	23ĐHKV04	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3548	2331740206	Vũ Thị Minh	Hiếu	23ĐHKV04	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3549	2331740268	Nguyễn Ngọc Trà	An	23ĐHKV04	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3550	2331740230	Sơn Triệu	Duy	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3551	2331740238	Nguyễn	Hoàng	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3552	2331740246	Lê Thị Mỹ	Quyên	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3553	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3554	2331740252	Trịnh Thu	Nga	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3555	2331740262	Lê Bùi Hạnh	Nguyên	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3556	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3557	2331740270	Trần Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3558	2331740271	Trịnh Thị	Quỳnh	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3559	2331740272	Trương Thị Huỳnh	Như	23ĐHKV05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3560	2331310224	Trần Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT04	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3561	2331310289	Nguyễn Yến	Nhi	23ĐHQT05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3562	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3563	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	010100146602	Luật thương mại QT	2	
3564	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100146801	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3565	2250000074	Đinh Thị Như	Ý	22ĐHKVKH	010100146801	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3566	2250000003	Đinh Văn Thành	Nam	22ĐHKVLĐ	010100146802	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3567	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100146802	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3568	2250000193	Nguyễn Viết	Văn	22ĐHKVLĐ	010100146802	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3569	2253410334	Võ Ngân	Anh	22ĐHKVLĐ	010100146802	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3570	2250000176	Trần Yên	Vy	22ĐHKVLQ2	010100146802	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3571	2250000073	Trần Lan	Hương	22ĐHKVLQ1	010100146803	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3572	2250000118	Võ Ngọc Quỳnh	Châu	22ĐHKVLQ1	010100146803	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3573	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100146803	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3574	2250000189	Lê Thanh	Sang	22ĐHKVLQ1	010100146803	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3575	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100146804	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3576	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100146804	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3577	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100146804	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3578	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100146804	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3579	2250000052	Nguyễn Khắc Thành	Trung	22ĐHKVLQ2	010100146804	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3580	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100146804	Thực hành nghề nghiệp Kinh tế hàng không	3	
3581	2250000073	Trần Lan	Hương	22ĐHKVLQ1	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3582	2250000118	Võ Ngọc Quỳnh	Châu	22ĐHKVLQ1	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3583	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3584	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3585	2250000052	Nguyễn Khắc Thành	Trung	22ĐHKVLQ2	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3586	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3587	2250000176	Trần Yên	Vy	22ĐHKVLQ2	010100146901	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3588	2250000189	Lê Thanh	Sang	22ĐHKVLQ1	010100146902	Vận tải và giao nhận hàng hoá	3	
3589	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100147301	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3590	2253410334	Võ Ngân	Anh	22ĐHKVLĐ	010100147301	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3591	2250000140	Phạm Ngọc	Trình	22ĐHKVLQ1	010100147301	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3592	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100147301	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3593	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100147301	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3594	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100147302	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3595	2250000176	Trần Yên	Vy	22ĐHKVLQ2	010100147302	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	2	
3596	2250000003	Đinh Văn Thành	Nam	22ĐHKVLĐ	010100147401	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	3	
3597	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100147401	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	3	
3598	2250000193	Nguyễn Viết	Văn	22ĐHKVLĐ	010100147401	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	3	
3599	2253410334	Võ Ngân	Anh	22ĐHKVLĐ	010100147401	Vận chuyển hàng hoá bằng đường biển	3	
3600	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100147501	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3601	2250000193	Nguyễn Viết	Văn	22ĐHKVLĐ	010100147501	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	2	
3602	2253410334	Võ Ngân	Anh	22ĐHKVLĐ	010100147501	Vận chuyển Hàng hoá bằng Container	2	
3603	2250000003	Đinh Văn Thành	Nam	22ĐHKVLĐ	010100147601	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	2	
3604	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100147601	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	2	
3605	2250000193	Nguyễn Viết	Văn	22ĐHKVLĐ	010100147601	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	2	
3606	2253410334	Võ Ngân	Anh	22ĐHKVLĐ	010100147601	Vận chuyển Hàng hoá bằng đường Thuỷ nội địa	2	
3607	2250000048	Phạm Gia	Khoa	22ĐHKVKH	010100148002	Bảo hiểm vận tải	2	
3608	2250000003	Đinh Văn Thành	Nam	22ĐHKVLĐ	010100148002	Bảo hiểm vận tải	2	
3609	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100148002	Bảo hiểm vận tải	2	
3610	2250000070	Nguyễn Trường	Son	22ĐHKVLĐ	010100148101	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3611	2250000189	Lê Thanh	Sang	22ĐHKVLQ1	010100148102	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3612	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	010100148102	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3613	2255130104	Mai Phạm Bảo	Long	22ĐHKVLQ1	010100148102	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3614	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100148102	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3615	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100148102	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3616	2250000176	Trần Yên	Vy	22ĐHKVLQ2	010100148102	Hàng hóa nguy hiểm	2	
3617	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3618	2334330005	Cao Thị	Lượm	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3619	2334330017	Đinh Ngọc Phương	Trình	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3620	2334330022	Trần Đỗ Thảo	Ly	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3621	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3622	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3623	2334330027	Đặng Thị Hồng	Lý	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3624	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3625	2334330030	Đỗ Xuân	Hương	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3626	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3627	2334330037	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3628	2334330042	Nguyễn MạNh	Khôi	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3629	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3630	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3631	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100152801	Introduction to Research Methods	2	
3632	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3633	2334330005	Cao Thị	Lượm	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3634	2334330017	Đinh Ngọc Phương	Trình	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3635	2334330022	Trần Đỗ Thảo	Ly	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3636	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3637	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3638	2334330027	Đặng Thị Hồng	Lý	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3639	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3640	2334330030	Đỗ Xuân	Hương	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3641	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3642	2334330037	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3643	2334330042	Nguyễn Mạnh	Khôi	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3644	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3645	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3646	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100153101	Human Resources Management	3	
3647	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3648	2334330005	Cao Thị	Lượng	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3649	2334330017	Đinh Ngọc Phương	Trình	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3650	2334330022	Trần Đỗ Thảo	Ly	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3651	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3652	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3653	2334330027	Đặng Thị Hồng	Lý	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3654	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3655	2334330030	Đỗ Xuân	Hương	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3656	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3657	2334330037	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3658	2334330042	Nguyễn Mạnh	Khôi	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3659	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3660	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3661	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100153201	Marketing Management	3	
3662	2331720409	Nguyễn Quốc	Khánh	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3663	2334330005	Cao Thị	Lượng	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3664	2334330017	Đinh Ngọc Phương	Trình	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3665	2334330022	Trần Đỗ Thảo	Ly	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3666	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3667	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3668	2334330027	Đặng Thị Hồng	Lý	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3669	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3670	2334330030	Đỗ Xuân	Hương	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3671	2334330042	Nguyễn MạNh	Khôi	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3672	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3673	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3674	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100154201	Aviation Law	2	
3675	2334330005	Cao Thị	Lượng	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3676	2334330017	Đinh Ngọc Phương	Trinh	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3677	2334330022	Trần Đỗ Thảo	Ly	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3678	2334330025	Nguyễn Lê Linh	Chi	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3679	2334330026	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3680	2334330027	Đặng Thị Hồng	Lý	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3681	2334330028	Lê Ngọc	Duy	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3682	2334330030	Đỗ Xuân	Hương	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3683	2334330033	Nguyễn Đăng	Khuê	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3684	2334330037	Nguyễn Hoàng Quang	Huy	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3685	2334330042	Nguyễn MạNh	Khôi	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3686	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3687	2334330045	Trần Phương	Thùy	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3688	2334330046	Trương Văn	Thanh	23ĐAQT01	010100155401	International Business	3	
3689	2250000189	Lê Thanh	Sang	22ĐHKVLQ1	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3690	2250000085	Ngô Thị Minh	Trâm	22ĐHKVLQ2	010100157701	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3691	2250000073	Trần Lan	Hương	22ĐHKVLQ1	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3692	2250000118	Võ Ngọc Quỳnh	Châu	22ĐHKVLQ1	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3693	2250000011	Phạm Thanh	An	22ĐHKVLQ2	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3694	2250000030	Ngô Nguyễn Minh	Anh	22ĐHKVLQ2	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3695	2250000052	Nguyễn Khắc Thành	Trung	22ĐHKVLQ2	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3696	2250000176	Trần Yến	Vy	22ĐHKVLQ2	010100157702	Quản trị rủi ro & an ninh và an toàn - chuỗi cung ứng	3	
3697	2053020036	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	20ĐHĐT01	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3698	2331520144	Lê Trọng Bảo	Duy	23ĐHKT03	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3699	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3700	2331310159	Phan Nhật	Khôi	23ĐHQT03	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3701	2331310167	Đinh Hữu Thái	Thịnh	23ĐHQT03	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3702	2331310605	La Kim	Thư	23ĐHQT05	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3703	2331740292	Vũ Hoàng	Anh	23ĐHQT05	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3704	2331530085	Nguyễn Văn	Long	23ĐHTĐ02	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3705	2331540287	Phan Nguyên	An	23ĐHTT02	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3706	2331540340	Trần Thị Kim	Hoa	23ĐHTT06	010100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3707	2331310148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23ĐHQT03	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3708	2331540305	Lê Quang	Huy	23ĐHTT02	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3709	2331540363	Dương Đức	Dương	23ĐHTT02	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3710	2331540137	Lê Hùng	Anh	23ĐHTT03	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3711	2331540176	Lê Vũ Hải	Bằng	23ĐHTT04	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3712	2331540182	Nguyễn Trung	Kiên	23ĐHTT04	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3713	2331540215	Phạm Anh	Huy	23ĐHTT04	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3714	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	23ĐHTT05	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3715	2331540286	Cao Anh	Tuấn	23ĐHTT06	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3716	2331540329	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHTT06	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3717	2331540346	Nguyễn Vũ Tuấn	Kiệt	23ĐHTT06	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3718	2331540348	Nguyễn Quốc	Huy	23ĐHTT06	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3719	2331540355	Trần Quốc	An	23ĐHTT06	010100158803	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3720	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3721	2331710041	Hồ Đăng	Khoa	23ĐHKL01	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3722	2331710073	Vương Phúc	Khang	23ĐHKL02	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3723	2331530051	Đoàn Nhật	Thy	23ĐHTĐ02	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3724	2331530056	Vũ Minh	Triết	23ĐHTĐ02	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3725	2331530090	Võ Bá	Hỗ	23ĐHTĐ02	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3726	2331540004	Nguyễn Minh	Sang	23ĐHTT01	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3727	2331540360	Nguyễn Trung	Đức	23ĐHTT06	010100158804	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
3728	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100160301	Sea transport	3	
3729	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100160501	Inland Waterway Transport	2	
3730	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100160701	Dangerous Goods	2	
3731	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100160801	ICT in Freight Forwarding	2	
3732	2250000174	Đinh Thị Gia	Nghi	22ĐHKVLQ1	010100161101	Insurance	2	
3733	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3734	2332710032	Ngô Xuân	Hiền	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3735	2332710040	Phạm Quang	Khải	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3736	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3737	2332710050	Lê Minh	Nghi	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3738	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3739	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	23ĐVKL01	010200002401	Hình họa & vẽ kỹ thuật	2	
3740	2238420004	Bùi Tuấn	Khiêm	22ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3741	2238420011	Nguyễn Tuấn	Minh	22ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không	2	
3742	2238420012	Nguyễn Gia	Huy	22ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không	2	
3743	2238420013	Lê Thị Mỹ	Linh	22ĐVKL01	010200008101	An toàn hàng không	2	
3744	2031010012	Cáp Nam	Giang	20ĐVQT01	010200011201	Quản trị dự án	3	
3745	2233410003	Lê Duy	Anh	22ĐVQT01	010200011201	Quản trị dự án	3	
3746	2031010012	Cáp Nam	Giang	20ĐVQT01	010200011501	Quản trị chiến lược	3	
3747	2233410003	Lê Duy	Anh	22ĐVQT01	010200011501	Quản trị chiến lược	3	
3748	2031010012	Cáp Nam	Giang	20ĐVQT01	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp	2	
3749	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp	2	
3750	2233410003	Lê Duy	Anh	22ĐVQT01	010200012301	Văn hóa doanh nghiệp	2	
3751	2133410025	Đỗ Minh	Trí	21ĐVQT01	010200044701	Hành vi tổ chức	3	
3752	2233410003	Lê Duy	Anh	22ĐVQT01	010200044701	Hành vi tổ chức	3	
3753	2138420004	Nguyễn Minh	Thông	21ĐVKL01	010200049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
3754	2238420004	Bùi Tuấn	Khiêm	22ĐVKL01	010200049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
3755	2238420011	Nguyễn Tuấn	Minh	22ĐVKL01	010200049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
3756	2238420012	Nguyễn Gia	Huy	22ĐVKL01	010200049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
3757	2238420013	Lê Thị Mỹ	Linh	22ĐVKL01	010200049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
3758	2233410003	Lê Duy	Anh	22ĐVQT01	010200052401	Lịch sử Đảng	2	
3759	2233410004	Nguyễn Đức	Phan	22ĐVQT01	010200052401	Lịch sử Đảng	2	
3760	2233410007	Lê Thanh	Sơn	22ĐVQT01	010200052401	Lịch sử Đảng	2	
3761	2233410008	Lê Quốc	Huy	22ĐVQT01	010200052401	Lịch sử Đảng	2	
3762	2233410011	Phí Đức	Long	22ĐVQT01	010200052401	Lịch sử Đảng	2	
3763	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3764	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3765	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3766	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3767	2332710032	Ngô Xuân	Hiền	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3768	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3769	2332710040	Phạm Quang	Khải	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3770	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3771	2332710050	Lê Minh	Nghi	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3772	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3773	2332710056	Đinh Nam	Du	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3774	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	23ĐVKL01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3775	2332310004	Trần Lê Elvis	Tuấn	23ĐVQT01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3776	2332310007	Nguyễn Tâm	Phúc	23ĐVQT01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3777	2332310009	Ngô Hoàng Diệu	Linh	23ĐVQT01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3778	2332310011	Nguyễn Gia	Quý	23ĐVQT01	010200054801	Tổng quan về HKDD	3	
3779	2138420004	Nguyễn Minh	Thông	21ĐVKL01	010200063501	Bản đồ hàng không	2	
3780	2238420004	Bùi Tuấn	Khiêm	22ĐVKL01	010200063501	Bản đồ hàng không	2	
3781	2238420011	Nguyễn Tuấn	Minh	22ĐVKL01	010200063501	Bản đồ hàng không	2	
3782	2238420012	Nguyễn Gia	Huy	22ĐVKL01	010200063501	Bản đồ hàng không	2	
3783	2238420013	Lê Thị Mỹ	Linh	22ĐVKL01	010200063501	Bản đồ hàng không	2	
3784	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3785	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3786	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3787	2332710024	Trần Nguyên	Khánh	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3788	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3789	2332710032	Ngô Xuân	Hiển	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3790	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3791	2332710040	Phạm Quang	Khải	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3792	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3793	2332710050	Lê Minh	Nghi	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3794	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3795	2332710056	Đinh Nam	Du	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3796	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	23ĐVKL01	010200065901	Cơ học và tính năng tàu bay	3	
3797	2238420004	Bùi Tuấn	Khiêm	22ĐVKL01	010200074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
3798	2238420011	Nguyễn Tuấn	Minh	22ĐVKL01	010200074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
3799	2238420012	Nguyễn Gia	Huy	22ĐVKL01	010200074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
3800	2238420013	Lê Thị Mỹ	Linh	22ĐVKL01	010200074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
3801	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	23ĐVKL01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3802	2332710032	Ngô Xuân	Hiển	23ĐVKL01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3803	2332710041	Nguyễn Tấn Nhật	Anh	23ĐVKL01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3804	2332710050	Lê Minh	Nghi	23ĐVKL01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3805	2332710051	Vũ Hoàng	Lân	23ĐVKL01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3806	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	23ĐVKL01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3807	2332310004	Trần Lê Elvis	Tuấn	23ĐVQT01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3808	2332310007	Nguyễn Tâm	Phúc	23ĐVQT01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3809	2332310009	Ngô Hoàng Diệu	Linh	23ĐVQT01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	
3810	2332310011	Nguyễn Gia	Quý	23ĐVQT01	010200074701	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3811	2138420004	Nguyễn Minh	Thông	21ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3812	2238420012	Nguyễn Gia	Huy	22ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3813	2332710008	Nguyễn Trung	Hiếu	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3814	2332710013	Nguyễn Gia	Thắng	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3815	2332710016	Mai Phương Diệu	Linh	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3816	2332710018	Phạm Ngọc	Khánh	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3817	2332710024	Trần Nguyễn	Khánh	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3818	2332710025	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3819	2332710028	Hoàng Trung	Hiếu	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3820	2332710029	Lê Hữu	Văn	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3821	2332710032	Ngô Xuân	Hiền	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3822	2332710035	Nguyễn Thành Mạnh	Duy	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3823	2332710036	Hoàng Thị Bảo	Trần	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3824	2332710040	Phạm Quang	Khải	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3825	2332710042	Dương Hồng	Ngọc	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3826	2332710050	Lê Minh	Nghi	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3827	2332710052	Nguyễn Bảo	Ngọc	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3828	2332710056	Đinh Nam	Du	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3829	2332710059	Đinh Sỹ Tuấn	Anh	23ĐVKL01	010200081101	Động cơ tàu bay	3	
3830	2158420009	Phạm Trường	Huy	21ĐHKL01	010800006701	Đồ án môn học 2	2	
3831	2158420025	Nguyễn Anh	Tuấn	21ĐHKL01	010800006701	Đồ án môn học 2	2	
3832	2158420032	Nguyễn Hoàng	Vũ	21ĐHKL01	010800006701	Đồ án môn học 2	2	
3833	2158420043	Phùng Kỳ	Hiếu	21ĐHKL01	010800006701	Đồ án môn học 2	2	
3834	2158420052	Lưu Thế	Kiệt	21ĐHKL01	010800006701	Đồ án môn học 2	2	
3835	2158420001	Nguyễn Đắc	Hoàng	21ĐHKL01	010800006702	Đồ án môn học 2	2	
3836	2158420023	Nguyễn Xuân	Dương	21ĐHKL01	010800006702	Đồ án môn học 2	2	
3837	2158420029	Đặng Nhật	Khang	21ĐHKL01	010800006702	Đồ án môn học 2	2	
3838	2158420037	Trần Trọng	Hiền	21ĐHKL01	010800006702	Đồ án môn học 2	2	
3839	2331510022	Phan Thị Yến	Nhi	23ĐHĐT01	010800006702	Đồ án môn học 2	2	
3840	2158420001	Nguyễn Đắc	Hoàng	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	
3841	2158420009	Phạm Trường	Huy	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	
3842	2158420023	Nguyễn Xuân	Dương	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	
3843	2158420025	Nguyễn Anh	Tuấn	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	
3844	2158420032	Nguyễn Hoàng	Vũ	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	
3845	2158420043	Phùng Kỳ	Hiếu	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3846	2158420052	Lưu Thế	Kiệt	21ĐHKL01	010800029301	Thiết kế và tổ chức vùng trời	3	
3847	1951200047	Lathsomdy	Julaphone	19ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3848	2051200015	Cao Văn	Hiếu	20ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3849	2051200065	Lâm Hưng	Thịnh	20ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3850	2155200003	Lưu Huỳnh Minh	Nhật	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3851	2155200007	Hoàng Diệu Phương	Ánh	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3852	2155200022	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3853	2155200023	Lê Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3854	2155200025	Ngô Văn Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3855	2155200043	Nguyễn Thị	Quyên	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3856	2155200044	Nguyễn Bảo	Tâm	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3857	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3858	2155200059	Dương Thị Lam	Vy	21ĐHKT01	010800034601	Vật liệu hàng không	3	
3859	2158420001	Nguyễn Đắc	Hoàng	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3860	2158420009	Phạm Trường	Huy	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3861	2158420023	Nguyễn Xuân	Dương	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3862	2158420025	Nguyễn Anh	Tuân	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3863	2158420032	Nguyễn Hoàng	Vũ	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3864	2158420043	Phùng Kỳ	Hiếu	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3865	2158420052	Lưu Thế	Kiệt	21ĐHKL01	010800049101	Quản lý luồng không lưu	3	
3866	2055200109	Nguyễn Quang	Thái	20ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3867	2155200003	Lưu Huỳnh Minh	Nhật	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3868	2155200007	Hoàng Diệu Phương	Ánh	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3869	2155200022	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3870	2155200023	Lê Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3871	2155200025	Ngô Văn Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3872	2155200043	Nguyễn Thị	Quyên	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3873	2155200044	Nguyễn Bảo	Tâm	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3874	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3875	2155200059	Dương Thị Lam	Vy	21ĐHKT01	010800054001	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	5	
3876	2055200109	Nguyễn Quang	Thái	20ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3877	2155200003	Lưu Huỳnh Minh	Nhật	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3878	2155200007	Hoàng Diệu Phương	Ánh	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3879	2155200022	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3880	2155200023	Lê Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3881	2155200025	Ngô Văn Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3882	2155200043	Nguyễn Thị	Quyên	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3883	2155200044	Nguyễn Bảo	Tâm	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3884	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3885	2155200059	Dương Thị Lam	Vy	21ĐHKT01	010800054101	Các hệ thống trên tàu bay 1	4	
3886	2055200109	Nguyễn Quang	Thái	20ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3887	2155200003	Lưu Huỳnh Minh	Nhật	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3888	2155200007	Hoàng Diệu Phương	Ánh	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3889	2155200022	Nguyễn Hoàng Duy	Khang	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3890	2155200023	Lê Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3891	2155200025	Ngô Văn Anh	Khôi	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3892	2155200043	Nguyễn Thị	Quyên	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3893	2155200044	Nguyễn Bảo	Tâm	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3894	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3895	2155200059	Dương Thị Lam	Vy	21ĐHKT01	010800062101	Động cơ tua bin khí 2	3	
3896	1953020094	Trần Đình	Phụng	19ĐHĐT02	010800073101	Chuyên đề 2	2	
3897	1951200047	Lathsomdy	Julaphone	19ĐHKT01	010800073101	Chuyên đề 2	2	
3898	2053020093	Thái Gia	Bảo	20ĐHĐT02	010800073101	Chuyên đề 2	2	
3899	2055200109	Nguyễn Quang	Thái	20ĐHKT01	010800073101	Chuyên đề 2	2	
3900	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	010800073101	Chuyên đề 2	2	
3901	2158420001	Nguyễn Đắc	Hoàng	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3902	2158420009	Phạm Trường	Huy	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3903	2158420023	Nguyễn Xuân	Dương	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3904	2158420025	Nguyễn Anh	Tuấn	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3905	2158420032	Nguyễn Hoàng	Vũ	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3906	2158420043	Phùng Kỳ	Hiếu	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3907	2158420052	Lưu Thế	Kiệt	21ĐHKL01	010800101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	3	
3908	2158420001	Nguyễn Đắc	Hoàng	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3909	2158420009	Phạm Trường	Huy	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3910	2158420023	Nguyễn Xuân	Dương	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3911	2158420025	Nguyễn Anh	Tuấn	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3912	2158420032	Nguyễn Hoàng	Vũ	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3913	2158420043	Phùng Kỳ	Hiếu	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3914	2158420052	Lưu Thế	Kiệt	21ĐHKL01	010800134001	Quản lý không lưu	4	
3915	2254810127	Nguyễn Văn	Quang	22ĐHTT03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3916	2331730145	Phạm Ngọc	Thảo	23ĐHDL03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3917	2331510016	Võ Lê Hồng	Trúc	23ĐHĐT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3918	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3919	2331510050	Nguyễn Phước	Thịnh	23ĐHĐT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3920	2331740183	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	23ĐHKV04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3921	2331720034	Hồ Thanh	Lâm	23ĐHNA01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3922	2331720423	Nguyễn Nam	Anh	23ĐHNA01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3923	2331720068	Phan Bảo	Duy	23ĐHNA02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3924	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	23ĐHNA04	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3925	2331720228	Võ Hoàng	Oanh	23ĐHNA05	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3926	2331720321	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	23ĐHNA06	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3927	2331720339	Thái Văn	Bảo	23ĐHNA07	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3928	2331310563	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	23ĐHQT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3929	2331310610	H Juin	Ayun	23ĐHQT01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3930	2331310098	Vũ Nhật	Hạ	23ĐHQT02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3931	2331310117	Phạm Huỳnh Hà	Anh	23ĐHQT02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3932	2331310568	Lê Thị Mai	Phương	23ĐHQT02	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3933	2331310141	Lê Nguyễn Trùng	Dương	23ĐHQT03	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3934	2331310314	Trần Nguyễn Phương	Ly	23ĐHQT06	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3935	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	23ĐHQT06	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3936	2331310520	Phạm Thị Quỳnh	Như	23ĐHQT09	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3937	2331530024	Hồ Dương Đức	Trọng	23ĐHTĐ01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3938	2331530097	Dương Quốc	Thắng	23ĐHTĐ01	011100000102	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	
3939	2255120007	Võ Minh	Sang	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3940	2255120008	Mã Minh	Tiến	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3941	2255120028	Nguyễn Duy	Khang	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3942	2255120030	Vũ Nguyễn Trung	Hiếu	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3943	2255120040	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3944	2255120045	Đặng Thế	Bảo	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3945	2255120099	Trịnh Viết Minh	Phong	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3946	2255120106	Nguyễn Thụy Trâm	Anh	22ĐHĐT01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3947	2255120056	Nguyễn Phúc	Văn	22ĐHĐT02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3948	2255120062	Võ Minh	Đăng	22ĐHĐT02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3949	2255120072	Dương Hà	Anh	22ĐHĐT02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3950	2255120095	Lê Hà	Vi	22ĐHĐT02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3951	2255120100	Đặng Vĩ	Quốc	22ĐHĐT02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3952	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3953	2255130007	Nguyễn Đăng	Kiệt	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3954	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3955	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3956	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3957	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3958	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3959	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3960	2255130046	Trương Tứ Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3961	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3962	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3963	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3964	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3965	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3966	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3967	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3968	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3969	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3970	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3971	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3972	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3973	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3974	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3975	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3976	2254810305	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	22ĐHTT06	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3977	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐH XD01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3978	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐH XD01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3979	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐH XD01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3980	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐH XD01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3981	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐH XD01	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3982	2331720206	Trịnh Phúc	Lộc	23ĐHNA04	011100000301	Pháp luật đại cương	2	
3983	2154810092	Võ Hoàng	Danh	21ĐHTT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3984	2255120009	Nguyễn Gia	Bảo	22ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3985	2255120012	Đàm Nam	Khánh	22ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
3986	2255120018	Nguyễn	Hoàng	22ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3987	2255120020	Nguyễn Minh	Quân	22ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3988	2255120023	Trần Thiện	Huân	22ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3989	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3990	2255120055	Nguyễn Hoàng Phương	Vũ	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3991	2255120070	Hồ Cẩm	Đào	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3992	2255120081	Huỳnh Thanh	Trí	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3993	2255120085	Huỳnh Kim	Thùy	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3994	2255120086	Võ Bá	Minh	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3995	2255120087	Trương Hồ Vũ	Lân	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3996	2255120094	Nguyễn Hoàng	Nhi	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3997	2255120098	Ngô Thị Kim	Liên	22ĐHĐT02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3998	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
3999	2255130028	Nguyễn Huy	Hiếu	22ĐHTĐ01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4000	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4001	2255130102	Nguyễn Thái	Sơn	22ĐHTĐ01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4002	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4003	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4004	2254810185	Đinh Thị Quỳnh	Như	22ĐHTT04	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4005	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4006	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4007	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4008	2331510071	Hoàng Thị Kiều	Trình	23ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4009	2331510072	Phan Hoàng	Vũ	23ĐHĐT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4010	2331310058	Nguyễn Thị Ái	Linh	23ĐHQT01	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4011	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4012	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	011100000302	Pháp luật đại cương	2	
4013	2105120058	Ứng Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4014	2105120072	Nguyễn Đăng Duy	Nhất	21ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4015	2105120094	Bùi Xuân	Sơn	21ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4016	2153410009	Phan Thanh	Cao	21ĐHQTVT1	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4017	2255120002	Võ Nhật Thanh	Vi	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4018	2255120004	Trần Hoàng Duy	Anh	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4019	2255120007	Võ Minh	Sang	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4020	2255120008	Mã Minh	Tiến	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4021	2255120009	Nguyễn Gia	Bảo	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4022	2255120018	Nguyễn	Hoàng	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4023	2255120020	Nguyễn Minh	Quân	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4024	2255120023	Trần Thiện	Huân	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4025	2255120027	Dương Minh	Chiến	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4026	2255120028	Nguyễn Duy	Khang	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4027	2255120030	Vũ Nguyễn Trung	Hiếu	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4028	2255120033	Vũ Thị Cẩm	Ly	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4029	2255120040	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4030	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4031	2255120045	Đặng Thế	Bảo	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4032	2255120046	Nguyễn HuỳNh Tuyết	Nhi	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4033	2255120049	Nguyễn Anh	Khoa	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4034	2255120099	Trịnh Viết Minh	Phong	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4035	2255120106	Nguyễn Thụy Trâm	Anh	22ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4036	2255120056	Nguyễn Phúc	Văn	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4037	2255120062	Võ Minh	Đặng	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4038	2255120070	Hồ Cẩm	Đào	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4039	2255120072	Dương Hà	Anh	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4040	2255120081	Huỳnh Thanh	Trí	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4041	2255120085	Huỳnh Kim	Thùy	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4042	2255120086	Võ Bá	Minh	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4043	2255120087	Trương Hồ Vũ	Lân	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4044	2255120094	Nguyễn Hoàng	Nhi	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4045	2255120095	Lê Hà	Vi	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4046	2255120098	Ngô Thị Kim	Liên	22ĐHĐT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4047	2255200001	Trần Thái	Toàn	22ĐHKT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4048	2255130033	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22ĐHKVLQ1	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4049	2252210047	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	22ĐHNAHK	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4050	2252210052	Nguyễn Thị Phương	Du	22ĐHNATM1	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4051	2252210079	Lý Tuyết	Vy	22ĐHNATM2	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4052	2253410288	Ngô Ngọc Bảo	Hân	22ĐHQTC4	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4053	2231310368	Võ Thị Bích	Ngọc	22ĐHQTTTH	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4054	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4055	2255130102	Nguyễn Thái	Son	22ĐHTĐ01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4056	2254810313	Ngô Văn Đức	Thịnh	22ĐHTT02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4057	2254810319	Nguyễn Khánh	Hoàng	22ĐHTT03	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4058	2254810185	Đinh Thị Quỳnh	Như	22ĐHTT04	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4059	2254810322	Hạ Ngọc	Mai	22ĐHTT04	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4060	2254810254	Trần Quang	Cường	22ĐHTT05	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4061	2254810274	Phùng Bảo	Long	22ĐHTT06	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4062	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4063	2331740083	Đặng Hoàng	Mỹ	23ĐHKV02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4064	2331740087	Phạm Thành	Trung	23ĐHKV02	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4065	2331740249	Lê Phạm Băng	Thy	23ĐHKV05	011100001601	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4066	2258420021	Đoàn Thị Kim	Phúc	22ĐHKL01	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4067	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4068	2258420069	Kiều Cẩm	An	22ĐHKL02	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4069	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4070	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4071	2258420087	Lê Mỹ	Hiền	22ĐHKL02	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4072	2258420096	Nguyễn Hoàng	Huy	22ĐHKL02	011100003901	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4073	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	22ĐHKL01	011100003902	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4074	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100003902	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4075	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100003902	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4076	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100003902	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4077	2258420081	Khúc Thị Huệ	Phương	22ĐHKL02	011100003902	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4078	2258420104	Nguyễn Thuỳ	Dung	22ĐHKL02	011100003902	Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	3	
4079	2258420021	Đoàn Thị Kim	Phúc	22ĐHKL01	011100004401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4080	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100004401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4081	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100004401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4082	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100004401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4083	2258420087	Lê Mỹ	Hiền	22ĐHKL02	011100004401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4084	2258420104	Nguyễn Thuỳ	Dung	22ĐHKL02	011100004401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4085	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	22ĐHKL01	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4086	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4087	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4088	2258420069	Kiều Cẩm	An	22ĐHKL02	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4089	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4090	2258420081	Khúc Thị Huệ	Phương	22ĐHKL02	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4091	2258420096	Nguyễn Hoàng	Huy	22ĐHKL02	011100004402	Thực hành dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
4092	1953020067	Trang Hoàng	Gia	19ĐHĐT02	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4093	2255120003	Nguyễn Đông	Duy	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4094	2255120008	Mã Minh	Tiến	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4095	2255120011	Dương Anh	Quân	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4096	2255120028	Nguyễn Duy	Khang	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4097	2255120029	Nguyễn Hoàng Mạnh	Khang	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4098	2255120030	Vũ Nguyễn Trung	Hiếu	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4099	2255120040	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4100	2255120099	Trịnh Viết Minh	Phong	22ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4101	2255120056	Nguyễn Phúc	Văn	22ĐHĐT02	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4102	2255120072	Dương Hà	Anh	22ĐHĐT02	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4103	2255120095	Lê Hà	Vi	22ĐHĐT02	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4104	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100006701	Đồ án môn học 2	2	
4105	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không	2	
4106	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100008101	An toàn hàng không	2	
4107	2253410002	Nguyễn Đoan	Thanh	22ĐHQTC1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4108	2253410003	Nguyễn Thụy Tú	Anh	22ĐHQTC1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4109	2253410004	Nguyễn Phương Cẩm	Tiên	22ĐHQTC1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4110	2253410020	Nguyễn Thị	Mai	22ĐHQTC1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4111	2253410088	Trần Quang	Du	22ĐHQTC1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4112	2253410347	Trần Ngọc Thanh	Thảo	22ĐHQTC4	011100008101	An toàn hàng không	2	
4113	2253410112	Võ Hoàng	Phong	22ĐHQTVT1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4114	2253410122	Võ Như	Phong	22ĐHQTVT1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4115	2253410143	Đào Song	Mỹ	22ĐHQTVT1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4116	2253410349	Đặng Thị Phương	Anh	22ĐHQTVT1	011100008101	An toàn hàng không	2	
4117	2253410299	Nguyễn Hồng	Ngọc	22ĐHQTVT2	011100008101	An toàn hàng không	2	
4118	2331740265	Nguyễn Ngọc	Mai	23ĐHKV05	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4119	2331720006	Trần Đặng Thùy	Dung	23ĐHNA01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4120	2331720425	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23ĐHNA01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4121	2331720458	Trần Đức	Hỷ	23ĐHNA01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4122	2331720334	Phạm Lê Minh	Thư	23ĐHNA06	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4123	2331720367	Đỗ Thị Như	Nguyệt	23ĐHNA07	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4124	2331320024	Nguyễn Dương Yến	Nhi	23ĐHNL01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4125	2331320188	Nguyễn Huệ	Như	23ĐHNL04	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4126	2331320190	Đặng Toàn Minh	Thư	23ĐHNL04	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4127	2331320205	Thái Huỳnh Khánh	Vy	23ĐHNL04	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4128	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4129	2331310161	Nguyễn Đoàn Đình	Hiếu	23ĐHQT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4130	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4131	2331530073	Đỗ Xuân	Thắng	23ĐHTĐ02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4132	2331530090	Võ Bá	Hồ	23ĐHTĐ02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4133	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	23ĐHTT01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4134	2331540284	Lê Quang	Nguyên	23ĐHTT01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4135	2331540361	Hoàng Diệu	Linh	23ĐHTT01	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4136	2331540112	Lê Trần Nhật	Tâm	23ĐHTT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4137	2331540357	Bùi Hồ Nhật	Anh	23ĐHTT05	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4138	2331540326	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hoàng	23ĐHTT06	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	1	
4139	1953020083	Triệu Thuận	Tường	19ĐHĐT02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4140	2105120054	Lâm Thiên	Bảo	21ĐHĐT02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4141	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4142	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4143	2331530007	Huỳnh Trần Tuấn	Huy	23ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4144	2331530015	Võ Thiên	Phú	23ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4145	2331530030	Trịnh Trần Công	Hậu	23ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4146	2331530031	Lâm Duy	Anh	23ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4147	2331530034	Đoàn Gia	Bảo	23ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4148	2331530096	Võ Phạm Hồng	Phúc	23ĐHTĐ01	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4149	2331530078	Lâm Chấn	Khang	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4150	2331530080	Trần Minh	Khôi	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4151	2331530082	Võ Tân	Thịnh	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4152	2331530084	Mai Thành	Đạt	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4153	2331530085	Nguyễn Văn	Long	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4154	2331530090	Võ Bá	Hồ	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4155	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	011100009301	Lý thuyết mạch 2	3	
4156	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4157	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4158	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4159	2105120052	Nguyễn Việt	Tâm	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4160	2105120058	Ứng Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4161	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4162	2105120067	Đậu Xuân	Hoài	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4163	2105120072	Nguyễn Đăng Duy	Nhất	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4164	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4165	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4166	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4167	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4168	2105120094	Bùi Xuân	Son	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4169	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4170	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4171	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4172	2331530010	Trầm Hữu	Thoại	23ĐHTĐ01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4173	2331530023	Trần Anh	Tuấn	23ĐHTĐ01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4174	2331530024	Hồ Dương Đức	Trọng	23ĐHTĐ01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4175	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	23ĐHTĐ01	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4176	2331530051	Đoàn Nhật	Thy	23ĐHTĐ02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4177	2331530056	Vũ Minh	Triết	23ĐHTĐ02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4178	2331530060	Nguyễn Công Quốc	Đạt	23ĐHTĐ02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4179	2331530081	Phan Duy	Tân	23ĐHTĐ02	011100009302	Lý thuyết mạch 2	3	
4180	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4181	2331510016	Võ Lê Hồng	Trúc	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4182	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4183	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4184	2331510034	Trần Võ Minh	Quân	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4185	2331510035	Trần Minh	Thư	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4186	2331510038	Lê Xuân Thái	Son	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4187	2331510044	Nguyễn Thanh	Hải	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4188	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4189	2331510050	Nguyễn Phước	Thịnh	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4190	2331510058	Lê Duy	Anh	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4191	2331510064	Phạm Bảo	Đăng	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4192	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4193	2331510071	Hoàng Thị Kiều	Trình	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4194	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	23ĐHĐT01	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	
4195	2331520115	Hà Lâm Danh	Nhân	23ĐHKT02	011100009501	Kỹ thuật lập trình	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4196	2053020010	Lê Minh	Huy	20ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4197	2053020035	Bùi Hoàng	Hiệp	20ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4198	2053020070	Đoàn Phước	Lợi	20ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4199	2053020103	Vũ Minh	Tú	20ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4200	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4201	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4202	2105120010	Lê Lương Bảo	Minh	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4203	2105120015	Phan Trí	Tài	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4204	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4205	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4206	2105120103	Nguyễn Quốc	Hưng	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4207	2105120105	Nguyễn Phú	Mãi	21ĐHĐT01	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4208	2105120067	Đậu Xuân	Hoài	21ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4209	2105120075	Hồ Mạnh	Hoàng	21ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4210	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4211	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4212	2105120096	Trần Thành	Nam	21ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4213	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trân	21ĐHĐT02	011100014501	Điện tử thông tin	3	
4214	2105120021	Trần Triệu	Thiên	21ĐHĐT01	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4215	2105120022	Hồ Văn	Nghị	21ĐHĐT01	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4216	2105120042	Lê Trọng	Hiếu	21ĐHĐT01	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4217	2105120044	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	21ĐHĐT01	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4218	2105120052	Nguyễn Việt	Tâm	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4219	2105120058	Ung Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4220	2105120062	Nguyễn Thị Kim	Chi	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4221	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4222	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4223	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4224	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4225	2105120099	Nguyễn Thị Ngân	Giang	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4226	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4227	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100014502	Điện tử thông tin	3	
4228	1953020079	Hồ Ngọc	Hưng	19ĐHĐT02	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4229	1953020094	Trần Đình	Phụng	19ĐHĐT02	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4230	2053020025	Chu Đức	Đạt	20ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4231	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4232	2255120046	Nguyễn Huy	Nh Tuyết Nhi	22ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4233	2255120100	Đặng Vĩ	Quốc	22ĐHĐT02	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4234	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4235	2331510016	Võ Lê Hồng	Trúc	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4236	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4237	2331510025	Nguyễn Xuân Trung	Hiếu	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4238	2331510034	Trần Võ Minh	Quân	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4239	2331510035	Trần Minh	Thư	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4240	2331510038	Lê Xuân Thái	Son	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4241	2331510044	Nguyễn Thanh	Hải	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4242	2331510045	Võ Thành	Nhân	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4243	2331510048	Nguyễn Chí	Bảo	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4244	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4245	2331510073	Nguyễn Minh	Thắng	23ĐHĐT01	011100014801	Cơ sở điều khiển tự động	3	
4246	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4247	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4248	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4249	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4250	2255130046	Trương Tứ Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4251	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4252	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4253	2255130105	Lê Huỳnh Thanh	Phát	22ĐHTĐ01	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4254	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4255	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4256	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4257	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4258	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100015001	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4259	2053020038	Đặng Hoàng	Anh	20ĐHĐT01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4260	2105120075	Hồ Mạnh	Hoàng	21ĐHĐT02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4261	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4262	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21ĐHĐT02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4263	2255130024	Tất Quỳ	Nh Chi	22ĐHTĐ01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4264	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4265	2255130028	Nguyễn Huy	Hiếu	22ĐHTĐ01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4266	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4267	2255130040	Nguyễn Thiện	Ân	22ĐHTĐ01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4268	2255130102	Nguyễn Thái	Sơn	22ĐHTĐ01	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4269	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4270	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4271	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4272	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4273	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100015002	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4274	1953020067	Trang Hoàng	Gia	19ĐHĐT02	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4275	2053020025	Chu Đức	Đạt	20ĐHĐT01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4276	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4277	2255120002	Võ Nhật Thanh	Vi	22ĐHĐT01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4278	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4279	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4280	2255130016	Ngô Ngọc	Huy	22ĐHTĐ01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4281	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4282	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4283	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4284	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4285	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4286	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4287	2331510058	Lê Duy	Anh	23ĐHĐT01	011100015003	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	2	
4288	2053020008	Huỳnh Tiến	Đông	20ĐHĐT01	011100015201	Thông tin di động	3	
4289	2053020013	Dương Huỳnh Phương	Uyên	20ĐHĐT01	011100015201	Thông tin di động	3	
4290	2053020018	Trịnh Thị Lan	Anh	20ĐHĐT01	011100015201	Thông tin di động	3	
4291	2053020038	Đặng Hoàng	Anh	20ĐHĐT01	011100015201	Thông tin di động	3	
4292	2053020063	Nguyễn Tiến	Đạt	20ĐHĐT02	011100015201	Thông tin di động	3	
4293	2053020070	Đoàn Phước	Lợi	20ĐHĐT02	011100015201	Thông tin di động	3	
4294	2053020084	Trần	Tiến	20ĐHĐT02	011100015201	Thông tin di động	3	
4295	2053020087	Võ Song	Hân	20ĐHĐT02	011100015201	Thông tin di động	3	
4296	2053020095	Trần Đăng	Ân	20ĐHĐT02	011100015201	Thông tin di động	3	
4297	2053020096	Nguyễn Mai	Uyên	20ĐHĐT02	011100015201	Thông tin di động	3	
4298	2053020010	Lê Minh	Huy	20ĐHĐT01	011100015202	Thông tin di động	3	
4299	2053020012	Phạm Tuấn	Anh	20ĐHĐT01	011100015202	Thông tin di động	3	
4300	2053020016	Trần Đại	Phúc	20ĐHĐT01	011100015202	Thông tin di động	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4301	2053020024	Nguyễn Thúy	Vy	20ĐHĐT01	011100015202	Thông tin di động	3	
4302	2053020035	Bùi Hoàng	Hiệp	20ĐHĐT01	011100015202	Thông tin di động	3	
4303	2053020036	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	20ĐHĐT01	011100015202	Thông tin di động	3	
4304	2053020083	Phan Nguyễn Huy	Hoàng	20ĐHĐT02	011100015202	Thông tin di động	3	
4305	2053020093	Thái Gia	Bảo	20ĐHĐT02	011100015202	Thông tin di động	3	
4306	2053020108	Nguyễn Bình	An	20ĐHĐT02	011100015202	Thông tin di động	3	
4307	2053020110	Lê Phan	Tuấn	20ĐHĐT02	011100015202	Thông tin di động	3	
4308	2105120007	Đoàn Lê Huy	Khải	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4309	2105120015	Phan Trí	Tài	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4310	2105120021	Trần Triệu	Thiên	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4311	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4312	2105120039	Lê Duy	Bảo	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4313	2105120042	Lê Trọng	Hiếu	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4314	2105120044	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4315	2105120103	Nguyễn Quốc	Hưng	21ĐHĐT01	011100015401	Thông tin quang	3	
4316	2105120052	Nguyễn Việt	Tâm	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4317	2105120054	Lâm Thiên	Bảo	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4318	2105120058	Ứng Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4319	2105120060	Phạm Trần Minh	Đức	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4320	2105120062	Nguyễn Thị Kim	Chi	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4321	2105120072	Nguyễn Đăng Duy	Nhất	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4322	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4323	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4324	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4325	2105120094	Bùi Xuân	Son	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4326	2105120096	Trần Thành	Nam	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4327	2105120099	Nguyễn Thị Ngân	Giang	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4328	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100015401	Thông tin quang	3	
4329	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100015402	Thông tin quang	3	
4330	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	21ĐHĐT01	011100015402	Thông tin quang	3	
4331	2105120010	Lê Lương Bảo	Minh	21ĐHĐT01	011100015402	Thông tin quang	3	
4332	2105120022	Hồ Văn	Nghị	21ĐHĐT01	011100015402	Thông tin quang	3	
4333	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100015402	Thông tin quang	3	
4334	2105120105	Nguyễn Phú	Mãi	21ĐHĐT01	011100015402	Thông tin quang	3	
4335	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4336	2105120067	Đậu Xuân	Hoài	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	
4337	2105120075	Hồ Mạnh	Hoàng	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	
4338	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	
4339	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	
4340	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trân	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	
4341	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100015402	Thông tin quang	3	
4342	2255120008	Mã Minh	Tiến	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4343	2255120014	Vũ Lại Ngọc	Trình	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4344	2255120018	Nguyễn	Hoàng	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4345	2255120020	Nguyễn Minh	Quân	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4346	2255120028	Nguyễn Duy	Khang	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4347	2255120030	Vũ Nguyễn Trung	Hiếu	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4348	2255120099	Trịnh Viết Minh	Phong	22ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4349	2255120055	Nguyễn Hoàng Phương	Vũ	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4350	2255120056	Nguyễn Phúc	Văn	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4351	2255120062	Võ Minh	Đăng	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4352	2255120070	Hồ Cẩm	Đào	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4353	2255120072	Dương Hà	Anh	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4354	2255120081	Huỳnh Thanh	Trí	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4355	2255120085	Huỳnh Kim	Thùy	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4356	2255120086	Võ Bá	Minh	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4357	2255120087	Trương Hồ Vũ	Lân	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4358	2255120094	Nguyễn Hoàng	Nhi	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4359	2255120098	Ngô Thị Kim	Liên	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4360	2255120100	Đặng Vĩ	Quốc	22ĐHĐT02	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4361	2331510058	Lê Duy	Anh	23ĐHĐT01	011100015602	Hệ thống viễn thông	3	
4362	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4363	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4364	2105120010	Lê Lương Bảo	Minh	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4365	2105120021	Trần Triệu	Thiên	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4366	2105120022	Hồ Văn	Nghị	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4367	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4368	2105120042	Lê Trọng	Hiếu	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4369	2105120101	Lê Tấn	Đạt	21ĐHĐT01	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4370	2105120058	Ứng Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4371	2105120062	Nguyễn Thị Kim	Chi	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4372	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4373	2105120067	Đậu Xuân	Hoài	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4374	2105120075	Hồ Mạnh	Hoàng	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4375	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4376	2105120083	Hồ Công	Hòa	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4377	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4378	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100015801	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4379	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4380	2105120105	Nguyễn Phú	Mãi	21ĐHĐT01	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4381	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4382	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4383	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4384	2105120100	Trần Bảo	Khang	21ĐHĐT02	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4385	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21ĐHĐT02	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4386	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100015802	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4387	1953020093	Trần Việt	Long	19ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4388	2053020025	Chu Đức	Đạt	20ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4389	2105120015	Phan Trí	Tài	21ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4390	2105120039	Lê Duy	Bảo	21ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4391	2105120044	Nguyễn Hoàng Phương Vy		21ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4392	2105120103	Nguyễn Quốc	Hưng	21ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4393	2105120052	Nguyễn Việt	Tâm	21ĐHĐT02	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4394	2105120054	Lâm Thiên	Bảo	21ĐHĐT02	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4395	2105120096	Trần Thành	Nam	21ĐHĐT02	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4396	2105120099	Nguyễn Thị Ngân	Giang	21ĐHĐT02	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4397	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4398	2331510022	Phan Thị Yến	Nhi	23ĐHĐT01	011100015803	Thí nghiệm kỹ thuật viễn thông	1	
4399	2053020006	Trần Gia	Bảo	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4400	2053020008	Huỳnh Tiến	Đông	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4401	2053020009	Nguyễn Hoàng	Vinh	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4402	2053020011	Trần Tiến	Đạt	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4403	2053020012	Phạm Tuấn	Anh	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4404	2053020016	Trần Đại	Phúc	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4405	2053020024	Nguyễn Thúy	Vy	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4406	2053020029	Nguyễn Hoàng	Thiện	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4407	2053020033	Nguyễn Khắc	Duy	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4408	2053020036	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4409	2053020038	Đặng Hoàng	Anh	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4410	2053020047	Phạm Đình	Lộc	20ĐHĐT01	011100016502	PLC	3	
4411	2053020063	Nguyễn Tiến	Đạt	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4412	2053020083	Phan Nguyễn Huy	Hoàng	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4413	2053020084	Trần	Tiến	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4414	2053020087	Võ Song	Hân	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4415	2053020095	Trần Đăng	Ân	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4416	2053020096	Nguyễn Mai	Uyên	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4417	2053020108	Nguyễn Bình	An	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4418	2053020110	Lê Phan	Tuấn	20ĐHĐT02	011100016502	PLC	3	
4419	2105130005	Bùi Văn Trung	Đức	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4420	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4421	2105130029	Đỗ Ngọc Minh	Đức	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4422	2105130030	Trần Tuấn	Dũng	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4423	2105130032	Lê Lý Hùng	Hậu	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4424	2105130034	Lê Công	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4425	2105130036	Nguyễn Xuân	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4426	2105130043	Phan Trung	Kiên	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4427	2105130044	Đỗ Gia	Kỳ	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4428	2105130045	Trương Quang	Mỹ	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4429	2105130050	Lê Việt	Quang	21ĐHTĐ01	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4430	2105130060	Nguyễn Văn	Bạc	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4431	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4432	2105130066	Nguyễn Minh	Đăng	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4433	2105130068	Triệu Thị	Diệp	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4434	2105130073	Nguyễn Ngọc	Dũng	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4435	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4436	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4437	2105130084	Phạm Trung	Hiếu	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4438	2105130088	Trần Đình	Hung	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4439	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4440	2105130102	Lương Trọng	Nhật	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4441	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4442	2105130113	Hồ Phú	Tân	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4443	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4444	2105130120	Hồ Thị Kiều	Tiên	21ĐHTĐ02	011100016702	Hệ thống Nhúng	2	
4445	1953020083	Triệu Thuận	Tường	19ĐHĐT02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4446	1953020089	Nguyễn	Tiên	19ĐHĐT02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4447	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4448	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4449	2255130007	Nguyễn Đăng	Kiệt	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4450	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4451	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4452	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4453	2255130024	Tất QuỳNh	Chi	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4454	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4455	2255130028	Nguyễn Huy	Hiếu	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4456	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4457	2255130046	Trương Tứ Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4458	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4459	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4460	2255130102	Nguyễn Thái	Sơn	22ĐHTĐ01	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4461	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4462	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100017001	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4463	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4464	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4465	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4466	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4467	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4468	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4469	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4470	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4471	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4472	2255130074	Vũ Gia	Ân	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4473	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4474	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4475	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4476	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4477	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4478	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4479	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100017002	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	
4480	2331730145	Phạm Ngọc	Thảo	23ĐHDL03	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4481	2331710048	Trương Bảo	Ngọc	23ĐHKL01	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4482	2331710068	Nguyễn Hoàng Phú	Mạnh	23ĐHKL02	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4483	2331710020	Nguyễn Tấn	Hùng	23ĐHKL03	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4484	2331710149	Đỗ Thái	My	23ĐHKL03	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4485	2331310304	Trương Bảo	Hân	23ĐHQT06	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4486	2331310333	Thái Nhật	Vy	23ĐHQT06	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4487	2331310527	Hồ Lê Huyền	Trang	23ĐHQT09	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4488	2331310587	Phan Thị Ngọc	Giàu	23ĐHQT09	011100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4489	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4490	2331710060	Phạm Minh	Anh	23ĐHKL01	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4491	2331710125	Tô Tịnh	Văn	23ĐHKL03	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4492	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	23ĐHKL03	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4493	2331710157	Nguyễn Hải	Nam	23ĐHKL03	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4494	2331740171	Phạm Thúy	Anh	23ĐHKV04	011100023303	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4495	2254810061	Trịnh Thanh	Minh	22ĐHTT02	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4496	2254810266	Lư Hoàng Minh	Hiếu	22ĐHTT06	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4497	2331710150	Đặng Dương Thủy	Tiên	23ĐHKL02	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4498	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4499	2331310155	Phan Tú	Anh	23ĐHQT03	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4500	2331310161	Nguyễn Đoàn Đình	Hiếu	23ĐHQT03	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4501	2331310197	Nguyễn Trần Phương	Vy	23ĐHQT04	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4502	2331310573	Đặng Khánh	Nhi	23ĐHQT04	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4503	2331310479	Châu Hải	My	23ĐHQT09	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4504	2331310512	Phạm Quốc	Nguyên	23ĐHQT09	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4505	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23ĐHQT09	011100023304	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4506	2331710044	Phạm Ngọc	Trâm	23ĐHKL01	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4507	2331710082	Đặng Thị Thanh	Tuyền	23ĐHKL02	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4508	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	23ĐHKT02	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4509	2331310558	Nguyễn Như	Nguyệt	23ĐHQT04	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4510	2331310288	Trịnh Nguyễn Xuân	Nhi	23ĐHQT05	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4511	2331310560	Nguyễn Huỳnh Nhâ	Phương	23ĐHQT05	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4512	2331310341	Lê Ngọc Phương	Uyên	23ĐHQT06	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4513	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	23ĐHQT09	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4514	2331310500	Lê Minh	Nhật	23ĐHQT09	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4515	2331310519	Mai Phương	Anh	23ĐHQT09	011100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic (Physical Education 3)	1	
4516	2331730119	Đỗ Quốc	Việt	23ĐHDL02	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4517	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	23ĐHDL03	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4518	2331710073	Vương Phúc	Khang	23ĐHKL02	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4519	2331520106	Nguyễn Hoàng	Duy	23ĐHKT02	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4520	2331520092	Trần Ngô Nhân	Kiệt	23ĐHKT03	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4521	2331320182	Trần Nguyễn Vũ	Tài	23ĐHNL04	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4522	2331310153	Hà Thị Tường	Vy	23ĐHQT03	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4523	2331310192	Nguyễn Minh	Quang	23ĐHQT04	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4524	2331310214	Nguyễn Khắc	Cương	23ĐHQT04	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4525	2331310448	Lê Nguyễn Ngọc	Trâm	23ĐHQT08	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4526	2331310501	Lưu Thanh	Tú	23ĐHQT09	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4527	2331310523	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT09	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4528	2331530031	Lâm Duy	Anh	23ĐHTĐ01	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4529	2331530056	Vũ Minh	Triết	23ĐHTĐ02	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4530	2331530082	Võ Tân	Thịnh	23ĐHTĐ02	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4531	2331530084	Mai Thành	Đạt	23ĐHTĐ02	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4532	2331540007	Phạm Nguyễn Phước	Trình	23ĐHTT01	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4533	2331540114	Lê Phạm Ngọc	Bình	23ĐHTT03	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4534	2331540150	Vũ Nguyên	Long	23ĐHTT03	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4535	2331550014	Phan Trung	Nhân	23ĐHXD01	011100024401	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4536	2253410100	Hoàng Khánh	Vi	22ĐHQTC1	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4537	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4538	2331510036	Nguyễn Thanh	Xuân	23ĐHĐT01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4539	2331710036	Nguyễn Quốc	Thường	23ĐHKL01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4540	2331520016	Nguyễn Hồng	Đức	23ĐHKT01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4541	2331520028	Đinh Lê Hoàng	Hải	23ĐHKT01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4542	2331320209	Trương Hoàng	Phổ	23ĐHNL04	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4543	2331310529	Lê Phương	Uyên	23ĐHQT02	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4544	2331310350	Ngô Huyền	Diệu	23ĐHQT06	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4545	2331530097	Dương Quốc	Thắng	23ĐHTĐ01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4546	2331540035	Lê Thị Hải	Uyên	23ĐHTT01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4547	2331540361	Hoàng Diêu	Linh	23ĐHTT01	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4548	2331540305	Lê Quang	Huy	23ĐHTT02	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4549	2331540363	Dương Đức	Dương	23ĐHTT02	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4550	2331540185	Nguyễn Minh	Phát	23ĐHTT04	011100024402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4551	2255130105	Lê Huỳnh Thanh	Phát	22ĐHTĐ01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4552	2331730087	Phạm Thị Thúy	Vy	23ĐHDL02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4553	2331730093	Nguyễn Thị Hương	Giang	23ĐHDL02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4554	2331730111	Nguyễn Trúc Thiên	Ân	23ĐHDL02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4555	2331730115	Nguyễn Văn Anh	Linh	23ĐHDL02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4556	2331710032	Trần Quốc	Huy	23ĐHKL01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4557	2331520143	Mai Hồ Minh	Đức	23ĐHKT03	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4558	2331310037	Nguyễn Thị Thuý	Nga	23ĐHQT01	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4559	2331310167	Đinh Hữu Thái	Thịnh	23ĐHQT03	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4560	2331310331	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23ĐHQT06	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4561	2331540084	Đoàn Ngọc Minh	Châu	23ĐHTT02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4562	2331540107	Trương Như	Quỳnh	23ĐHTT02	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4563	2331540360	Nguyễn Trung	Đức	23ĐHTT06	011100024403	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4564	2331710150	Đặng Dương Thủy	Tiên	23ĐHKL02	011100031401	Qui tắc bay	2	
4565	2331710061	Trần Ngọc	Trâm	23ĐHKL03	011100031401	Qui tắc bay	2	
4566	2331710125	Tô Tịnh	Văn	23ĐHKL03	011100031401	Qui tắc bay	2	
4567	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	23ĐHKL03	011100031401	Qui tắc bay	2	
4568	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	22ĐHKL02	011100031403	Qui tắc bay	2	
4569	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	011100031403	Qui tắc bay	2	
4570	2331710036	Nguyễn Quốc	Thường	23ĐHKL01	011100031403	Qui tắc bay	2	
4571	2331710041	Hồ Đăng	Khoa	23ĐHKL01	011100031403	Qui tắc bay	2	
4572	2331710048	Trương Bảo	Ngọc	23ĐHKL01	011100031403	Qui tắc bay	2	
4573	2331710060	Phạm Minh	Anh	23ĐHKL01	011100031403	Qui tắc bay	2	
4574	2331710079	Nguyễn Quốc	Thắng	23ĐHKL02	011100031403	Qui tắc bay	2	
4575	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	23ĐHKL02	011100031403	Qui tắc bay	2	
4576	2331710102	Vũ Ngọc Quỳnh	Như	23ĐHKL02	011100031403	Qui tắc bay	2	
4577	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	
4578	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	
4579	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	
4580	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4581	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	
4582	2258420103	Phạm Thị Minh	Thư	22ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	
4583	2258420104	Nguyễn Thuý	Dung	22ĐHKL02	011100033001	Tìm kiếm & cứu nạn Hàng không	2	
4584	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4585	2331710030	Nguyễn Thành	Doanh	23ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4586	2331710036	Nguyễn Quốc	Thường	23ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4587	2331710041	Hồ Đăng	Khoa	23ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4588	2331710049	Bùi Thị Diệu	Ngọc	23ĐHKL01	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4589	2331710079	Nguyễn Quốc	Thắng	23ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4590	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	23ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4591	2331710102	Vũ Ngọc Quỳnh	Như	23ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4592	2331710150	Đặng Dương Thùy	Tiên	23ĐHKL02	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4593	2331710034	Huỳnh Bảo	Khuyên	23ĐHKL03	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4594	2331710122	Nguyễn Thị Thu	Trang	23ĐHKL03	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4595	2331710123	Nguyễn Vũ Hải	Long	23ĐHKL03	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4596	2331710125	Tô Tịnh	Văn	23ĐHKL03	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4597	2331710155	Lâm Thanh	Trúc	23ĐHKL03	011100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4598	2331710015	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	23ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4599	2331710032	Trần Quốc	Huy	23ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4600	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	23ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4601	2331710048	Trương Bảo	Ngọc	23ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4602	2331710060	Phạm Minh	Anh	23ĐHKL01	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4603	2331710073	Vương Phúc	Khang	23ĐHKL02	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4604	2331710134	Lê Minh	Hùng	23ĐHKL03	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4605	2331710149	Đỗ Thái	My	23ĐHKL03	011100033902	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4606	2331710061	Trần Ngọc	Trâm	23ĐHKL03	011100033903	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4607	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	23ĐHKL03	011100033903	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
4608	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4609	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4610	2105120015	Phan Trí	Tài	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4611	2105120022	Hồ Văn	Nghị	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4612	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4613	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4614	2105120042	Lê Trọng	Hiếu	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4615	2105120103	Nguyễn Quốc	Hưng	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4616	2105120105	Nguyễn Phú	Mãi	21ĐHĐT01	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4617	2105120058	Ứng Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4618	2105120067	Đậu Xuân	Hoài	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4619	2105120075	Hồ Mạnh	Hoàng	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4620	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4621	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4622	2105120099	Nguyễn Thị Ngân	Giang	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4623	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21ĐHĐT02	011100036801	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4624	1953020079	Hồ Ngọc	Hưng	19ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4625	1953020094	Trần Đình	Phụng	19ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4626	2105120010	Lê Lương Bảo	Minh	21ĐHĐT01	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4627	2105120021	Trần Triệu	Thiên	21ĐHĐT01	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4628	2105120034	Nguyễn Viết Minh	Đức	21ĐHĐT01	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4629	2105120044	Nguyễn Hoàng Phương Vy		21ĐHĐT01	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4630	2105120052	Nguyễn Viết	Tâm	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4631	2105120054	Lâm Thiên	Bảo	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4632	2105120062	Nguyễn Thị Kim	Chi	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4633	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4634	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4635	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4636	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4637	2105120096	Trần Thành	Nam	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4638	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4639	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4640	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100036802	Kỹ thuật siêu cao tần	3	
4641	2053020025	Chu Đức	Đạt	20ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4642	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4643	2105120010	Lê Lương Bảo	Minh	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4644	2105120021	Trần Triệu	Thiên	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4645	2105120022	Hồ Văn	Nghị	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4646	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4647	2105120034	Nguyễn Viết Minh	Đức	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4648	2105120042	Lê Trọng	Hiếu	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4649	2105120044	Nguyễn Hoàng Phương Vy		21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4650	2105120103	Nguyễn Quốc	Hưng	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4651	2105120105	Nguyễn Phú	Mãi	21ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4652	2105120052	Nguyễn Việt	Tâm	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4653	2105120058	Ung Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4654	2105120062	Nguyễn Thị Kim	Chi	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4655	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4656	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4657	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4658	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4659	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4660	2105120096	Trần Thành	Nam	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4661	2105120099	Nguyễn Thị Ngân	Giang	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4662	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trần	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4663	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4664	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4665	2255120106	Nguyễn Thụy Trâm	Anh	22ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4666	2331510036	Nguyễn Thanh	Xuân	23ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4667	2331510074	Nguyễn Cao	Cường	23ĐHĐT01	011100043301	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4668	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4669	2105120015	Phan Trí	Tài	21ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4670	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4671	2255120002	Võ Nhật Thanh	Vi	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4672	2255120004	Trần Hoàng Duy	Anh	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4673	2255120007	Võ Minh	Sang	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4674	2255120008	Mã Minh	Tiến	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4675	2255120009	Nguyễn Gia	Bảo	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4676	2255120018	Nguyễn	Hoàng	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4677	2255120020	Nguyễn Minh	Quân	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4678	2255120023	Trần Thiện	Huân	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4679	2255120027	Dương Minh	Chiến	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4680	2255120028	Nguyễn Duy	Khang	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4681	2255120030	Vũ Nguyễn Trung	Hiếu	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4682	2255120033	Vũ Thị Cẩm	Ly	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4683	2255120040	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4684	2255120044	Huỳnh Trọng	Khang	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4685	2255120045	Đặng Thế	Bảo	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4686	2255120046	Nguyễn HuỳNh Tuyết	Nhi	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4687	2255120049	Nguyễn Anh	Khoa	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4688	2255120099	Trịnh Viết Minh	Phong	22ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4689	2255120055	Nguyễn Hoàng Phương	Vũ	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4690	2255120056	Nguyễn Phúc	Văn	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4691	2255120062	Võ Minh	Đặng	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4692	2255120070	Hồ Cẩm	Đào	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4693	2255120072	Dương Hà	Anh	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4694	2255120081	Huỳnh Thanh	Trí	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4695	2255120085	Huỳnh Kim	Thùy	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4696	2255120086	Võ Bá	Minh	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4697	2255120087	Trương Hồ Vũ	Lân	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4698	2255120094	Nguyễn Hoàng	Nhi	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4699	2255120095	Lê Hà	Vi	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4700	2255120098	Ngô Thị Kim	Liên	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4701	2255120100	Đặng Vĩ	Quốc	22ĐHĐT02	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4702	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100043303	Hệ thống định vị vô tuyến hàng không	3	
4703	2255120005	Phạm Nhật	Minh	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4704	2255120008	Mã Minh	Tiến	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4705	2255120009	Nguyễn Gia	Bảo	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4706	2255120018	Nguyễn	Hoàng	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4707	2255120023	Trần Thiện	Huân	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4708	2255120028	Nguyễn Duy	Khang	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4709	2255120029	Nguyễn Hoàng Mạnh	Khang	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4710	2255120030	Vũ Nguyễn Trung	Hiếu	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4711	2255120040	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4712	2255120045	Đặng Thế	Bảo	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4713	2255120099	Trịnh Viết Minh	Phong	22ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4714	2255120055	Nguyễn Hoàng Phương	Vũ	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4715	2255120056	Nguyễn Phúc	Văn	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4716	2255120062	Võ Minh	Đặng	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4717	2255120070	Hồ Cẩm	Đào	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4718	2255120072	Dương Hà	Anh	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4719	2255120081	Huỳnh Thanh	Trí	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4720	2255120085	Huỳnh Kim	Thùy	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4721	2255120086	Võ Bá	Minh	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4722	2255120087	Trương Hồ Vũ	Lân	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4723	2255120094	Nguyễn Hoàng	Nhi	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4724	2255120098	Ngô Thị Kim	Liên	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4725	2255120100	Đặng Vĩ	Quốc	22ĐHĐT02	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4726	2331510056	Phạm Việt	Hòa	23ĐHĐT01	011100043401	Hệ thống dẫn đường mặt đất hàng không	3	
4727	2053020014	Trần Phước	Hậu	20ĐHĐT01	011100043801	Đồ án tốt nghiệp	11	
4728	2053020017	Phạm Hoàng	Khan	20ĐHĐT01	011100043801	Đồ án tốt nghiệp	11	
4729	1953020045	Võ Bảo	Hân	19ĐHĐT02	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4730	1953020056	Hoàng Hải	Đặng	19ĐHĐT02	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4731	1953020089	Nguyễn	Tiên	19ĐHĐT02	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4732	2053020008	Huỳnh Tiến	Đông	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4733	2053020010	Lê Minh	Huy	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4734	2053020012	Phạm Tuấn	Anh	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4735	2053020013	Dương Huỳnh Phương	Uyên	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4736	2053020016	Trần Đại	Phúc	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4737	2053020018	Trịnh Thị Lan	Anh	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4738	2053020024	Nguyễn Thúy	Vy	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4739	2053020035	Bùi Hoàng	Hiệp	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4740	2053020036	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4741	2053020038	Đặng Hoàng	Anh	20ĐHĐT01	011100047901	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4742	1953020083	Triệu Thuận	Tường	19ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4743	2053020063	Nguyễn Tiến	Đạt	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4744	2053020070	Đoàn Phước	Lợi	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4745	2053020083	Phan Nguyễn Huy	Hoàng	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4746	2053020084	Trần	Tiến	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4747	2053020087	Võ Song	Hân	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4748	2053020095	Trần Đăng	Ân	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4749	2053020096	Nguyễn Mai	Uyên	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4750	2053020108	Nguyễn Bình	An	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4751	2053020110	Lê Phan	Tuấn	20ĐHĐT02	011100047902	Tiểu luận tốt nghiệp	5	
4752	2258420021	Đoàn Thị Kim	Phúc	22ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
4753	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
4754	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
4755	2258420069	Kiều Cẩm	An	22ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4756	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
4757	2258420081	Khúc Thị Huệ	Phương	22ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
4758	2258420096	Nguyễn Hoàng	Huy	22ĐHKL02	011100049001	Dẫn đường bay theo tính năng (PBN)	2	
4759	2152210093	Lý Thị Kim	Hằng	21ĐHNAHK	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4760	2258130001	Nguyễn Khắc	Tín	22ĐHDL01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4761	2258130026	Vũ Tấn	Đức	22ĐHDL01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4762	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHKT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4763	2255200070	Mai Hiếu	Phong	22ĐHKT02	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4764	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4765	2250000193	Nguyễn Việt	Văn	22ĐHKVLĐ	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4766	2253410003	Nguyễn Thụy Tú	Anh	22ĐHQTC1	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4767	2253410004	Nguyễn Phương Cẩm	Tiên	22ĐHQTC1	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4768	2253410020	Nguyễn Thị	Mai	22ĐHQTC1	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4769	2253410272	Bùi Nguyễn Tường	Vy	22ĐHQTC3	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4770	2253410341	Nguyễn Văn	Khoa	22ĐHQTC4	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4771	2253410347	Trần Ngọc Thanh	Thảo	22ĐHQTC4	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4772	2253410065	Nguyễn Bình	An	22ĐHQTTTH	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4773	2254810308	Hoàng Gia	Kiệt	22ĐHTT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4774	2254810111	Tôn Thất	Kha	22ĐHTT03	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4775	2254810119	Trần Minh	Tâm	22ĐHTT03	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4776	2254810136	Võ Minh	Chí	22ĐHTT03	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4777	2254810319	Nguyễn Khánh	Hoàng	22ĐHTT03	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4778	2331510021	Lê Minh	Tiếp	23ĐHĐT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4779	2331510034	Trần Võ Minh	Quân	23ĐHĐT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4780	2331510038	Lê Xuân Thái	Son	23ĐHĐT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4781	2331510064	Phạm Bảo	Đăng	23ĐHĐT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4782	2331510067	Phạm Ngọc	Tuân	23ĐHĐT01	011100052401	Lịch sử Đảng	2	
4783	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100058601	Khí cụ điện	3	
4784	2331530010	Trầm Hữu	Thoại	23ĐHTĐ01	011100058601	Khí cụ điện	3	
4785	2331530015	Võ Thiên	Phú	23ĐHTĐ01	011100058601	Khí cụ điện	3	
4786	2331530023	Trần Anh	Tuấn	23ĐHTĐ01	011100058601	Khí cụ điện	3	
4787	2331530031	Lâm Duy	Anh	23ĐHTĐ01	011100058601	Khí cụ điện	3	
4788	2331530051	Đoàn Nhật	Thy	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	
4789	2331530056	Vũ Minh	Triết	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	
4790	2331530078	Lâm Chấn	Khang	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4791	2331530082	Võ Tân	Thịnh	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	
4792	2331530085	Nguyễn Văn	Long	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	
4793	2331530090	Võ Bá	Hỗ	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	
4794	2331530101	Nguyễn Quang	Vinh	23ĐHTĐ02	011100058601	Khí cụ điện	3	
4795	2055200109	Nguyễn Quang	Thái	20ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4796	2255200016	Đỗ Huy	Hoàng	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4797	2255200022	Nguyễn Hữu	Đạt	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4798	2255200023	Đặng Minh	Hiền	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4799	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4800	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4801	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4802	2255200046	Lê Trung	Hậu	22ĐHKT01	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4803	2255200052	Trương Khoa	Đăng	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4804	2255200055	Huỳnh Mạnh	Khang	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4805	2255200059	Hoàng Đạt	Dũng	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4806	2255200070	Mai Hiếu	Phong	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4807	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4808	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4809	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4810	2255200087	Nguyễn Lâm Kiên	Thịnh	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4811	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4812	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4813	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4814	2255200103	Nguyễn Văn Hoàng	Lam	22ĐHKT02	011100061901	Sức bền vật liệu	2	
4815	2255200023	Đặng Minh	Hiền	22ĐHKT01	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4816	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4817	2255200040	Trần Tiến Hoàng	Lâm	22ĐHKT01	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4818	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4819	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4820	2255200103	Nguyễn Văn Hoàng	Lam	22ĐHKT02	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4821	2331520016	Nguyễn Hồng	Đức	23ĐHKT01	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4822	2331520054	Thái Khắc	Du	23ĐHKT01	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4823	2331520106	Nguyễn Hoàng	Duy	23ĐHKT02	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4824	2331520092	Trần Ngô Nhân	Kiệt	23ĐHKT03	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4825	2331520128	Trần Gia	Khiêm	23ĐHKT03	011100062001	Cơ học thủy khí	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4826	2331520146	Nguyễn Thành Phúc	Nguyễn	23ĐHKT03	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4827	2331520158	Đỗ Thanh	Tùng	23ĐHKT03	011100062001	Cơ học thủy khí	3	
4828	2331520009	Nguyễn Đại	Trung	23ĐHKT01	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4829	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4830	2331520043	Nguyễn Anh	Khôi	23ĐHKT01	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4831	2331520074	Nguyễn Khoa	Việt	23ĐHKT02	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4832	2331520115	Hà Lâm Danh	Nhân	23ĐHKT02	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4833	2331520091	Nguyễn Thanh Trường	Giang	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4834	2331520122	Hoàng Tiến	Tuấn	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4835	2331520136	Phạm Nguyên	Vũ	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4836	2331520140	Lê Hữu	Bằng	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4837	2331520143	Mai Hồ Minh	Đức	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4838	2331520144	Lê Trọng Bảo	Duy	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4839	2331520145	Trần Phạm Duy	Hoàng	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4840	2331520154	Phan Khánh	An	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4841	2331520157	Tăng Thế Tuấn	Kiệt	23ĐHKT03	011100062002	Cơ học thủy khí	3	
4842	2255200108	Hoàng Minh	Thắng	20ĐHKT01	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4843	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4844	2331520005	Nguyễn Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4845	2331520013	Nguyễn Cao Hải	Nam	23ĐHKT01	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4846	2331520028	Đinh Lê Hoàng	Hải	23ĐHKT01	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4847	2331520056	Phạm Trung	Hiếu	23ĐHKT01	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4848	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	23ĐHKT02	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4849	2331520125	Hồ Vũ	Hải	23ĐHKT03	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4850	2331520130	Phạm Minh	Quốc	23ĐHKT03	011100062003	Cơ học thủy khí	3	
4851	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100063501	Bản đồ hàng không	2	
4852	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100063501	Bản đồ hàng không	2	
4853	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100063501	Bản đồ hàng không	2	
4854	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100063501	Bản đồ hàng không	2	
4855	2258420084	Phạm Viên	Nhi	22ĐHKL02	011100063501	Bản đồ hàng không	2	
4856	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	23ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không	3	
4857	2331710060	Phạm Minh	Anh	23ĐHKL01	011100063801	Điện và điện tử hàng không	3	
4858	2331710150	Đặng Dương Thùy	Tiên	23ĐHKL02	011100063801	Điện và điện tử hàng không	3	
4859	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	23ĐHKL03	011100063801	Điện và điện tử hàng không	3	
4860	2258420103	Phạm Thị Minh	Thư	22ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4861	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4862	2331710032	Trần Quốc	Huy	23ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4863	2331710041	Hồ Đăng	Khoa	23ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4864	2331710048	Trương Bảo	Ngọc	23ĐHKL01	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4865	2331710079	Nguyễn Quốc	Thắng	23ĐHKL02	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4866	2331710125	Tô Tịnh	Văn	23ĐHKL03	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4867	2331710134	Lê Minh	Hùng	23ĐHKL03	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4868	2331710149	Đỗ Thái	My	23ĐHKL03	011100063802	Điện và điện tử hàng không	3	
4869	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4870	2255200052	Trương Khoa	Đăng	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4871	2255200055	Huỳnh Mạnh	Khang	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4872	2255200059	Hoàng Đạt	Dũng	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4873	2255200060	Phạm Duy	Ân	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4874	2255200061	Huỳnh Duy	Phát	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4875	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4876	2255200068	Phạm Quốc	Vượng	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4877	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4878	2255200073	Hoàng Huy Phương	Nam	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4879	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4880	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4881	2255200087	Nguyễn Lâm Kiến	Thịnh	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4882	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4883	2255200095	Dương Trí	Thông	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4884	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4885	2255200097	Võ Ngọc	Hùng	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4886	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4887	2255200103	Nguyễn Văn Hoàng	Lam	22ĐHKT02	011100065101	Thực tập cơ bản	3	
4888	2255200001	Trần Thái	Toàn	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4889	2255200016	Đỗ Huy	Hoàng	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4890	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4891	2255200019	Trần Duy	Khánh	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4892	2255200022	Nguyễn Hữu	Đạt	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4893	2255200023	Đặng Minh	Hiển	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4894	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4895	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4896	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4897	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4898	2255200041	Nguyễn	Minh	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4899	2255200046	Lê Trung	Hậu	22ĐHKT01	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4900	2255200076	Nguyễn Thành	Nghĩa	22ĐHKT02	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4901	2255200089	Nguyễn Minh	Trí	22ĐHKT02	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4902	2255200099	Nguyễn Lê Gia	Bảo	22ĐHKT02	011100065102	Thực tập cơ bản	3	
4903	2331520009	Nguyễn Đại	Trung	23ĐHKT01	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4904	2331520013	Nguyễn Cao Hải	Nam	23ĐHKT01	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4905	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4906	2331520054	Thái Khắc	Du	23ĐHKT01	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4907	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	23ĐHKT02	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4908	2331520106	Nguyễn Hoàng	Duy	23ĐHKT02	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4909	2331520115	Hà Lâm Danh	Nhân	23ĐHKT02	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4910	2331520136	Phạm Nguyên	Vũ	23ĐHKT03	011100069501	Kỹ thuật điện tử	3	
4911	2331520005	Nguyễn Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4912	2331520016	Nguyễn Hồng	Đức	23ĐHKT01	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4913	2331520028	Đinh Lê Hoàng	Hải	23ĐHKT01	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4914	2331520043	Nguyễn Anh	Khôi	23ĐHKT01	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4915	2331520056	Phạm Trung	Hiếu	23ĐHKT01	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4916	2331520091	Nguyễn Thanh Trường	Giang	23ĐHKT03	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4917	2331520130	Phạm Minh	Quốc	23ĐHKT03	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4918	2331520140	Lê Hữu	Bằng	23ĐHKT03	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4919	2331520145	Trần Phạm Duy	Hoàng	23ĐHKT03	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4920	2331520146	Nguyễn Thành Phúc	Nguyên	23ĐHKT03	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4921	2331520157	Tăng Thế Tuấn	Kiệt	23ĐHKT03	011100069502	Kỹ thuật điện tử	3	
4922	2331520074	Nguyễn Khoa	Việt	23ĐHKT02	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4923	2331520047	Lê Phạm Thanh	Uy	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4924	2331520092	Trần Ngô Nhân	Kiệt	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4925	2331520122	Hoàng Tiến	Tuấn	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4926	2331520125	Hồ Vũ	Hải	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4927	2331520128	Trần Gia	Khiêm	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4928	2331520142	Ngô Quang	Chiến	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4929	2331520143	Mai Hồ Minh	Đức	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4930	2331520144	Lê Trọng Bảo	Duy	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4931	2331520154	Phan Khánh	An	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4932	2331520158	Đỗ Thanh	Tùng	23ĐHKT03	011100069503	Kỹ thuật điện tử	3	
4933	2255200023	Đặng Minh	Hiển	22ĐHKT01	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4934	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4935	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4936	2331520016	Nguyễn Hồng	Đức	23ĐHKT01	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4937	2331520028	Đinh Lê Hoàng	Hải	23ĐHKT01	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4938	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4939	2331520115	Hà Lâm Danh	Nhân	23ĐHKT02	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4940	2331520128	Trần Gia	Khiêm	23ĐHKT03	011100069601	Cơ học lý thuyết	2	
4941	2155200007	Hoàng Diệu Phương	Ánh	21ĐHKT01	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4942	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4943	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4944	2255200070	Mai Hiếu	Phong	22ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4945	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4946	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4947	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4948	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4949	2331520005	Nguyễn Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4950	2331520009	Nguyễn Đại	Trung	23ĐHKT01	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4951	2331520013	Nguyễn Cao Hải	Nam	23ĐHKT01	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4952	2331520043	Nguyễn Anh	Khôi	23ĐHKT01	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4953	2331520074	Nguyễn Khoa	Việt	23ĐHKT02	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4954	2331520091	Nguyễn Thanh Trường	Giang	23ĐHKT03	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4955	2331520140	Lê Hữu	Bằng	23ĐHKT03	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4956	2331520144	Lê Trọng Bảo	Duy	23ĐHKT03	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4957	2331520154	Phan Khánh	An	23ĐHKT03	011100069602	Cơ học lý thuyết	2	
4958	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4959	2331520054	Thái Khắc	Du	23ĐHKT01	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4960	2331520056	Phạm Trung	Hiếu	23ĐHKT01	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4961	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	23ĐHKT02	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4962	2331520106	Nguyễn Hoàng	Duy	23ĐHKT02	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4963	2331520092	Trần Ngô Nhân	Kiệt	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4964	2331520122	Hoàng Tiến	Tuấn	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4965	2331520125	Hồ Vũ	Hải	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
4966	2331520130	Phạm Minh	Quốc	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4967	2331520136	Phạm Nguyên	Vũ	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4968	2331520143	Mai Hồ Minh	Đức	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4969	2331520145	Trần Phạm Duy	Hoàng	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4970	2331520146	Nguyễn Thành Phúc	Nguyên	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4971	2331520157	Tăng Thê Tuấn	Kiệt	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4972	2331520158	Đỗ Thanh	Tùng	23ĐHKT03	011100069603	Cơ học lý thuyết	2	
4973	1953020067	Trang Hoàng	Gia	19ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4974	2105120021	Trần Triệu	Thiên	21ĐHĐT01	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4975	2105120103	Nguyễn Quốc	Hưng	21ĐHĐT01	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4976	2105120052	Nguyễn Viết	Tâm	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4977	2105120054	Lâm Thiên	Bảo	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4978	2105120062	Nguyễn Thị Kim	Chi	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4979	2105120081	Đoàn Đỗ Phi	Lâm	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4980	2105120088	Nguyễn Văn	Thuận	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4981	2105120096	Trần Thành	Nam	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4982	2105120099	Nguyễn Thị Ngân	Giang	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4983	2105120111	Vũ Trần Chí	Thành	21ĐHĐT02	011100072301	Chuyên đề 1	2	
4984	2053020038	Đặng Hoàng	Anh	20ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4985	2105120002	Nguyễn Quỳnh	Anh	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4986	2105120004	Dương Quốc Gia	Huy	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4987	2105120010	Lê Lương Bảo	Minh	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4988	2105120015	Phan Trí	Tài	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4989	2105120022	Hồ Văn	Nghị	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4990	2105120024	Nguyễn Thái	Hoàng	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4991	2105120032	Nguyễn Huỳnh	Khang	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4992	2105120034	Nguyễn Viết Minh	Đức	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4993	2105120042	Lê Trọng	Hiếu	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4994	2105120044	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4995	2105120105	Nguyễn Phú	Mãi	21ĐHĐT01	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4996	2105120058	Ứng Thiện	Khoa	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4997	2105120064	Trần Đức	Hòa	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4998	2105120067	Đậu Xuân	Hoài	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
4999	2105120075	Hồ Mạnh	Hoàng	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
5000	2105120078	Nguyễn Thái	Bảo	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5001	2105120084	Nguyễn Duy	Tín	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
5002	2105120093	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
5003	2105120108	Nguyễn Thị Bảo	Trân	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
5004	2105120110	Lê Sỹ	Vương	21ĐHĐT02	011100072302	Chuyên đề 1	2	
5005	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5006	2255200019	Trần Duy	Khánh	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5007	2255200022	Nguyễn Hữu	Đạt	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5008	2255200023	Đặng Minh	Hiền	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5009	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5010	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5011	2255200047	Nguyễn Tấn	Dũng	22ĐHKT01	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5012	2255200059	Hoàng Đạt	Dũng	22ĐHKT02	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5013	2255200073	Hoàng Huy Phương	Nam	22ĐHKT02	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5014	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5015	2255200097	Võ Ngọc	Hùng	22ĐHKT02	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5016	2255200099	Nguyễn Lê Gia	Bảo	22ĐHKT02	011100073201	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5017	2255200016	Đỗ Huy	Hoàng	22ĐHKT01	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5018	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5019	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5020	2255200041	Nguyễn	Minh	22ĐHKT01	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5021	2255200046	Lê Trung	Hậu	22ĐHKT01	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5022	2255200048	Lưu Nhữ	Khang	22ĐHKT01	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5023	2255200052	Trương Khoa	Đăng	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5024	2255200053	Nguyễn Văn Hoàng	Nhật	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5025	2255200055	Huỳnh Mạnh	Khang	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5026	2255200060	Phạm Duy	Ân	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5027	2255200061	Huỳnh Duy	Phát	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5028	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5029	2255200068	Phạm Quốc	Vượng	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5030	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5031	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5032	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5033	2255200087	Nguyễn Lâm Kiến	Thịnh	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5034	2255200089	Nguyễn Minh	Trí	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5035	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5036	2255200095	Dương Trí	Thông	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5037	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100073202	Truyền động-tự động thủy khí	3	
5038	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	011100073301	Đồ án môn học	3	
5039	2255200022	Nguyễn Hữu	Đạt	22ĐHKT01	011100073301	Đồ án môn học	3	
5040	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100073301	Đồ án môn học	3	
5041	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100073301	Đồ án môn học	3	
5042	2255200052	Trương Khoa	Đăng	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5043	2255200059	Hoàng Đạt	Dũng	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5044	2255200060	Phạm Duy	Ân	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5045	2255200061	Huỳnh Duy	Phát	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5046	2255200063	Bùi Thị Kim	Phụng	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5047	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5048	2255200068	Phạm Quốc	Vượng	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5049	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5050	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5051	2255200089	Nguyễn Minh	Trí	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5052	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5053	2255200095	Dương Trí	Thông	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5054	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5055	2255200097	Võ Ngọc	Hùng	22ĐHKT02	011100073301	Đồ án môn học	3	
5056	2258420021	Đoàn Thị Kim	Phúc	22ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5057	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5058	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5059	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5060	2258420087	Lê Mỹ	Hiền	22ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5061	2258420104	Nguyễn Thuý	Dung	22ĐHKL02	011100074301	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5062	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	22ĐHKL01	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5063	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5064	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5065	2258420069	Kiều Cẩm	An	22ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5066	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5067	2258420081	Khúc Thị Huệ	Phương	22ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5068	2258420096	Nguyễn Hoàng	Huy	22ĐHKL02	011100074302	Dịch vụ kiểm soát tại sân	3	
5069	2331710041	Hồ Đăng	Khoa	23ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không	3	
5070	2331710060	Phạm Minh	Anh	23ĐHKL01	011100082001	Dẫn đường hàng không	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5071	2331710061	Trần Ngọc	Trâm	23ĐHKL03	011100082001	Dẫn đường hàng không	3	
5072	2331710125	Tô Tịnh	Văn	23ĐHKL03	011100082001	Dẫn đường hàng không	3	
5073	2331710138	Bùi Diễm	Quỳnh	23ĐHKL03	011100082001	Dẫn đường hàng không	3	
5074	2252210016	Hồ Tấn	Đạt	22ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5075	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	23ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5076	2331710032	Trần Quốc	Huy	23ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5077	2331710044	Phan Ngọc	Trâm	23ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5078	2331710048	Trương Bảo	Ngọc	23ĐHKL01	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5079	2331710096	Võ Ngọc Thục	Nghi	23ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5080	2331710102	Vũ Ngọc Quỳnh	Như	23ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5081	2331710150	Đặng Dương Thủy	Tiên	23ĐHKL02	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5082	2331710134	Lê Minh	Hùng	23ĐHKL03	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5083	2331710149	Đỗ Thái	My	23ĐHKL03	011100082002	Dẫn đường hàng không	3	
5084	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	2	
5085	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	2	
5086	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100084001	Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	2	
5087	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5088	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5089	2255130024	Tất QuỳNh	Chi	22ĐHTĐ01	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5090	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5091	2255130102	Nguyễn Thái	Son	22ĐHTĐ01	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5092	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5093	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5094	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5095	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5096	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5097	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5098	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5099	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5100	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5101	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100088202	Đồ án học phần 1	3	
5102	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5103	2255130007	Nguyễn Đăng	Kiệt	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5104	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5105	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5106	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5107	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5108	2255130028	Nguyễn Huy	Hiếu	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5109	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5110	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5111	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5112	2255130046	Trương Tứ Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5113	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5114	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5115	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5116	2255130067	Trần Ngọc	Sơn	22ĐHTĐ02	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5117	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5118	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5119	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100088203	Đồ án học phần 1	3	
5120	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5121	2255130007	Nguyễn Đăng	Kiệt	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5122	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5123	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5124	2255130024	Tất Quỳnh	Chi	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5125	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5126	2255130028	Nguyễn Huy	Hiếu	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5127	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5128	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5129	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5130	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5131	2255130102	Nguyễn Thái	Sơn	22ĐHTĐ01	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5132	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5133	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100088601	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5134	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5135	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5136	2255130046	Trương Tứ Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5137	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5138	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5139	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5140	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5141	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5142	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5143	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5144	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5145	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5146	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5147	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5148	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5149	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5150	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100088602	Điều khiển logic khả trình PLC	3	
5151	2105130005	Bùi Văn Trung	Đức	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5152	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5153	2105130030	Trần Tuấn	Dũng	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5154	2105130032	Lê Lý Hùng	Hậu	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5155	2105130034	Lê Công	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5156	2105130043	Phan Trung	Kiên	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5157	2105130044	Đỗ Gia	Kỳ	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5158	2105130045	Trương Quang	Mỹ	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5159	2105130050	Lê Việt	Quang	21ĐHTĐ01	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5160	2105130060	Nguyễn Văn	Bạc	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5161	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5162	2105130066	Nguyễn Minh	Đăng	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5163	2105130073	Nguyễn Ngọc	Dũng	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5164	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5165	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5166	2105130084	Phạm Trung	Hiếu	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5167	2105130088	Trần Đình	Hung	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5168	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5169	2105130099	Phạm Bảo	Ngọc	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5170	2105130102	Lương Trọng	Nhật	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5171	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5172	2105130113	Hồ Phú	Tân	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5173	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5174	2105130120	Hồ Thị Kiều	Tiên	21ĐHTĐ02	011100088701	Kỹ thuật robot	3	
5175	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100089201	Thực hành máy điện	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5176	2331530015	Võ Thiên	Phú	23ĐHTĐ01	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5177	2331530030	Trịnh Trần Công	Hậu	23ĐHTĐ01	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5178	2331530031	Lâm Duy	Anh	23ĐHTĐ01	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5179	2331530034	Đoàn Gia	Bảo	23ĐHTĐ01	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5180	2331530082	Võ Tân	Thịnh	23ĐHTĐ02	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5181	2331530084	Mai Thành	Đạt	23ĐHTĐ02	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5182	2331530101	Nguyễn Quang	Vinh	23ĐHTĐ02	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5183	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	011100089201	Thực hành máy điện	1	
5184	2331530010	Trần Hữu	Thoại	23ĐHTĐ01	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5185	2331530021	Đỗ Mạnh	Hưng	23ĐHTĐ01	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5186	2331530023	Trần Anh	Tuấn	23ĐHTĐ01	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5187	2331530096	Võ Phạm Hồng	Phúc	23ĐHTĐ01	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5188	2331530051	Đoàn Nhật	Thy	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5189	2331530056	Vũ Minh	Triết	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5190	2331530078	Lâm Chấn	Khang	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5191	2331530080	Trần Minh	Khôi	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5192	2331530081	Phan Duy	Tân	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5193	2331530085	Nguyễn Văn	Long	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5194	2331530090	Võ Bá	Hỗ	23ĐHTĐ02	011100089202	Thực hành máy điện	1	
5195	2105130005	Bùi Văn Trung	Đức	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5196	2105130024	Nguyễn Đăng Hùng	Anh	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5197	2105130030	Trần Tuấn	Dũng	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5198	2105130032	Lê Lý Hùng	Hậu	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5199	2105130034	Lê Công	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5200	2105130040	Đoàn Hồ	Khoa	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5201	2105130041	Nguyễn Duy	Khoa	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5202	2105130044	Đỗ Gia	Kỳ	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5203	2105130050	Lê Việt	Quang	21ĐHTĐ01	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5204	2105130068	Triệu Thị	Điệp	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5205	2105130073	Nguyễn Ngọc	Dũng	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5206	2105130088	Trần Đình	Hưng	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5207	2105130089	Đình Gia	Huy	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5208	2105130102	Lương Trọng	Nhật	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5209	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5210	2105130120	Hồ Thị Kiều	Tiên	21ĐHTĐ02	011100090201	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5211	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5212	2105130036	Nguyễn Xuân	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5213	2105130043	Phan Trung	Kiên	21ĐHTĐ01	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5214	2105130045	Trương Quang	Mỹ	21ĐHTĐ01	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5215	2105130060	Nguyễn Văn	Bạc	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5216	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5217	2105130066	Nguyễn Minh	Đăng	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5218	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5219	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5220	2105130084	Phạm Trung	Hiếu	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5221	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5222	2105130099	Phạm Bảo	Ngọc	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5223	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5224	2105130113	Hồ Phú	Tân	21ĐHTĐ02	011100090202	Tự động hoá quá trình công nghệ	2	
5225	2105130005	Bùi Văn Trung	Đức	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5226	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5227	2105130030	Trần Tuấn	Dũng	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5228	2105130032	Lê Lý Hùng	Hậu	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5229	2105130034	Lê Công	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5230	2105130036	Nguyễn Xuân	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5231	2105130040	Đoàn Hồ	Khoa	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5232	2105130043	Phan Trung	Kiên	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5233	2105130044	Đỗ Gia	Kỳ	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5234	2105130045	Trương Quang	Mỹ	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5235	2105130050	Lê Việt	Quang	21ĐHTĐ01	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5236	2105130060	Nguyễn Văn	Bạc	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5237	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5238	2105130066	Nguyễn Minh	Đăng	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5239	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5240	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5241	2105130084	Phạm Trung	Hiếu	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5242	2105130088	Trần Đình	Hung	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5243	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5244	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5245	2105130113	Hồ Phú	Tân	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5246	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5247	2105130120	Hồ Thị Kiều	Tiên	21ĐHTĐ02	011100091301	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	
5248	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5249	2255130007	Nguyễn Đăng	Kiệt	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5250	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5251	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5252	2255130024	Tất Quỳnh	Chi	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5253	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5254	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5255	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5256	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5257	2255130102	Nguyễn Thái	Son	22ĐHTĐ01	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5258	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5259	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100091801	Thực hành điện tử số	1	
5260	2105130073	Nguyễn Ngọc	Dũng	21ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5261	2105130089	Đinh Gia	Huy	21ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5262	2105130099	Phạm Bảo	Ngọc	21ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5263	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5264	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5265	2255130046	Trương Tử Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5266	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5267	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5268	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5269	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5270	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5271	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5272	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5273	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5274	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5275	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5276	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5277	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5278	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5279	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100091802	Thực hành điện tử số	1	
5280	2051200015	Cao Văn	Hiếu	20ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5281	2051200055	Nguyễn Anh	Đức	20ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	
5282	2051200070	Phạm	An	20ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	
5283	2055200109	Nguyễn Quang	Thái	20ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	
5284	2155200044	Nguyễn Bảo	Tâm	21ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	
5285	2255200001	Trần Thái	Toàn	22ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	
5286	2255200047	Nguyễn Tấn	Dũng	22ĐHKT01	011100105501	Khí động học 1	3	
5287	2255200063	Bùi Thị Kim	Phụng	22ĐHKT02	011100105501	Khí động học 1	3	
5288	2255200073	Hoàng Huy Phương	Nam	22ĐHKT02	011100105501	Khí động học 1	3	
5289	2255200095	Dương Trí	Thông	22ĐHKT02	011100105501	Khí động học 1	3	
5290	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	011100105601	Kết cấu Hàng không 2	3	
5291	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100105601	Kết cấu Hàng không 2	3	
5292	2255200059	Hoàng Đạt	Dũng	22ĐHKT02	011100105601	Kết cấu Hàng không 2	3	
5293	2255200097	Võ Ngọc	Hùng	22ĐHKT02	011100105601	Kết cấu Hàng không 2	3	
5294	2255200008	Đỗ Trần Ngọc	Hải	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5295	2255200012	Nguyễn Thiên	Bảo	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5296	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5297	2255200019	Trần Duy	Khánh	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5298	2255200023	Đặng Minh	Hiển	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5299	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5300	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5301	2255200041	Nguyễn	Minh	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5302	2255200046	Lê Trung	Hậu	22ĐHKT01	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5303	2255200052	Trương Khoa	Đăng	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5304	2255200055	Huỳnh Mạnh	Khang	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5305	2255200060	Phạm Duy	Ân	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5306	2255200061	Huỳnh Duy	Phát	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5307	2255200063	Bùi Thị Kim	Phụng	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5308	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5309	2255200068	Phạm Quốc	Vượng	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5310	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5311	2255200073	Hoàng Huy Phương	Nam	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5312	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5313	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5314	2255200087	Nguyễn Lâm Kiến	Thịnh	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5315	2255200089	Nguyễn Minh	Trí	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5316	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5317	2255200095	Dương Trí	Thông	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5318	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5319	2255200099	Nguyễn Lê Gia	Bảo	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5320	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100105602	Kết cấu Hàng không 2	3	
5321	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100105801	Khí động học 2	3	
5322	2255200019	Trần Duy	Khánh	22ĐHKT01	011100105801	Khí động học 2	3	
5323	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHKT01	011100105801	Khí động học 2	3	
5324	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100105801	Khí động học 2	3	
5325	2255200047	Nguyễn Tấn	Dũng	22ĐHKT01	011100105801	Khí động học 2	3	
5326	2255200073	Hoàng Huy Phương	Nam	22ĐHKT02	011100105801	Khí động học 2	3	
5327	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100105801	Khí động học 2	3	
5328	2255200097	Võ Ngọc	Hùng	22ĐHKT02	011100105801	Khí động học 2	3	
5329	2255200099	Nguyễn Lê Gia	Bảo	22ĐHKT02	011100105801	Khí động học 2	3	
5330	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100105802	Khí động học 2	3	
5331	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100105802	Khí động học 2	3	
5332	2255200041	Nguyễn	Minh	22ĐHKT01	011100105802	Khí động học 2	3	
5333	2255200046	Lê Trung	Hậu	22ĐHKT01	011100105802	Khí động học 2	3	
5334	2255200048	Lưu Nhữ	Khang	22ĐHKT01	011100105802	Khí động học 2	3	
5335	2255200052	Trương Khoa	Đăng	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5336	2255200053	Nguyễn Văn Hoàng	Nhật	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5337	2255200055	Huỳnh Mạnh	Khang	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5338	2255200060	Phạm Duy	Ân	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5339	2255200061	Huỳnh Duy	Phát	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5340	2255200063	Bùi Thị Kim	Phụng	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5341	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5342	2255200068	Phạm Quốc	Vượng	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5343	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5344	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5345	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5346	2255200087	Nguyễn Lâm Kiên	Thịnh	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5347	2255200089	Nguyễn Minh	Trí	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5348	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5349	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	
5350	2255200103	Nguyễn Văn Hoàng	Lam	22ĐHKT02	011100105802	Khí động học 2	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5351	2331550008	Nguyễn Sỹ	Tuấn	23ĐHXD01	011100115101	Địa chất công trình	2	
5352	2331550014	Phan Trung	Nhân	23ĐHXD01	011100115101	Địa chất công trình	2	
5353	2331550008	Nguyễn Sỹ	Tuấn	23ĐHXD01	011100115201	Cơ kết cấu 1	2	
5354	2331550014	Phan Trung	Nhân	23ĐHXD01	011100115201	Cơ kết cấu 1	2	
5355	2331550007	Trần Khắc	Viễn	23ĐHXD01	011100115301	Sức bền vật liệu 2	2	
5356	2331550008	Nguyễn Sỹ	Tuấn	23ĐHXD01	011100115301	Sức bền vật liệu 2	2	
5357	2331550014	Phan Trung	Nhân	23ĐHXD01	011100115301	Sức bền vật liệu 2	2	
5358	2331550007	Trần Khắc	Viễn	23ĐHXD01	011100115501	Thực tập trắc địa	1	
5359	2331550008	Nguyễn Sỹ	Tuấn	23ĐHXD01	011100115501	Thực tập trắc địa	1	
5360	2331550014	Phan Trung	Nhân	23ĐHXD01	011100115501	Thực tập trắc địa	1	
5361	2331520005	Nguyễn Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5362	2331520013	Nguyễn Cao Hải	Nam	23ĐHKT01	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5363	2331520106	Nguyễn Hoàng	Duy	23ĐHKT02	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5364	2331520092	Trần Ngô Nhân	Kiệt	23ĐHKT03	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5365	2331520119	Nguyễn Đặng Nhật	Trường	23ĐHKT03	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5366	2331520127	Phạm Huy	Hoàng	23ĐHKT03	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5367	2331520128	Trần Gia	Khiêm	23ĐHKT03	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5368	2331520146	Nguyễn Thành Phúc	Nguyên	23ĐHKT03	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5369	2331520158	Đỗ Thanh	Tùng	23ĐHKT03	011100117301	Trí tuệ nhân tạo	2	
5370	2331520028	Đinh Lê Hoàng	Hải	23ĐHKT01	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5371	2331520037	Phạm Minh	Hiếu	23ĐHKT01	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5372	2331520054	Thái Khắc	Du	23ĐHKT01	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5373	2331520056	Phạm Trung	Hiếu	23ĐHKT01	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5374	2331520074	Nguyễn Khoa	Việt	23ĐHKT02	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5375	2331520115	Hà Lâm Danh	Nhân	23ĐHKT02	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5376	2331520122	Hoàng Tiến	Tuấn	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5377	2331520130	Phạm Minh	Quốc	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5378	2331520136	Phạm Nguyên	Vũ	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5379	2331520140	Lê Hữu	Bằng	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5380	2331520143	Mai Hồ Minh	Đức	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5381	2331520145	Trần Phạm Duy	Hoàng	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5382	2331520157	Tăng Thế Tuấn	Kiệt	23ĐHKT03	011100117302	Trí tuệ nhân tạo	2	
5383	2331520009	Nguyễn Đại	Trung	23ĐHKT01	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5384	2331520016	Nguyễn Hồng	Đức	23ĐHKT01	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5385	2331520043	Nguyễn Anh	Khôi	23ĐHKT01	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5386	2331520113	Trần Gia	Huy	23ĐHKT02	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5387	2331520091	Nguyễn Thanh Trường	Giang	23ĐHKT03	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5388	2331520125	Hồ Vũ	Hải	23ĐHKT03	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5389	2331520144	Lê Trọng Bảo	Duy	23ĐHKT03	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5390	2331520154	Phan Khánh	An	23ĐHKT03	011100117303	Trí tuệ nhân tạo	2	
5391	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5392	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5393	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5394	2250000155	Phan Thị Ngọc	Trâm	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5395	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5396	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5397	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5398	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100124901	Công nghệ vật liệu mới trong xây dựng (vật liệu xây dựng 2)	2	
5399	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5400	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5401	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5402	2250000155	Phan Thị Ngọc	Trâm	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5403	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5404	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5405	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5406	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100125601	Đồ án kết cấu thép	1	
5407	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5408	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5409	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5410	2250000155	Phan Thị Ngọc	Trâm	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5411	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5412	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5413	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5414	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100128801	Quy hoạch sân bay - Cảng hàng không	2	
5415	2331550007	Trần Khắc	Viễn	23ĐHXD01	011100128901	Tin học chuyên ngành (QLDA)	2	
5416	2331550008	Nguyễn Sỹ	Tuấn	23ĐHXD01	011100128901	Tin học chuyên ngành (QLDA)	2	
5417	2331550014	Phan Trung	Nhân	23ĐHXD01	011100128901	Tin học chuyên ngành (QLDA)	2	
5418	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5419	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5420	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5421	2250000155	Phan Thị Ngọc	Trâm	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5422	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5423	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5424	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5425	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100129001	Tổ chức giao thông trong sân bay	2	
5426	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5427	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5428	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5429	2250000155	Phan Thị Ngọc	Trâm	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5430	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5431	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5432	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5433	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100129201	Tổ chức thi công nhà dân dụng	2	
5434	2250000150	Tạ Anh	Phát	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5435	2250000151	Võ Hoàng	Thái	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5436	2250000153	Nguyễn Phan Lê	Quyên	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5437	2250000155	Phan Thị Ngọc	Trâm	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5438	2250000158	Nguyễn Tuấn	An	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5439	2250000164	Nguyễn Ngọc Tâm	Như	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5440	2250000165	Lương Cao Thành	Tâm	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5441	2250000168	Lê Xuân	Minh	22ĐHXD01	011100129701	Thiết kế hình học đường ô tô - đường băng	2	
5442	2155200046	Vương Quốc	Thắng	21ĐHKT01	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5443	2255200001	Trần Thái	Toàn	22ĐHKT01	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5444	2255200016	Đỗ Huy	Hoàng	22ĐHKT01	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5445	2255200022	Nguyễn Hữu	Đạt	22ĐHKT01	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5446	2255200031	Trần Ngọc Tiểu	Kha	22ĐHKT01	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5447	2255200059	Hoàng Đạt	Dũng	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5448	2255200065	Nguyễn Thanh	Toàn	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5449	2255200068	Phạm Quốc	Vượng	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5450	2255200072	Trần Thị Thanh	Trúc	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5451	2255200073	Hoàng Huy Phương	Nam	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5452	2255200082	Nguyễn Đình Gia	Văn	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5453	2255200094	Phan Vy	Vy	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5454	2255200096	Phạm Huy	Hoàng	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5455	2255200097	Võ Ngọc	Hùng	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5456	2255200103	Nguyễn Văn Hoàng	Lam	22ĐHKT02	011100132701	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5457	2255200017	Ngô Hà Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5458	2255200019	Trần Duy	Khánh	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5459	2255200023	Đặng Minh	Hiền	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5460	2255200025	Lê Tiến	Đạt	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5461	2255200026	Nguyễn Minh	Hiếu	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5462	2255200038	Huỳnh Thị Thùy	Dương	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5463	2255200041	Nguyễn	Minh	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5464	2255200046	Lê Trung	Hậu	22ĐHKT01	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5465	2255200052	Trương Khoa	Đặng	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5466	2255200055	Huỳnh Mạnh	Khang	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5467	2255200060	Phạm Duy	Ân	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5468	2255200061	Huỳnh Duy	Phát	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5469	2255200063	Bùi Thị Kim	Phụng	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5470	2255200076	Nguyễn Thành	Nghĩa	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5471	2255200077	Nhan Minh	Tiến	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5472	2255200087	Nguyễn Lâm Kiên	Thịnh	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5473	2255200089	Nguyễn Minh	Trí	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5474	2255200095	Dương Trí	Thông	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5475	2255200099	Nguyễn Lê Gia	Bảo	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5476	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100132702	Động cơ piston và cánh quạt	3	
5477	2105130005	Bùi Văn Trung	Đức	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5478	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5479	2105130030	Trần Tuấn	Dũng	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5480	2105130032	Lê Lý Hùng	Hậu	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5481	2105130034	Lê Công	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5482	2105130036	Nguyễn Xuân	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5483	2105130040	Đoàn Hồ	Khoa	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5484	2105130043	Phan Trung	Kiên	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5485	2105130044	Đỗ Gia	Kỳ	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5486	2105130045	Trương Quang	Mỹ	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5487	2105130050	Lê Việt	Quang	21ĐHTĐ01	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5488	2105130060	Nguyễn Văn	Bạc	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5489	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5490	2105130066	Nguyễn Minh	Đặng	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5491	2105130073	Nguyễn Ngọc	Dũng	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5492	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5493	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5494	2105130084	Phạm Trung	Hiếu	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5495	2105130088	Trần Đình	Hung	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5496	2105130089	Đinh Gia	Huy	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5497	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5498	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5499	2105130113	Hồ Phú	Tân	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5500	2105130114	Đặng Tấn	Thạch	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5501	2105130120	Hồ Thị Kiều	Tiên	21ĐHTĐ02	011100137302	Điều khiển nâng cao	3	
5502	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5503	2105130029	Đỗ Ngọc Minh	Đức	21ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5504	2255130022	Phan Minh	Thuận	22ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5505	2255130028	Nguyễn Huy	Hiếu	22ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5506	2255130029	Bùi Tấn	Phú	22ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5507	2255130035	Nguyễn	Cao	22ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5508	2255130038	Nguyễn Minh	Tiến	22ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5509	2255130102	Nguyễn Thái	Sơn	22ĐHTĐ01	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5510	2231530109	Nguyễn Đức	Mạnh	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5511	2255130055	Đoàn Quang	Anh	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5512	2255130057	Trần Quốc	Việt	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5513	2255130067	Trần Ngọc	Sơn	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5514	2255130068	Nguyễn Khánh	Duy	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5515	2255130074	Vũ Gia	Ân	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5516	2255130075	Huỳnh Duy Anh	Khôi	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5517	2255130076	Nguyễn Trọng	Nhân	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5518	2255130078	Lâm Hoàng Thanh	Hùng	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5519	2255130086	Nguyễn Quốc	Toàn	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5520	2255130099	Phạm Nhựt	Bằng	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5521	2255130107	Nguyễn Xuân	Huy	22ĐHTĐ02	011100142201	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5522	2255130002	Nguyễn Quang	Vũ	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5523	2255130007	Nguyễn Đăng	Kiệt	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5524	2255130012	Trần Duy	Phước	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5525	2255130015	Đoàn Dương	Luân	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5526	2255130020	Trịnh Huỳnh Ngọc	Quang	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5527	2255130024	Tất Quỳnh	Chi	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5528	2255130026	Nguyễn Văn Thành	Lâm	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5529	2255130046	Trương Tứ Thiện	Kim	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5530	2255130047	Trần Thị Huệ	Trúc	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5531	2255130049	Bùi Sĩ	Cường	22ĐHTĐ01	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5532	2255130056	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	22ĐHTĐ02	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5533	2255130058	Lê Minh	Hiếu	22ĐHTĐ02	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5534	2255130060	Nguyễn Ngọc	Anh	22ĐHTĐ02	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5535	2255130069	Phan Nguyễn Quyền	Ngân	22ĐHTĐ02	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5536	2255130085	Nguyễn Thùy	Dương	22ĐHTĐ02	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5537	2255130087	Lư Chí	Hải	22ĐHTĐ02	011100142202	Thiết bị và hệ thống tự động	2	
5538	2258420039	Trần Thanh	Tùng	22ĐHKL01	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	2	
5539	2258420068	Trần Trung	Kiên	22ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	2	
5540	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	2	
5541	2258420104	Nguyễn Thùy	Dung	22ĐHKL02	011100142501	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB 1	2	
5542	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	22ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5543	2258420021	Đoàn Thị Kim	Phúc	22ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5544	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5545	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5546	2258420069	Kiều Cẩm	An	22ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5547	2258420074	Trương Vũ Minh	Hoàng	22ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5548	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5549	2258420081	Khúc Thị Huệ	Phương	22ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5550	2258420087	Lê Mỹ	Hiền	22ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5551	2258420096	Nguyễn Hoàng	Huy	22ĐHKL02	011100142601	Thuật ngữ chuyên ngành QLHĐB2	2	
5552	2258420001	Lê Quốc Anh	Huy	22ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5553	2258420021	Đoàn Thị Kim	Phúc	22ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5554	2258420022	Trần Võ Bảo	Ngọc	22ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5555	2258420048	Trần Lê Minh	Khánh	22ĐHKL01	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5556	2258420069	Kiều Cẩm	An	22ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5557	2258420076	Trần Thị Hồng	Ngọc	22ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5558	2258420081	Khúc Thị Huệ	Phương	22ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5559	2258420096	Nguyễn Hoàng	Huy	22ĐHKL02	011100142901	Liên lạc và giám sát theo tình năng	2	
5560	2105130005	Bùi Văn Trung	Đức	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5561	2105130022	Hoàng Khắc	Hung	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5562	2105130030	Trần Tuấn	Dũng	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5563	2105130032	Lê Lý Hùng	Hậu	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5564	2105130034	Lê Công	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5565	2105130036	Nguyễn Xuân	Hoàng	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5566	2105130043	Phan Trung	Kiên	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5567	2105130044	Đỗ Gia	Kỳ	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5568	2105130045	Trương Quang	Mỹ	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5569	2105130050	Lê Việt	Quang	21ĐHTĐ01	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5570	2105130060	Nguyễn Văn	Bạc	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5571	2105130063	Nguyễn Trường	Bảo	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5572	2105130066	Nguyễn Minh	Đăng	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5573	2105130073	Nguyễn Ngọc	Dũng	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5574	2105130076	Nguyễn Thị Hương	Giang	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5575	2105130081	Võ Công	Hậu	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5576	2105130084	Phạm Trung	Hiếu	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5577	2105130095	Huỳnh Anh	Khôi	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5578	2105130110	Lê Thúy	Quỳnh	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5579	2105130113	Hồ Phú	Tân	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5580	2105130120	Hồ Thị Kiều	Tiên	21ĐHTĐ02	011100156501	Học máy và ứng dụng	2	
5581	2331520125	Hồ Vũ	Hải	23ĐHKT03	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5582	2331310523	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23ĐHQT09	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5583	2331530030	Trịnh Trần Công	Hậu	23ĐHTĐ01	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5584	2331530031	Lâm Duy	Anh	23ĐHTĐ01	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5585	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	23ĐHTĐ01	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5586	2331530060	Nguyễn Công Quốc	Đạt	23ĐHTĐ02	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5587	2331530080	Trần Minh	Khôi	23ĐHTĐ02	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5588	2331530081	Phan Duy	Tân	23ĐHTĐ02	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5589	2331530102	Đào Chiến	Thắng	23ĐHTĐ02	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5590	2331540107	Trương Như	Quỳnh	23ĐHTT02	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5591	2331540167	Lê Văn	Đức	23ĐHTT03	011100158801	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5592	2255200101	Nguyễn Đỗ Quang	Nhật	22ĐHKT02	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5593	2331520136	Phạm Nguyên	Vũ	23ĐHKT03	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5594	2331310481	Nguyễn Thị Trúc	Ly	23ĐHQT09	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5595	2331310496	Võ Đặng Minh	Phượng	23ĐHQT09	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5596	2331310520	Phạm Thị Quỳnh	Như	23ĐHQT09	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5597	2331530078	Lâm Chấn	Khang	23ĐHTĐ02	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5598	2331530079	Trần Hữu Hải	Nam	23ĐHTĐ02	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5599	2331530084	Mai Thành	Đạt	23ĐHTĐ02	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5600	2331540031	Chu Văn	Mùa	23ĐHTT01	011100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	
5601	2341820001	Đỗ Thanh	Trúc	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5602	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5603	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5604	2341820010	Đào Lê Trâm	Anh	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5605	2341820012	Lê Thị Vân	Anh	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5606	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5607	2341820021	Lê Tiến	Đạt	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5608	2341820022	Cao Minh	Huy	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5609	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5610	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	23CĐKL01	030100005601	Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	3	
5611	2201210003	Quách An	Khang	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5612	2201210010	Trịnh Minh	Tài	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5613	2201210013	Trần Khả	Tú	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5614	2201210014	Trần Thị Quỳnh	Như	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5615	2201210017	Nguyễn Quang	Anh	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5616	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5617	2201210021	Nguyễn Thân Ly	Na	22CĐKL01	030100006501	Quản lý hoạt động bay	4	
5618	2111010047	Nguyễn Duy	Tài	21CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5619	2201010007	Nguyễn Thị Thuý	Dương	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5620	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5621	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5622	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5623	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5624	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5625	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5626	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5627	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100013801	Thực tập nghề nghiệp	3	
5628	2111210039	Thân Văn Tiến	Đạt	21CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5629	2201210010	Trịnh Minh	Tài	22CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5630	2341820001	Đỗ Thanh	Trúc	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5631	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5632	2341820010	Đào Lê Trâm	Anh	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5633	2341820012	Lê Thị Vân	Anh	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5634	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5635	2341820021	Lê Tiến	Đạt	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5636	2341820022	Cao Minh	Huy	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5637	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5638	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	23CĐKL01	030100023601	Dịch vụ không lưu	3	
5639	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5640	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5641	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5642	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5643	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5644	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5645	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5646	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5647	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100024801	Pháp luật về an ninh HK, an ninh trật tự	3	
5648	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5649	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5650	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5651	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5652	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5653	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5654	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5655	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5656	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100026301	Bảo vệ tàu bay	2	
5657	2111150049	Hoàng Thị Ngọc	Hân	21CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5658	2111150074	Lương Tâm	Như	21CĐTM02	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5659	2111150079	Trần Thị Thu	Huyền	21CĐTM02	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5660	2111150084	Mai Ngọc	Hân	21CĐTM02	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5661	2111150128	Trần Hoàng	Lâm	21CĐTM03	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5662	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5663	2201150101	Nguyễn Ngọc	Hiền	22CĐTM02	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5664	2341810003	Hoàng Khánh	Linh	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5665	2341810004	Trương Ngọc	Long	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5666	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5667	2341810011	Đổng Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5668	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5669	2341810015	Dương Hồng Yến	Nhi	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5670	2341810030	Trần Thị Yến	Nhi	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5671	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5672	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5673	2341810053	Đỗ Thành	Công	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5674	2341810054	Phạm Huyền Như	Phương	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5675	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100030001	Điện văn hành khách và hành lý	2	
5676	2013120023	Thân Hạnh Thảo	Nhi	20CĐĐV01	030100032001	Tiếng Anh chuyên ngành 2-ĐTVT	2	
5677	2201210003	Quách An	Khang	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5678	2201210010	Trịnh Minh	Tài	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5679	2201210013	Trần Khả	Tú	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5680	2201210014	Trần Thị Quỳnh	Như	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5681	2201210017	Nguyễn Quang	Anh	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5682	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5683	2201210021	Nguyễn Thân Ly	Na	22CĐKL01	030100033401	Thực hành dịch vụ Kiểm soát đường dài (có hệ thống giám sát)	4	
5684	2011150152	Đào Thụy Ngọc	Hân	20CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5685	2111150074	Lương Tâm	Như	21CĐTM02	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5686	2111150093	Cáp Thị Mỹ	Yến	21CĐTM02	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5687	2111150105	Nguyễn Quốc	Phi	21CĐTM03	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5688	2111150128	Trần Hoàng	Lâm	21CĐTM03	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5689	2111150129	Lê Viễn	Đông	21CĐTM03	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5690	2341810003	Hoàng Khánh	Linh	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5691	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5692	2341810011	Đổng Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5693	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5694	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5695	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5696	2341810053	Đỗ Thành	Công	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5697	2341810054	Phạm Huyền Như	Phương	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5698	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100033501	Điện văn phục vụ hàng hóa	2	
5699	2341820001	Đỗ Thanh	Trúc	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5700	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5701	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5702	2341820010	Đào Lê Trâm	Anh	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5703	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5704	2341820012	Lê Thị Vân	Anh	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5705	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5706	2341820021	Lê Tiến	Đạt	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5707	2341820022	Cao Minh	Huy	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5708	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5709	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	23CĐKL01	030100033901	Hệ thống thông tin, liên lạc HK	2	
5710	2111150074	Lương Tâm	Như	21CĐTM02	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5711	2201150069	Lê Võ Thảo	Phương	22CĐTM02	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5712	2201150095	Lê Quang	Tường	22CĐTM02	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5713	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5714	2201150101	Nguyễn Ngọc	Hiền	22CĐTM02	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5715	2341810003	Hoàng Khánh	Linh	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5716	2341810004	Trương Ngọc	Long	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5717	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5718	2341810011	Đồng Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5719	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5720	2341810015	Dương Hồng Yến	Nhi	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5721	2341810030	Trần Thị Yến	Nhi	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5722	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5723	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5724	2341810054	Phạm Huyền Như	Phương	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5725	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100052001	Phục vụ hành lý	2	
5726	2110000038	Nguyễn Thế	Anh	21CĐCK01	030100053801	Động cơ Piston	2	
5727	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100053801	Động cơ Piston	2	
5728	2341840008	Huỳnh	Tỷ	23CĐCK01	030100053801	Động cơ Piston	2	
5729	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100053801	Động cơ Piston	2	
5730	2341840017	Đậu Phi	Long	23CĐCK01	030100053801	Động cơ Piston	2	
5731	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100053801	Động cơ Piston	2	
5732	2110000038	Nguyễn Thế	Anh	21CĐCK01	030100059901	Khí động lực học cơ bản	2	
5733	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100059901	Khí động lực học cơ bản	2	
5734	2341840008	Huỳnh	Tỷ	23CĐCK01	030100059901	Khí động lực học cơ bản	2	
5735	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100059901	Khí động lực học cơ bản	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5736	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100059901	Khí động lực học cơ bản	2	
5737	2011010049	Lê Thị Ngọc	Hạnh	20CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5738	2111010028	Đặng Lưu Minh	Anh	21CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5739	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5740	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5741	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5742	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5743	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5744	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5745	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5746	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5747	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100061101	Tâm lý tội phạm, tâm lý hành khách	2	
5748	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5749	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5750	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5751	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5752	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5753	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5754	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5755	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5756	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100061201	Thiết bị an ninh hàng không	2	
5757	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5758	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5759	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5760	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5761	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5762	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5763	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5764	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5765	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100061301	Vũ khí, công cụ hỗ trợ; vật phẩm nguy hiểm và thiết bị phá hoại	3	
5766	2341820001	Đỗ Thanh	Trúc	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5767	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5768	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5769	2341820010	Đào Lê Trâm	Anh	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5770	2341820011	Phạm Nguyễn Đan	Lê	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5771	2341820012	Lê Thị Vân	Anh	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5772	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5773	2341820021	Lê Tiến	Đạt	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5774	2341820022	Cao Minh	Huy	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5775	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5776	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	23CĐKL01	030100063501	Bản đồ hàng không	2	
5777	2111150074	Lương Tâm	Như	21CĐTM02	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5778	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5779	2341810002	Nguyễn Phạm Bảo	Quyên	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5780	2341810003	Hoàng Khánh	Linh	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5781	2341810004	Trương Ngọc	Long	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5782	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5783	2341810011	Đổng Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5784	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5785	2341810015	Dương Hồng Yến	Nhi	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5786	2341810030	Trần Thị Yến	Nhi	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5787	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5788	2341810039	Nguyễn Ngọc	Anh	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5789	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5790	2341810053	Đỗ Thành	Công	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5791	2341810054	Phạm Huyền Như	Phương	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5792	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100064201	Giấy tờ du lịch	2	
5793	2201150047	Nguyễn Tấn	Lộc	22CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5794	2201150086	Nguyễn Thị Bích	Sen	22CĐTM02	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5795	2341810003	Hoàng Khánh	Linh	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5796	2341810004	Trương Ngọc	Long	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5797	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5798	2341810011	Đổng Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5799	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5800	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5801	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5802	2341810053	Đỗ Thành	Công	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5803	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100064301	Phục vụ động vật sống và hàng dễ hỏng	3	
5804	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5805	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5806	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5807	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5808	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5809	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5810	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5811	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5812	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100064501	Võ thuật 1	2	
5813	1911010029	Nguyễn Nhật	Khánh	19CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5814	2111010047	Nguyễn Duy	Tài	21CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5815	2201010007	Nguyễn Thị Thuý	Dương	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5816	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5817	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5818	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5819	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5820	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5821	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5822	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5823	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100064601	Giám sát viên an ninh hàng không	2	
5824	2201210003	Quách An	Khang	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5825	2201210010	Trịnh Minh	Tài	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5826	2201210013	Trần Khả	Tú	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5827	2201210014	Trần Thị Quỳnh	Như	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5828	2201210017	Nguyễn Quang	Anh	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5829	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5830	2201210021	Nguyễn Thân Ly	Na	22CĐKL01	030100064801	Sử dụng thiết bị giám sát trong công tác điều hành bay	4	
5831	2341830002	Nguyễn Hữu	Hiếu	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5832	2341830003	Trần Tâm	Như	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5833	2341830004	Nguyễn Phương	Linh	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5834	2341830005	Đỗ Chí	Hướng	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5835	2341830011	Nguyễn Thị	Phương	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5836	2341830013	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5837	2341830016	Nguyễn Khoa Việt	Hoàng	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5838	2341830017	Trần Ngọc	Linh	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5839	2341830019	Trương Phúc	Anh	23CĐAN01	030100066301	Kiểm tra, giám sát an ninh hàng không, an ninh khu vực hạn chế	3	
5840	2010000046	Nguyễn Trí	Cao	20CĐCK01	030100066401	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5841	2110000038	Nguyễn Thế	Anh	21CĐCK01	030100066401	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	
5842	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100066401	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	
5843	2341840008	Huỳnh	Tỷ	23CĐCK01	030100066401	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	
5844	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100066401	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	
5845	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100066401	Yếu tố con người trong bảo dưỡng tàu bay	2	
5846	2201010007	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5847	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5848	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5849	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5850	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5851	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5852	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5853	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5854	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100068601	Quản trị nguồn nhân lực đảm bảo an ninh hàng không (yếu tố con người trong an ninh hàng không)	2	
5855	2201010007	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5856	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5857	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5858	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5859	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5860	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5861	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5862	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5863	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100068801	Kiểm soát chất lượng an ninh HK	2	
5864	1911150086	Nguyễn Thái Ty	Nhi	19CĐTM02	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5865	1911150108	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	19CĐTM03	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5866	2011150120	Trần Nguyễn Tuyết	Ngân	20CĐTM03	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5867	2111010017	Hà Thị	Hương	21CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5868	2111150049	Hoàng Thị Ngọc	Hân	21CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5869	2111150084	Mai Ngọc	Hân	21CĐTM02	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5870	2111150093	Cáp Thị Mỹ	Yến	21CĐTM02	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5871	2111150096	Diệp Thanh Lan	Phương	21CĐTM02	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5872	2201150010	Phạm Minh	Huy	22CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5873	2201150016	Lê Nguyễn Hoàn	Nhật	22CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5874	2201150047	Nguyễn Tấn	Lộc	22CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5875	2201150090	Lưu Hoàng	Đức	22CĐTM02	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5876	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5877	2341810011	Đông Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5878	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5879	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5880	2341810039	Nguyễn Ngọc	Anh	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5881	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5882	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100068901	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm CAT7,8,9	4	
5883	2110000038	Nguyễn Thê	Anh	21CĐCK01	030100083201	Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số	2	
5884	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100083201	Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số	2	
5885	2341840008	Huỳnh	Tỷ	23CĐCK01	030100083201	Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số	2	
5886	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100083201	Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số	2	
5887	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100083201	Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số	2	
5888	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100099001	Truyền động thủy khí	2	
5889	2341840008	Huỳnh	Tỷ	23CĐCK01	030100099001	Truyền động thủy khí	2	
5890	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100099001	Truyền động thủy khí	2	
5891	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100099001	Truyền động thủy khí	2	
5892	2341820001	Đỗ Thanh	Trúc	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5893	2341820003	Trần Nhật	Trường	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5894	2341820006	Nguyễn Nhựt	Tiến	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5895	2341820010	Đào Lê Trâm	Anh	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5896	2341820012	Lê Thị Vân	Anh	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5897	2341820020	Lê Thị Tường	Vy	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5898	2341820021	Lê Tiến	Đạt	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5899	2341820022	Cao Minh	Huy	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5900	2341820024	Lưu Tổng Đại	Nam	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5901	2341820028	Nguyễn Thị	Dung	23CĐKL01	030100099701	Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 2	3	
5902	2201010007	Nguyễn Thị Thuý	Dương	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5903	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5904	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5905	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5906	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5907	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5908	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5909	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	
5910	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100100401	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	3	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5911	2111010047	Nguyễn Duy	Tài	21CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5912	2201010007	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5913	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5914	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5915	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5916	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5917	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5918	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5919	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5920	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100100501	Kiểm tra hành khách đặc biệt, hành khách là bệnh nhân, người khuyết tật	2	
5921	2201210003	Quách An	Khang	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5922	2201210010	Trịnh Minh	Tài	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5923	2201210013	Trần Khả	Tú	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5924	2201210014	Trần Thị Quỳnh	Như	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5925	2201210017	Nguyễn Quang	Anh	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5926	2201210020	Trần Huỳnh	Anh	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5927	2201210021	Nguyễn Thân Ly	Na	22CĐKL01	030100101401	Thực hành dịch vụ kiểm soát tiếp cận (có hệ thống giám sát)	4	
5928	2110000038	Nguyễn Thế	Anh	21CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5929	2200000012	Đặng Hùng	Lâm	22CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5930	2200000019	Phan Đình Phú	An	22CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5931	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5932	2341840008	Huỳnh	Tỷ	23CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5933	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5934	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100102901	Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 2	3	
5935	2200000012	Đặng Hùng	Lâm	22CĐCK01	030100121301	Thực tập cơ bản KTHK	3	
5936	2200000019	Phan Đình Phú	An	22CĐCK01	030100121301	Thực tập cơ bản KTHK	3	
5937	2341840004	Đặng Duy	Thống	23CĐCK01	030100121301	Thực tập cơ bản KTHK	3	
5938	2341840011	Lê Đình	Thi	23CĐCK01	030100121301	Thực tập cơ bản KTHK	3	
5939	2341840017	Đậu Phi	Long	23CĐCK01	030100121301	Thực tập cơ bản KTHK	3	
5940	2341840026	Trần Tấn	Phát	23CĐCK01	030100121301	Thực tập cơ bản KTHK	3	
5941	2201010007	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5942	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5943	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5944	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5945	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5946	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5947	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5948	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5949	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100130901	Hộ tổng người và áp giải	2	
5950	2201010007	Nguyễn Thị Thuý	Dương	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5951	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5952	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5953	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5954	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5955	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5956	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5957	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5958	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100135901	Công tác khẩn nguy; đối phó với sự cố an ninh hàng không	2	
5959	2111010047	Nguyễn Duy	Tài	21CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5960	2201010007	Nguyễn Thị Thuý	Dương	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5961	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5962	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5963	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5964	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5965	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5966	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5967	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5968	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100136002	Kiểm tra, nhận biết vũ khí, chất nổ, vật phẩm nguy hiểm khác bằng máy soi tia X	3	
5969	2111010012	Nguyễn Sỹ	Sơn	21CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5970	2201010007	Nguyễn Thị Thuý	Dương	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5971	2201010010	Tăng Thị	Ni	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5972	2201010012	Nguyễn Quốc	Tiến	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5973	2201010018	Phạm Lê Gia	Huy	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5974	2201010020	Bùi Lý Công	Đức	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5975	2201010025	Phan Trọng Phương	Trung	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5976	2201010026	Trần Thị Thu	Trâm	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5977	2201010029	Đặng Hoàng	Thiên	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5978	2201010031	Trương Quốc	Kiệt	22CĐAN01	030100137001	Kiểm tra bằng phát hiện chất nổ	2	
5979	2111150049	Hoàng Thị Ngọc	Hân	21CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5980	2201150007	Thái Thị Thu	Hằng	22CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Lớp	Mã LHP	Tên học phần	TC	Ghi chú
5981	2201150027	Dương NgọC Diễm	My	22CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5982	2201150097	Cao Lê Trà	Ngân	22CĐTM02	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5983	2341810005	Hoàng Lê Bảo	Yến	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5984	2341810011	Đông Nguyễn Thảo	Ly	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5985	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5986	2341810034	Lâm Gia	Hân	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5987	2341810039	Nguyễn Ngọc	Anh	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5988	2341810049	Trương Ngọc Như	Huỳnh	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5989	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	23CĐTM01	030100146001	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5990	2011150133	Hồ Thị Thúy	Trình	20CĐTM03	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5991	2111150033	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21CĐTM01	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5992	2111150050	Lê Thị Huyền	Trang	21CĐTM01	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5993	2111150079	Trần Thị Thu	Huyền	21CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5994	2111150084	Mai Ngọc	Hân	21CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5995	2111150096	Diệp Thanh Lan	Phương	21CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5996	2111150101	Trần Tú	Trình	21CĐTM03	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5997	2111150126	Tào Nguyễn Hoàng	Duyên	21CĐTM03	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5998	2201150058	Trần Hà	Anh	22CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
5999	2201150089	Nguyễn Thuý	Duyên	22CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6000	2201150095	Lê Quang	Tướng	22CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6001	2201150098	Lăng Minh	Phát	22CĐTM02	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6002	2341810003	Hoàng Khánh	Linh	23CĐTM01	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6003	2341810004	Trương Ngọc	Long	23CĐTM01	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6004	2341810053	Đỗ Thành	Công	23CĐTM01	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6005	2341810054	Phạm Huyền Như	Phương	23CĐTM01	030100146002	Tiếng Anh chuyên ngành 1 -PV Hành khách	4	
6006	2111150098	Phạm Thiên	Phương	21CĐTM02	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
6007	2201150007	Thái Thị Thu	Hằng	22CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
6008	2201150010	Phạm Minh	Huy	22CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
6009	2201150016	Lê Nguyễn Hoàn	Nhật	22CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
6010	2201150047	Nguyễn Tấn	Lộc	22CĐTM01	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	
6011	2201150077	Trần Nguyễn Kim	Thư	22CĐTM02	030100146201	Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PV Hàng hóa	4	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2024
PHÒNG ĐÀO TẠO